



HIỆP HỘI CHẾ BIẾN
VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

BÁO CÁO XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM QII/2015

*Hà Nội,
ngày 28 tháng 07 năm 2015*





TRUY XUẤT

Từ nguyên liệu đến người tiêu dùng

Khả năng truy suất là chìa khóa trong việc chứng minh chất lượng cũng như vệ sinh an toàn của sản phẩm với khách hàng của bạn.

Với giải pháp phần mềm INNOVA các nhà chế biến thủy sản có thể truy xuất từng công đoạn của quá trình chế biến sản xuất, từ nguyên liệu đến thành phẩm.

Phần mềm quản trị sản xuất được tích hợp vào quy trình chế biến hiện hữu và ghi lại từng chuyển động của quá trình này từ khâu tiếp liệu đến khâu xuất hàng.



INNOVA

Sức mạnh quản trị sản xuất

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập:

www.marel.com/Innova/traceability

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN VIỆT NAM	6
I. SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015	6
1. Sản xuất nguyên liệu	6
2. Xuất khẩu các sản phẩm chính	8
3. Thị trường nhập khẩu chính	12
4. Top 100 DN XK thủy sản quý 6 tháng đầu năm 2015	18
5. Nhập khẩu thủy sản	20
II. CƠ HỘI, THÁCH THỨC CỦA NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM NĂM 2015	23
III. DỰ BÁO SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN QUÝ III/2015	26
 CHƯƠNG II: SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TÔM	 29
I. SẢN XUẤT	29
1. Sản xuất nguyên liệu	29
2. Giá tôm nguyên liệu	30
II. XUẤT KHẨU	31
1. Sản xuất nguyên liệu	31
2. Giá tôm nguyên liệu	37
III. NHẬP KHẨU TÔM	37
IV. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA NGÀNH TÔM	38
IV. DỰ BÁO XU HƯỚNG SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TÔM	40
 CHƯƠNG III: SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁ TRA	 42
I. SẢN XUẤT CÁ TRA NGUYÊN LIỆU	42
II. XUẤT KHẨU	44
III. THUẬN LỢI – KHÓ KHĂN	50
IV. DỰ BÁO SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁ TRA NĂM 2015	51
 CHƯƠNG IV: XUẤT KHẨU CÁ NGỪ	 52
I. KHAI THÁC	52
II. XUẤT KHẨU	52
III. CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ DỰ BÁO XUẤT KHẨU CÁ NGỪ QUÝ II/2015	58
 CHƯƠNG V: XUẤT KHẨU MỰC, BẠCH TUỘC VÀ HẢI SẢN KHÁC	 61
I. MỰC, BẠCH TUỘC	61
II. NHUYỄN THỂ HAI MẢNH VỎ	70
III. CUA GHẸ	73
IV. CHẢ CÁ VÀ SURIMI	76

CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN:

Tổng Thư ký TRƯƠNG ĐÌNH HÒE

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG VÀ XUẤT BẢN:

Phó Tổng Thư ký NGUYỄN HOÀI NAM

TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP:

LÊ HẰNG

Email: lehang@vasep.com.vn

CHUYÊN GIA THỰC HIỆN:

NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY (email: ngocthuy@vasep.com.vn)

NGUYỄN THU TRANG (email: trangnt@vasep.com.vn)

TẠ VÂN HÀ (email: taha@vasep.com.vn)

LÊ THỊ BẢO NGỌC (email: baongoc@vasep.com.vn)

PHÙNG KIM THU (email: kimthu@vasep.com.vn)

PHỤ TRÁCH PHÁT HÀNH:

NGUYỄN THU TRANG

Email: nguyentrang@vasep.com.vn

ĐT: 04 38354496 ext: 212

Mobile : 0906 151 556

LỜI NÓI ĐẦU

Biến động kinh tế và tiền tệ thế giới khiến nhu cầu NK thủy sản giảm và giá giảm, nhất là mặt hàng tôm. Đây là nguyên nhân chính khiến xu hướng XK thủy sản năm 2015 đảo chiều, sau khi tăng mạnh năm 2014. 6 tháng đầu năm 2015 XK thủy sản Việt Nam giảm 16% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt trên 3 tỷ USD.

XK tôm giảm mạnh nhất 28%, và tiếp tục chi phối xu hướng XK thủy sản năm nay. XK cá tra, cá ngừ, mực bạch tuộc giảm trung bình 8-9%.

Nguồn cung tôm Ấn Độ tăng, giá giảm khiến XK tôm Việt Nam sang thị trường Mỹ giảm sâu 50%. Do vậy, tổng XK thủy sản sang thị trường này giảm mạnh nhất (giảm gần 30%), mặc dù XK cá tra, cá ngừ sang Mỹ vẫn đạt tăng trưởng dương.

Tiêu thụ của thị trường EU, Nhật Bản giảm do kinh tế chưa hồi phục, đồng euro và đồng yên mất giá, khiến XK sang 2 thị trường chính này giảm lần lượt 16% và 11,4%.

XK cá tra sang EU tiếp tục giảm sâu, nhưng sang thị trường Mỹ, Trung Quốc tăng có thể sẽ bù đắp phần nào sụt giảm mặt hàng này.

Nhiều doanh nghiệp đã bị sụt giảm mạnh doanh số so với cùng kỳ năm ngoái vì thị trường tiêu thụ khó khăn. Liệu các doanh nghiệp có thể bứt phá vào nửa cuối năm nay, khi mà nguồn cung tôm được dự báo có thể giảm, giá tôm trên thị trường thế giới đang có xu hướng tăng. Và đây có là cơ hội cho XK tôm nửa cuối năm hồi phục? Những yếu tố nào tiếp tục chi phối ngành tôm nói riêng và ngành thủy sản Việt Nam nói chung trong thời gian tới?

Báo cáo Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam quý II/2015 xin gửi tới Quý Doanh nghiệp và bạn đọc những thông tin và dữ liệu tổng hợp, cập nhật về tình hình sản xuất, XK từng mặt hàng thủy sản chính, phân tích cơ hội, thách thức và vị thế của Việt Nam trên thị trường thủy sản thế giới và dự báo xu hướng và kết quả XK thủy sản quý III và cả năm 2015.

Ban Biên tập rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý DN và bạn đọc cho cuốn Báo cáo hàng quý hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến đóng góp, xin vui lòng gửi về:

Ms Lê Hằng - Tel: 043 7719016 Ext: 204 - Mobile: 0982 195872

Email: lehang@vasep.com.vn

Ban Biên tập

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN VIỆT NAM

Năm 2014 XK tôm tăng mạnh đẩy tổng kim ngạch XK thủy sản tăng đột biến. Bước sang năm 2015, xu hướng XK thủy sản đảo chiều cũng do mặt hàng tôm chi phối. 6 tháng đầu năm 2015 XK thủy sản **giảm 16%** so với cùng kỳ năm ngoái, đạt trên **3 tỷ USD**.

Biến động kinh tế và tiền tệ thế giới khiến nhu cầu NK giảm và giá giảm, nhất là mặt hàng tôm. XK tôm giảm mạnh nhất 28%. XK cá tra, cá ngừ, mực bạch tuộc giảm trung bình 8-9%.

Nguồn cung tôm Ấn Độ tăng, giá giảm khiến XK tôm Việt Nam sang thị trường Mỹ giảm sâu 50%. Do vậy, tổng XK thủy sản sang thị trường này giảm mạnh nhất (giảm gần 30%).

I. SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

1. Sản xuất nguyên liệu

Tổng sản lượng thủy sản của cả nước 6 tháng đầu năm đạt **3,06 triệu tấn, tăng 3,6%** so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, sản lượng khai thác đạt 1,23 triệu tấn, tăng 4,0% và chiếm 40%; sản lượng nuôi trồng đạt 1,83 triệu tấn, tăng 3,3% và chiếm 60%.

Thời tiết các tháng đầu năm tương đối thuận lợi, ngư dân tích cực ra khơi bám biển, số tàu thuyền được ngư dân cải hoán công suất và đầu tư ngư lưới cụ ngày càng tăng, hình thức liên kết tổ, đội hoạt động tương đối hiệu quả. Các tàu làm nghề khai thác xa bờ như lưới vây, lưới căn, mành chụp khơi đạt sản lượng khai thác giá trị kinh tế cao và xuất khẩu như cá thu, cá nục, cá ngừ, mực và các loại khác như cá cơm, ruốc....

Cá Tra: Diện tích nuôi cá tra 6 tháng đầu năm ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long ước đạt 5795 ha, giảm 3,7 % so với cùng kỳ; Sản lượng thu hoạch cá tra nuôi ước đạt 533,5 nghìn tấn, đạt xấp xỉ cùng kỳ năm trước. Ngành nuôi cá tra gặp nhiều khó khăn do XK giảm, nắng nóng kéo dài gây dịch bệnh lên cá, đồng thời giá cá không ổn định khiến người nuôi cân nhắc kỹ hơn trước mỗi vụ nuôi. Do đó diện tích nuôi cá tra của một số địa

phương có xu hướng giảm như: Hậu Giang giảm 24,2%, Tiền Giang giảm 26%, Bến Tre giảm 23,9%. Tuy nhiên, một số tỉnh sản lượng cá tra tăng so với cùng kỳ nhờ chủ động được trong sản xuất và tìm kiếm các thị trường mới ngoài các thị trường truyền thống như: Tiền Giang sản lượng cá tra tăng trưởng khá đạt 19,95 nghìn tấn, tăng 18,9%, Cần Thơ đạt 59,2 nghìn tấn tăng 3,8%, tại Đồng Tháp sản lượng cá tra đạt 180,2 nghìn tấn, tăng 2% so với cùng kỳ.

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG THỦY SẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015 (ĐVT sản lượng: 1.000 tấn, Diện tích: ha) - Nguồn: Tổng cục Thủy sản				
Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015 của TCTS	T1-T6/2014	T1-T6/2015	% tăng, giảm
Diện tích nuôi	1.300			
Diện tích nuôi mặn/lợ	850			
Trong đó, tôm nước lợ	685	600	609	1,5
Tôm sú	585	550	560	1,8
Tôm chân trắng	100	49,8	49	-2
Diện tích nuôi nước ngọt	450			
Trong đó: cá tra	5,5	3	3	0
Tổng sản lượng thủy sản	6.650	2.959	3.065	3,6
Sản lượng khai thác	2.700	1.187	1.235	4,0
Sản lượng khai thác hải sản	2.500	1.115	1.166	4,6
Sản lượng khai thác nội địa	200	72	69	-4,2
Sản lượng nuôi trồng	3.950	1.772	1.830	3,3
Trong đó: Tôm nước lợ	710	165	201	21,7
Tôm sú	260	85	97	14,3
Tôm chân trắng	450	80	104	29,6
Cá tra	1.200	450	450	0

Tôm nước lợ: Cũng giống như nuôi cá tra, người nuôi tôm cũng đang gặp nhiều khó khăn do thời tiết từ đầu năm không thuận lợi cho nuôi, dịch bệnh xảy ra ở một số địa phương, giá tôm nguyên liệu giảm cũng là nguyên nhân làm chậm tiến độ mở rộng diện tích nuôi ở các địa phương.

- **Tôm thẻ chân trắng:** Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng ước đạt trên 40 nghìn ha, giảm 18,9% so với cùng kỳ, sản lượng ước đạt 103,8 nghìn tấn giảm 1,6%, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long diện tích đạt 34,8 nghìn ha, giảm 26,5% so với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng đạt 66,1 nghìn tấn giảm 22,2%. Một số tỉnh có diện tích và sản lượng tôm thẻ chân trắng giảm mạnh như: Tiền Giang giảm 46,9% về diện tích và giảm 45,6% về sản lượng, Bến Tre giảm 33% cả về diện tích và sản lượng, Sóc Trăng giảm 41,7% diện tích và 28,3% sản lượng.

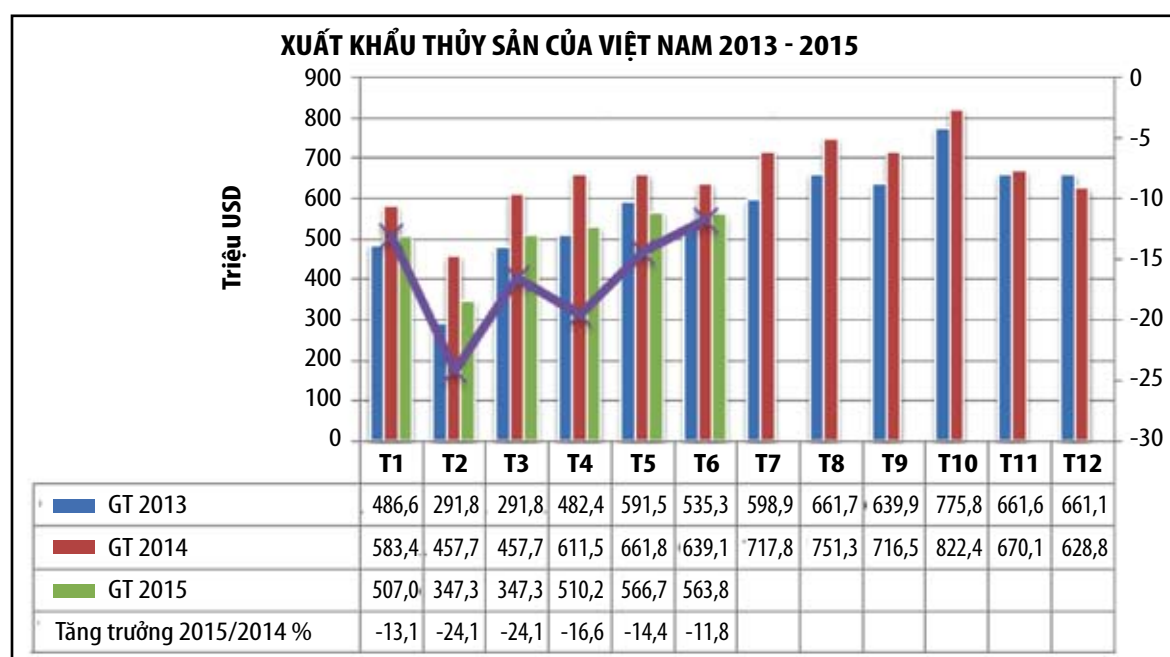
- **Tôm sú:** Trái với năm trước sau khi giá tôm thẻ sụt giảm mạnh, nhiều hộ đã trở về với đối tượng truyền thống có giá trị cao hơn là tôm sú, đồng thời áp dụng mô hình nuôi kết hợp tôm sú với các loại thủy sản khác như cua, cá rô mang lại hiệu quả tương đối tốt, tăng khả năng chống chọi dịch bệnh. Diện tích tôm sú ước đạt 550 nghìn ha (tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước) và sản lượng tôm sú ước đạt 111 nghìn tấn (tăng 2,9%). Một số tỉnh có diện

tích lớn và sản lượng tôm tăng mạnh như: Kiên Giang tăng 11,2% diện tích và 15,7% sản lượng, Sóc Trăng tăng 2,8% về diện tích và 48,1% về sản lượng.

2. Xuất khẩu các sản phẩm chính:

- So với năm 2014, XK thủy sản liên tục sụt giảm qua các tháng (từ 12 – 24%). XK trong tháng 2 giảm mạnh nhất 24% ngoài các nguyên nhân chính còn do trùng vào kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

- Đã có sự thay đổi đáng kể về tỷ trọng từng mặt hàng: tôm từ 50% năm 2014 xuống 42,6%, tỷ trọng của các mặt hàng khác đều tăng lên một chút.

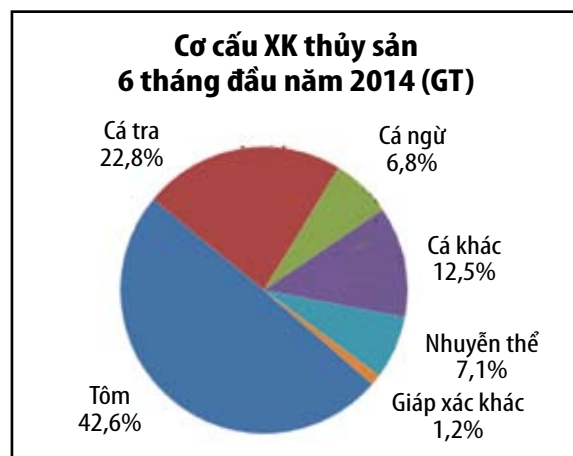
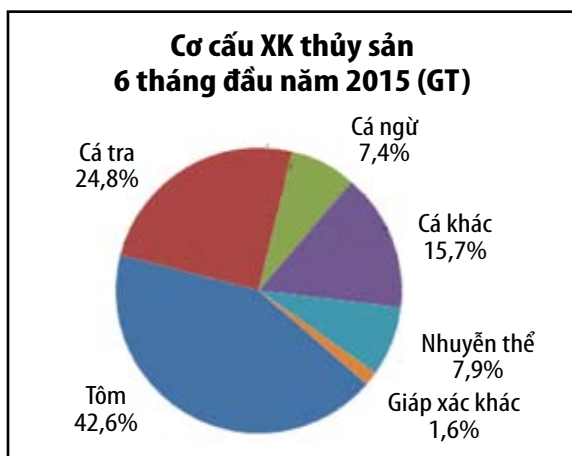


Nguyên nhân chính XK giảm:

- Nhu cầu thị trường chính EU, Nhật Bản giảm do kinh tế chưa hồi phục, đồng euro và đồng yên mất giá. XK sang 2 thị trường này giảm lần lượt 16% và 11,4%.

- Tại thị trường Mỹ: Đồng USD tăng giá mạnh khiến cho áp lực cạnh tranh tại đây rất lớn, các nước đẩy mạnh XK sang Mỹ khiến giá NK bị ép giảm. Đặc biệt là sản phẩm tôm: Việt Nam khó cạnh tranh nổi với Ấn Độ và Indonesia khi giá trung bình cao hơn hẳn 1-2 USD/kg. 6 tháng đầu năm, giá tôm Việt Nam xuất sang Mỹ trung bình là gần 12 USD/kg, trong khi tôm Ấn Độ 10,2 USD, tôm Indonesia 10,3 USD/kg. XK tôm Việt Nam sang Mỹ giảm 50%, tổng XK thủy sản giảm gần 30%.

- Nguồn cung nguyên liệu và nguồn hàng dự trữ của các DN năm nay không còn dồi dào như năm 2014 do tập trung bán thu hồi vốn khi được giá vào năm ngoái.

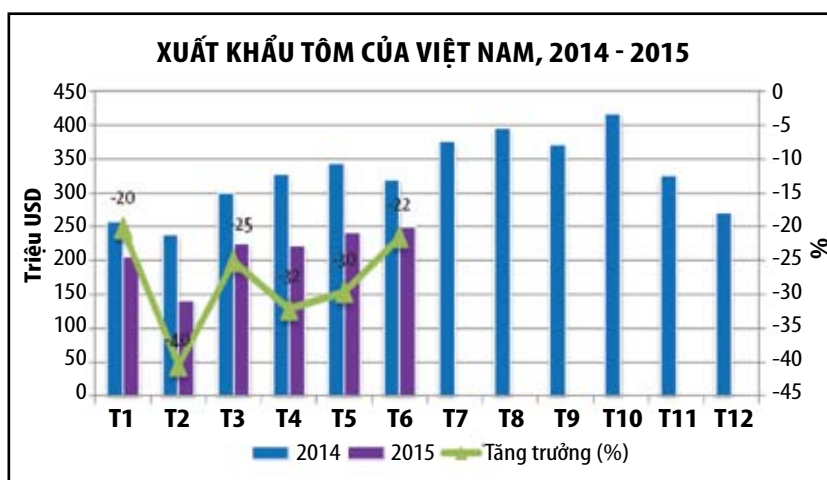
**SẢN PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU T1-T6/2015 (triệu USD)**

Sản phẩm	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	% tăng, giảm	T1-T6 2015	So với 2014 (%)
Tôm	573,954	222,691	242,793	250,725	716,210	-27,9	1.290,164	-28,0
- Tôm CT	339,985	119,568	138,209	156,747	414,524	-28,8	754,510	-29,1
- Tôm sú	178,193	84,631	84,042	75,162	243,835	-29,1	422,028	-30,2
Cá tra	356,851	125,755	133,968	133,423	393,146	-5,5	749,997	-9,0
Cá ngừ	104,310	41,433	41,508	37,474	120,415	-7,2	224,725	-8,0
- HS03	52,369	18,582	18,097	22,741	59,420	-15,5	111,789	-18,3
- HS16	51,941	22,851	23,411	14,733	60,995	+2,6	112,936	+5,0
Mực, bạch tuộc	86,963	35,950	36,509	39,152	111,610	-12,5	198,573	-9,5
NT2MV	17,010	8,320	7,278	7,605	23,203	+1,7	40,213	+4,6
Cua, ghe, giáp xác khác	21,972	6,485	8,191	11,247	25,924	+9,0	47,896	+9,2
Cá biển khác	203,259	91,322	96,389	84,128	271,839	+8,9	475,098	+4,7
Tổng	1.364,617	532,125	566,760	563,821	1.662,705	-15,3	3.027,322	-16,3

• **Tôm:**

- XK tôm quý I/2015 giảm 28%. Quý II, vẫn tiếp tục tốc độ sụt giảm tương đương do những khó khăn thách thức từ quý I vẫn tiếp diễn.

- Chiếm trên 42% giá trị XK thủy sản, mặt hàng tôm tiếp tục giữ vai trò chủ đạo quyết định mức tăng trưởng XK của ngành.



- Tổng XK tôm 6 tháng đầu năm đạt **1,3 tỷ USD, giảm 28%** so với 1,8 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, XK tôm chân trắng và tôm sú đều giảm tương đương 29 – 30% với 754,5

triệu USD từ tôm chân trắng, so với 1,06 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái. XK tôm sú đạt 422 triệu USD, giảm so với 605 triệu USD.

- Diễn biến cung – cầu năm nay đảo ngược lại với tình hình năm ngoái: Nguồn nguyên liệu các nước sản xuất tăng: Ấn Độ vào vụ chính, giá giảm, nguồn cung tăng, Thái Lan và Trung Quốc đều hồi phục sản lượng sau EMS, giá tôm nguyên liệu trong nước cao do giá sản xuất ngày một tăng, giá tôm tại các thị trường NK chính đều hạ vì nhu cầu giảm và vì tác động của đồng đô la tăng giá mạnh.

- XK tôm sang các thị trường chính đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái (14 – 54%). Mỹ là thị trường đứng đầu (chiếm 20% XK tôm Việt Nam) nhưng sụt giảm mạnh nhất NK tôm Việt Nam, giảm 50%. Nhu cầu NK tôm của Mỹ vẫn tăng, nhưng đồng USD tăng giá khiến cho thị trường này trở thành điểm hút các nhà XK tôm thế giới, tạo cơ hội cho các nhà NK ép giá. Giá tôm NK của Mỹ nửa đầu năm nay giảm 20% từ 12,5 USD/kg xuống còn 10,0 USD/kg.

- XK tôm sang Nhật Bản và EU giảm lần lượt 19% và 14% do đồng yên và đồng euro giảm giá mạnh so với đồng USD khiến các nhà NK hạn chế mua vào hoặc tìm cách hạ giá nhập.

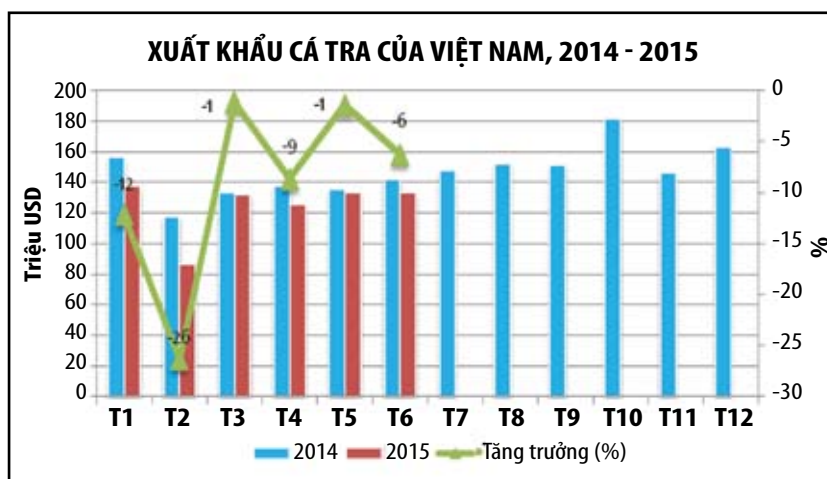
- XK sang Trung Quốc và Hàn Quốc cũng giảm lần lượt 28% và 17%. Nhu cầu NK tôm của Trung Quốc năm nay giảm do bất ổn kinh tế và sự sụp đổ thị trường chứng khoán sẽ khiến cho tiêu thụ của tầng lớp trung và thượng lưu nước này giảm mạnh trong thời gian tới.

• Cá tra:

- XK cá tra Việt Nam 6 tháng đầu năm đạt **750 triệu USD, giảm 9%** so với 824 triệu USD cùng kỳ năm ngoái. Diện tích và sản lượng cá tra những tháng đầu năm tương đương với năm ngoái, nhưng thị trường tiêu thụ khó khăn.

- Kết quả cuối cùng thuế CBPG giai đoạn POR10

với mức thuế cao gần 1 USD/kg đã tác động giảm XK cá tra sang thị trường Mỹ trong 2 tháng đầu năm. Tuy nhiên, 3 tháng tiếp theo XK sang thị trường này đã hồi phục nhanh có thể do sự tăng giá của đồng USD và áp lực cạnh tranh không đáng kể. Do vậy, tổng XK sang Mỹ vẫn tăng gần 5% trong nửa đầu năm 2015 đạt 159 triệu USD.



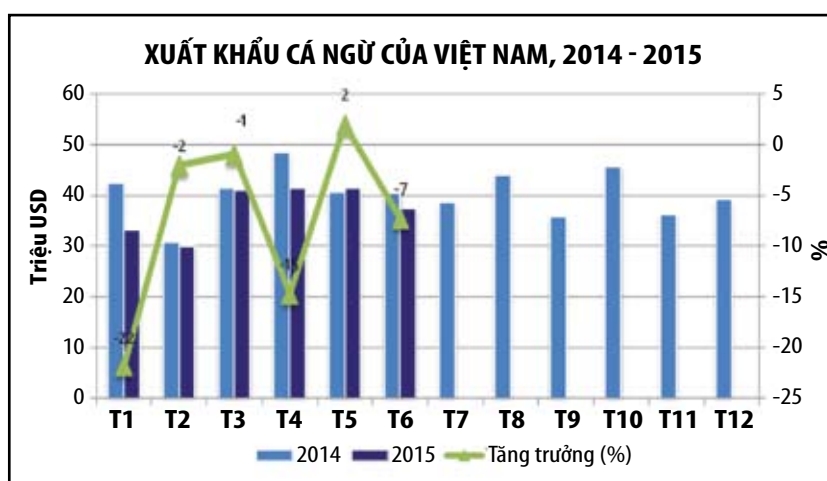
- Thị trường EU đứng thứ 2 sau Mỹ với 19% thị phần nhưng bị sụt giảm mạnh gần 18% do đồng euro yếu, nhu cầu NK giảm. Đặc biệt, XK vào Tây Ban Nha và Đức giảm rất mạnh, 47% và 26%, duy nhất thị trường Anh tăng 41%.

- XK sang các thị trường khác cũng giảm đáng kể, trừ Trung Quốc vẫn tăng 51%, đặc biệt, trong tháng 6, XK cá tra sang thị trường này tăng gần 90% so với cùng kỳ năm ngoái. Có thể trong thời gian tới XK sang thị trường này vẫn tiếp tục tăng khả quan vì kinh tế sụt giảm, nhu cầu sẽ tập trung vào sản phẩm có giá hấp dẫn hơn.

• Cá ngừ:

- Phương pháp khai thác cá ngừ theo công nghệ Nhật Bản chưa thực sự hiệu quả, chất lượng cá ngừ sau khai thác vẫn chưa đạt yêu cầu của thị trường tiêu thụ cá ngừ tươi, do vậy giá XK và kim ngạch tiếp tục giảm. Ở một số tỉnh trọng điểm, ngư dân thua lỗ nhiều đã chuyển sang khai thác loài cá khác như cá chuồn.

- Tổng XK cá ngừ 6 tháng đầu năm 2015 đạt **225 triệu USD, giảm 8%** so với 244 triệu USD, trong đó, sản phẩm cá ngừ tươi/đông lạnh (HS 03) chiếm 54%, đạt 121 triệu USD, cá ngừ chế biến chiếm 46% đạt 103 triệu USD.



- Nhật Bản năm nay đã nhường vị trí cho thị trường ASEAN (7,6% tỷ trọng) vì Nhật Bản chỉ còn chiếm 4,3% với 9,7 triệu USD, giảm 29%. XK sang EU vẫn giảm mạnh 22% do nhu cầu yếu.

- Mỹ vẫn đứng đầu về NK cá ngừ Việt Nam với 93 triệu USD, tăng 9% và chiếm trên 41% XK cá ngừ của Việt Nam. XK sang các thị trường khác như ASEAN, Mexico và Nga tăng mạnh.

- Với xu hướng này, XK cá ngừ trong nửa cuối năm sẽ khả quan hơn nhờ tăng trưởng ở những thị trường Mỹ, ASEAN và Mexico.

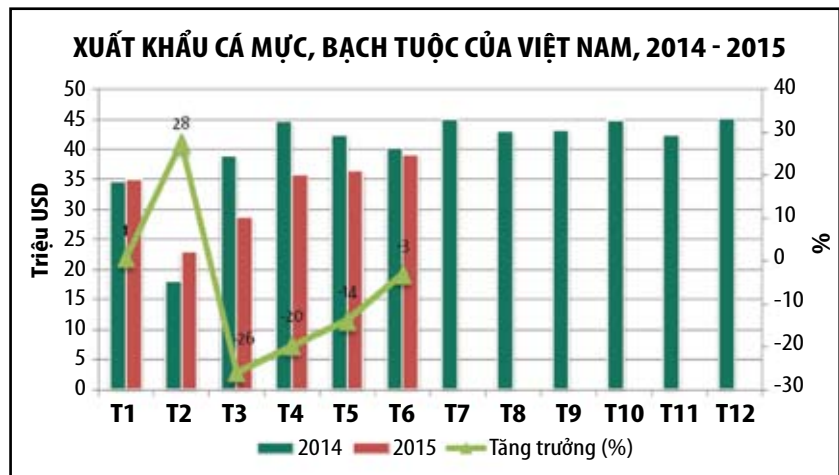
• Mực, bạch tuộc:

- 6 tháng đầu năm 2015, XK mực, bạch tuộc của Việt Nam đạt **198,5 triệu USD, giảm 9,55%** so với 219 triệu USD cùng kỳ năm ngoái, trong đó mực chiếm 55% với 110 triệu USD, bạch tuộc 45% với 88,5 triệu USD. Nhu cầu NK của các thị trường giảm khiến XK mực bạch tuộc năm nay thấp hơn năm ngoái.

- XK mực bạch tuộc sang Hàn Quốc – thị trường lớn nhất – chiếm 38% tỷ trọng, giảm gần 4% đạt 75 triệu USD và có chiều hướng giảm mạnh trong những tháng giữa năm.

- 5 tháng đầu năm nay, Hàn Quốc NK 25 nghìn tấn mực, bạch tuộc, trị giá gần 200 triệu USD, tăng 9% về khối lượng nhưng giảm 6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trung bình NK mực, bạch tuộc từ các nguồn cung chính vào thị trường này đều giảm. Giá trung bình NK mực, bạch tuộc từ Việt Nam giảm 15% từ 11 USD/kg xuống còn 9,3 USD/kg. Việt Nam là nguồn cung cấp lớn nhất, chiếm 47% thị phần tại Hàn Quốc, đứng sau là Trung Quốc, Thái Lan, Ecuador, Ấn Độ...

- Thị trường tiêu thụ mực, bạch tuộc lớn thứ 2 vẫn là Nhật Bản, chiếm 24,5%, nhưng XK mực bạch tuộc sang đây giảm 9%, đạt 48,6 triệu USD. XK sang thị trường EU chiếm 13%, đạt 26 triệu USD, giảm 28,5% - mức giảm mạnh nhất trong các thị trường chính.



• **Cua ghẹ và giáp xác khác:** XK đang tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu sản phẩm thủy sản XK, từ 1,2% lên 1,6%, sau khi hồi phục từ năm 2014. 6 tháng đầu năm 2015, XK đạt gần **48 triệu USD, tăng 9%** so với 44 triệu USD cùng kỳ năm ngoái.

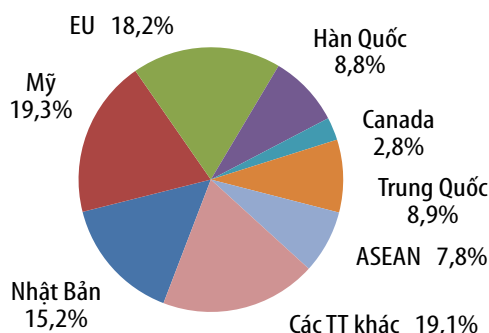
• **Cá biển:** XK cá biển năm nay có thể bù đắp phần nào sụt giảm XK tôm vì vẫn duy trì tăng trưởng dương từ năm 2014. 6 tháng đầu năm 2015, XK đạt **475 triệu USD, tăng gần 5%** so với 454 triệu USD cùng kỳ năm ngoái và tỷ trọng tăng đáng kể từ 12,5% lên 15,7% trong tổng giá trị XK thủy sản của Việt Nam.

3. Thị trường NK chính:

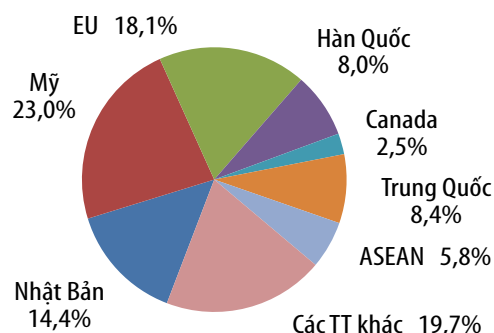
• 6 tháng đầu năm 2015, Việt Nam XK thủy sản sang 148 thị trường, giảm so với 160 thị trường cùng kỳ năm ngoái. XK sang tất cả các thị trường đều giảm (15 - 30%), trừ thị trường Hàn Quốc tăng 12% và Mexico tăng 49%.

• Top 3 thị trường: Mỹ, EU, Nhật Bản chiếm 52,7%, giảm so với 55% cùng kỳ năm ngoái. Rào cản về thuế quan và kỹ thuật, áp lực cạnh tranh lớn đã thúc đẩy các DN XK mở rộng sang các thị trường khác, giảm dần lệ thuộc vào 3 thị trường truyền thống này. Tỷ trọng của Mỹ giảm 3,7%, Nhật Bản tăng 0,8%, EU tăng 0,1%.

**Thị trường NK chính
6 tháng đầu năm 2015 (GT)**



**Thị trường NK chính
6 tháng đầu năm 2014 (GT)**



XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)

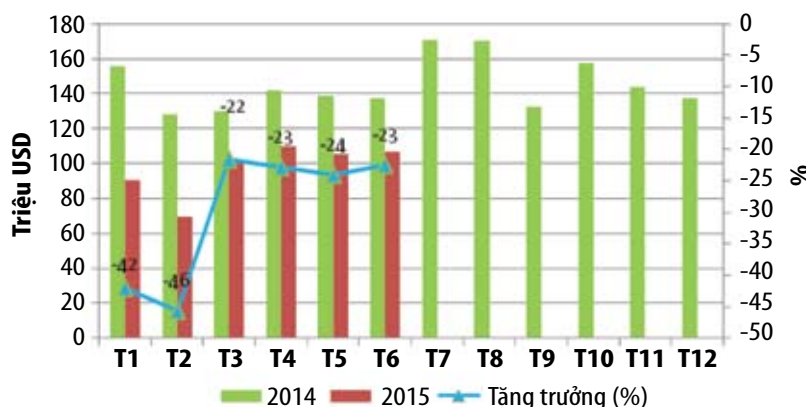
Thị trường	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	% tăng, giảm	T1-T6 2015	So với 2014 %
Mỹ	261,522	109,673	105,519	106,528	321,719	-23,1	583,241	-29,9
EU	251,077	93,608	100,456	106,119	300,183	-19,9	551,260	-16,0
Đức	50,593	15,445	15,006	17,678	48,128	-25,0	98,721	-14,2
Anh	37,302	14,385	15,835	17,853	48,074	+39,4	85,377	+37,5
Hà Lan	34,913	14,766	17,574	14,416	46,756	-33,0	81,669	-22,7
Italy	22,417	10,338	11,725	12,236	34,299	-22,7	56,716	-24,2
Pháp	25,497	7,969	10,882	9,730	28,582	-25,2	54,079	-21,7
Ngày Bản	193,047	80,763	95,301	92,348	268,412	-6,6	461,459	-11,4
Trung Quốc	125,954	49,684	52,131	41,275	143,090	-23,7	269,044	-0,8
Hồng Kông	33,339	12,375	13,314	12,602	38,291	-7,8	71,630	-3,8
Hàn Quốc	119,604	48,037	49,476	48,640	146,153	-8,2	265,757	-7,7
ASEAN	106,566	38,505	45,723	43,877	128,105	+13,8	234,671	+11,7
Canada	37,766	18,046	13,024	15,490	46,561	-12,5	84,326	-8,4
Australia	37,047	13,183	13,677	15,130	41,990	-18,9	79,036	-27,1
Đài Loan	24,089	10,172	10,646	12,137	32,954	-24,2	57,043	-15,0
Mexico	30,443	4,742	4,612	5,378	14,732	-43,4	45,175	-20,2
Các TT khác	177,503	65,713	76,196	76,897	218,806	-11,8	396,309	-22,7
Tổng cộng	1.364,617	532,125	566,760	563,821	1.662,705	-15,3	3.027,322	-16,3

3.1. Mỹ:

- 6 tháng đầu năm 2015, XK thủy sản sang Mỹ đạt **583 triệu USD**, giảm gần 30% so với 832 triệu USD cùng kỳ năm 2014. Mỹ chiếm 19% tỷ trọng XK của Việt Nam.

- XK tôm giảm mạnh nhất 50% đạt 263 triệu

XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG MỸ, 2014 - 2015



USD so với 528 triệu USD cùng kỳ năm ngoái. XK cá tra, cá ngừ tăng nhẹ, tuy nhiên không đủ bù đắp sụt giảm mặt hàng tôm. Tôm chiếm 45% giá trị thủy sản sang Mỹ, cá tra 27% và cá ngừ chưa đến 16%.

- 5 tháng đầu năm nay, Mỹ NK từ các nước trên 220 nghìn tấn tôm, trị giá trên 2,2 tỷ USD, tăng 7% về khối lượng nhưng giảm 15% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân: do đồng USD tăng giá, sản lượng của các nước Ấn Độ tăng, Thái Lan, Trung Quốc hồi phục, các nhà XK tập trung vào thị trường này khiến giá trung bình NK giảm 20%.

SẢN PHẨM THỦY SẢN XK SANG MỸ (USD)				
Sản phẩm		T1-T6/2015	% tăng, giảm	Tỷ trọng (%)
Cá tra	Tổng	159.049.276	+4,8	27,3
	HS16	107.036	-62,1	
	HS03	158.942.239	+4,9	
Tôm	Tổng	262.709.488	-50,2	45,0
	HS16	134.877.785	-40,4	
	HS03	127.831.703	-57,6	
Cá ngừ	Tổng	92.956.680	+9,3	15,9
	HS16	32.771.141	+1,8	
	HS03	60.185.539	+14,0	
Nhuễn thể		5.032.972	-1,8	0,9
Cua ghe		22.413.448	+5,6	3,8
Cá biển		41.079.060	-0,6	7,0

GIÁ TB TÔM NK VÀO MỸ (USD/KG)							
Nguồn cung	T1-T5 2014	T1-T5 2015	% tăng, giảm	Nguồn cung	T1-T5 2014	T1-T5 2015	% tăng, giảm
Tổng TG	12,52	9,99	-20,2	Mexico	18,37	15,52	-15,6
Ấn Độ	13,47	10,19	-24,3	Trung Quốc	8,99	6,91	-23,1
Indonesia	13,87	10,33	-25,5	Malaysia	10,59	9,79	-7,6
Việt Nam	14,59	11,92	-18,3	Peru	11,50	8,42	-26,7
Ecuador	10,57	7,72	-26,9	Honduras	9,29	7,40	-20,4
Thái Lan	13,30	11,08	-16,7				

3.2. EU:

- XK thủy sản sang EU 6 tháng đầu năm 2015 đạt **551 triệu USD, giảm 16%** so với 656 triệu USD cùng kỳ năm ngoái.

- XK các sản phẩm chính sang EU đều sụt giảm mạnh do đồng euro mất giá so với đồng USD khiến nhu cầu NK giảm mạnh. Trong đó tôm giảm 14% đạt 246 triệu USD, cá tra giảm 17,6%, cá ngừ giảm 21%.

- Tôm chiếm 45% tỷ trọng XK thủy sản so với 40% cùng kỳ năm ngoái; cá tra chiếm 26%, cá ngừ, mực, bạch tuộc chiếm tỷ trọng tương đương gần 10%, cá biển chiếm 8,3%.

- Tiêu thụ cá ngừ hộp và cá ngừ chế biến của Việt Nam tăng 6% so với năm ngoái, trong khi cá ngừ đông lạnh và thăn cá ngừ giảm sâu gần 42%.

- Mặc dù chiếm tỷ trọng khiêm tốn 1% nhưng cá tra chế biến cũng đang được đẩy mạnh XK sang thị trường EU với gần 6 triệu USD, tăng 46%, trong khi cá phile đông lạnh giảm 19% với 137 triệu USD.

- NK thủy sản của EU từ các nước trong quý I/2015 giảm 14%, đạt 10,5 tỷ USD. Các nguồn cung cấp ngoại khối cho thị trường này đứng đầu là Na Uy chiếm 13% thị phần, tiếp đến là Trung Quốc 5,2%, Morocco

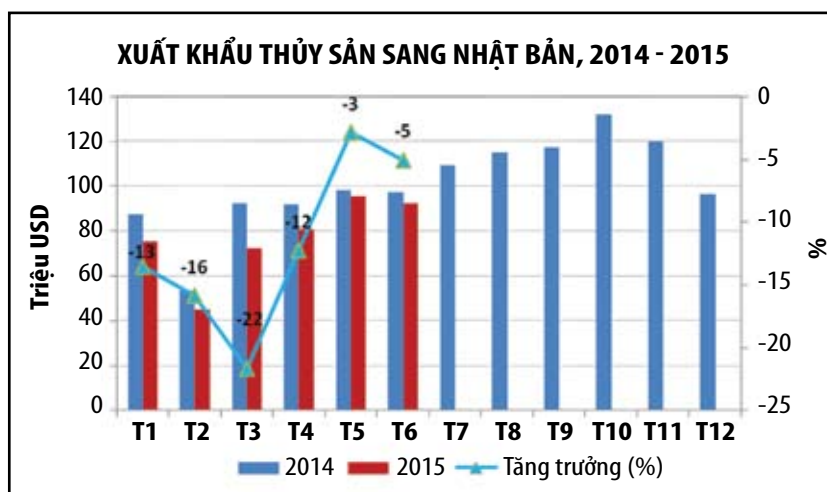
2,8%, Việt Nam và Ấn Độ đứng thứ 4, thị phần tương đương 2,4%. NK từ hầu hết các nước đều sụt giảm, trong đó Thái Lan giảm tới gần 45%, Ecuador giảm 35%, Ấn Độ giảm 9%, trừ Trung Quốc vẫn tăng trên 8%.

3.3. Nhật Bản: Giá tôm NK từ Việt Nam giảm 13%

- Tổng XK thủy sản Việt Nam sang Nhật Bản 6 tháng đầu năm đạt **461 triệu USD, giảm 11%** so với 521 triệu USD cùng kỳ năm 2014.

- XK tôm chiếm tỷ trọng lớn nhất 55%, nhưng giảm mạnh nhất 19% đạt 253 triệu USD.

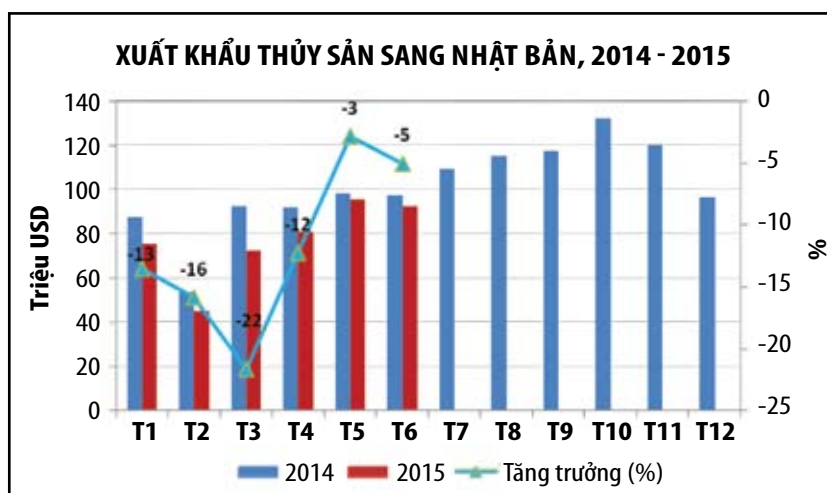
- 5 tháng đầu năm nay, Nhật Bản NK 70 nghìn tấn tôm từ các nước, trị giá 780 triệu USD, giảm



SẢN PHẨM THỦY SẢN XK SANG EU (USD)				
Sản phẩm		T1-T6/2015	% tăng, giảm	Tỷ trọng (%)
Cá tra	Tổng	142.598.212	-17,6	25,9
	HS16	5.556.605	+46,0	
	HS03	137.041.607	-19,1	
Tôm	Tổng	246.372.296	-14,3	44,7
	HS16	106.823.892	+0,1	
	HS03	139.548.404	-22,8	
Cá ngừ	Tổng	54.379.646	-21,6	9,9
	HS16	31.109.533	+6,1	
	HS03	23.270.113	-41,9	
Nhuyễn thể		53.364.591	-16,1	9,7
Cua ghe		8.744.938	-10,7	1,6
Cá biển		45.800.635	-13,1	8,3

GIÁ TÔM TRUNG BÌNH NK VÀO NHẬT BẢN, T1-T5/2015 (USD/kg)			
Nguồn cung	T1-T5/2014	T1-T5/2015	% tăng, giảm
TG	12,4	11,2	-9,6
Việt Nam	14,1	12,2	-13,1
Thái Lan	12,5	10,9	-12,8
Indonesia	13,3	11,5	-13,9
Ấn Độ	11,0	10,4	-5,5
Trung Quốc	10,5	9,1	-13,4

lần lượt 12% và 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân khiến NK giảm là do kinh tế Nhật Bản vẫn chưa cải thiện nhiều, cộng với đồng yên mất giá so với USD. Bên cạnh đó, giá tôm thế giới tăng khiến sức mua của người tiêu dùng Nhật Bản giảm do thị hiếu tiêu dùng của người Nhật Bản cũng dễ thay đổi theo điều kiện kinh tế và thu nhập. Họ có xu hướng lựa chọn các sản phẩm có giá hợp lý. Giá tôm NK trung bình của Nhật Bản cũng giảm 10% từ 12,4 USD/kg xuống 11,2 USD/kg. Giá tôm NK từ Việt Nam cũng bị giảm 13% từ 14,0 USD xuống 12,2 USD/kg. Giá tôm Indonesia giảm mạnh nhất gần 14% từ 13,3 USD xuống 11,5 USD.



SẢN PHẨM THỦY SẢN XK SANG NHẬT BẢN (USD)				
Sản phẩm		T1-T6/2015	% tăng, giảm	Tỷ trọng (%)
Cá tra	Tổng	4.377.448	+7,8	0,9
	HS16	59.158	+390,4	
	HS03	4.318.290	+6,7	
Tôm	Tổng	252.942.837	-18,7	54,8
	HS16	92.917.349	-25,1	
	HS03	160.025.488	-14,4	
Cá ngừ	Tổng	9.690.368	-28,9	2,1
	HS16	3.268.507	+14,6	
	HS03	6.421.861	-40,4	
Nhuyễn thể		53.408.825	-7,5	11,6
Cua ghe		8.329.428	+28,7	1,8
Cá biển		132.709.965	+4,0	28,8

- Giá tôm NK từ Việt Nam vẫn cao nhất nhờ ưu thế về tôm chế biến và chất lượng tôm XK. Việt Nam đứng đầu về cung cấp tôm cho Nhật Bản, chiếm 25% thị phần, tiếp đến là Indonesia 18,7% và Thái Lan 17,7%, Ấn Độ 8,6% và Trung Quốc 6,4%.

- XK cá ngừ liên tục sụt giảm từ năm 2013 đến nay chỉ còn chiếm 2% tổng XK thủy sản Việt Nam sang Nhật Bản và 6 tháng đầu năm 2015 giảm tới 29% đạt 9,7 triệu USD.

- XK cá biển chiếm 29% đạt 133 triệu USD, tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái.

3.4. Hàn Quốc

- XK thủy sản sang Hàn Quốc 6 tháng đầu năm 2015 **đạt 266 triệu USD, giảm 8%** so với 288 triệu USD cùng kỳ năm ngoái.

- Hàn Quốc NK từ Việt Nam nhiều nhất là tôm (43%), mực bạch tuộc (28%) và các loại cá biển (27%), cá ngừ, cua ghe và cá tra chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ chưa tới 1%.

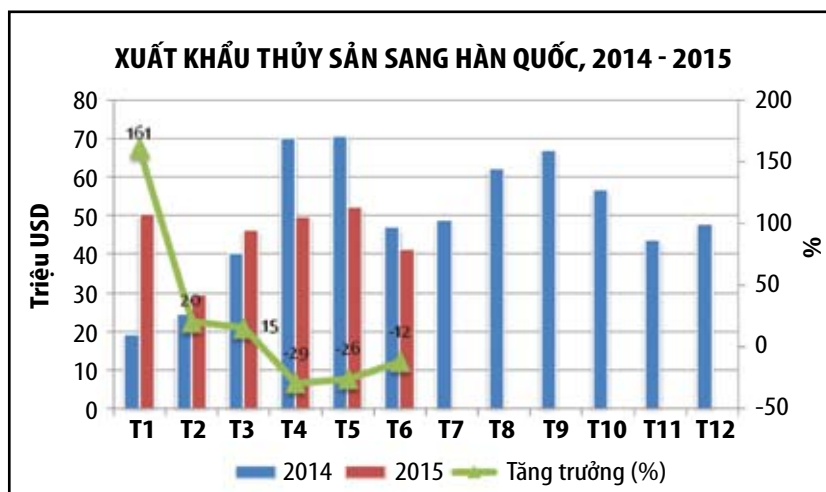
- XK các sản phẩm chủ lực sang thị trường này đều giảm: tôm giảm 17%, mực, bạch tuộc giảm gần 4%, riêng cá biển vẫn tăng khả quan gần 8%.

- 5 tháng đầu năm nay, Hàn Quốc NK thủy sản từ các nước với khối lượng 526 nghìn tấn, trị giá 1,7 tỷ USD, tăng lần lượt 8% và 6% so với cùng kỳ năm ngoái. Việt Nam là nguồn cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, chiếm 12,5% thị phần, sau Trung Quốc và Nga.

- Mực, bạch tuộc là sản phẩm Hàn Quốc NK nhiều nhất với 25 nghìn tấn, trị giá 245 triệu USD, tăng 9% về khối lượng và 2,4% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

- Việt Nam đứng thứ 3 về XK mực, bạch tuộc cho thị trường Hàn Quốc, chiếm 29% thị phần. Giá trung bình mực, bạch tuộc XK sang Hàn Quốc giảm 5,5% từ 5,8 USD xuống 5,4 USD/kg. Giá NK từ các nguồn cung khác như Trung Quốc, Peru cũng giảm tương đương.

- Việt Nam đứng đầu về XK tôm cho Hàn Quốc, tuy nhiên, giá trung bình NK tôm cũng giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trung bình NK tôm của Hàn Quốc giảm 14% từ 9,1 USD xuống 7,8 USD/kg. Trong đó, giá NK từ Việt Nam giảm 15,6% từ 11 USD/kg xuống còn 9,3 USD/kg.



GIÁ TÔM TRUNG BÌNH NK VÀO HÀN QUỐC, T1-T5/2015 (USD/kg)			
Nguồn cung	T1-T5/2014	T1-T5/2015	% tăng, giảm
TG	9,1	7,8	-14,1
Việt Nam	11,0	9,3	-15,6
Trung Quốc	5,0	4,1	-18,6
Thái Lan	13,0	11,0	-15,6

SẢN PHẨM THỦY SẢN VIỆT NAM XK SANG HÀN QUỐC (USD)				
Sản phẩm		T1-T6/2015	% tăng, giảm	Tỷ trọng (%)
Cá tra	Tổng	2.262.453	-21,9	0,9
	HS16	78.754	+556,3	
	HS03	2.183.699	-24,3	
Tôm	Tổng	114.235.455	-17,3	43,0
	HS16	40.132.810	+9,8	
	HS03	74.102.644	-27,0	
Cá ngừ	Tổng	1.298.958	-11,6	0,5
	HS16	1.279.818	-12,8	
	HS03	19.140	+2.273,5	
Nhuuyễn thể		75.717.432	-3,9	28,5
Cua ghe		702.076	+121,9	0,3
Cá biển		71.541.078	+7,9	26,9

3.5. Trung Quốc và Hong Kong

- 6 tháng đầu năm, XK thủy sản Việt Nam sang Trung Quốc đạt **269 triệu USD, giảm 0,8%** so với 304 triệu USD cùng kỳ năm ngoái.

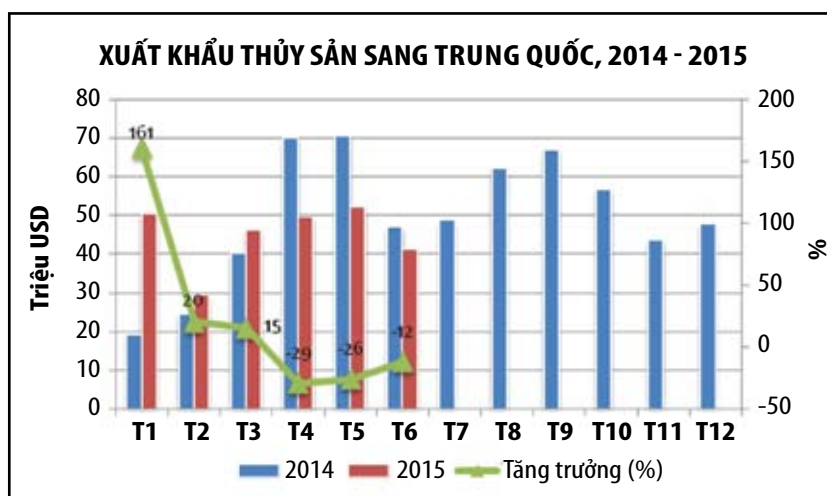
- XK tôm chiếm tỷ trọng lớn nhất 57% với 153 triệu USD, giảm 28%.

- XK cá tra đứng thứ 2, chiếm 26% và có chiều hướng tích cực với mức tăng trưởng gần 51% đạt 70 triệu USD.

- XK mực, bạch tuộc, cua ghẹ và cá biển dù chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng tăng khả quan (3- 35%).

- Dự báo XK tôm sang thị trường Trung Quốc sẽ tiếp tục giảm trong những tháng tới vì thị trường chứng khoán

sụp đổ sẽ ảnh hưởng đến tần lớp trung lưu làm giảm nhu cầu các sản phẩm giá cao. Tuy nhiên, cá tra và các loại cá biển đông lạnh khác có thể sẽ có cơ hội gia tăng tại thị trường này.



SẢN PHẨM THỦY SẢN XK SANG TRUNG QUỐC & HK (USD)				
Sản phẩm		T1-T6/2015	% tăng, giảm	Tỷ trọng (%)
Cá tra	Tổng	70.199.136	+50,7	26,1
	HS16	243.660	-56,9	
	HS03	69.955.476	+52,1	
Tôm	Tổng	153.369.586	-28,0	57,0
	HS16	7.334.408	-20,6	
	HS03	146.035.177	-28,3	
Cá ngừ	Tổng	5.887.280	-27,3	2,2
	HS16	1.277.813	-30,8	
	HS03	4.609.468	-26,3	
Nhuyễn thể		12.089.259	+13,8	4,5
Cua ghẹ		2.717.541	+34,9	1,0
Cá biển		24.781.548	+3,1	9,2

4. Top 100 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản 6 tháng đầu năm 2015

- Top 100 DN XK thủy sản hàng đầu của Việt Nam đạt doanh số 2,14 tỷ USD, chiếm 71% tổng kim ngạch XK thủy sản, giảm so với 2,6 tỷ USD và tỷ trọng 73% cùng kỳ năm ngoái.

- Top 3 DN đứng đầu về doanh số XK gồm MINH PHU SEAFOOD CORP; VINH HOAN CORP và CASES, chiếm tỷ trọng lần lượt 4,7%; 3,8% và 2,9% tổng XK thủy sản nửa đầu năm.

Top 3 DN cùng kỳ năm ngoái là MINH PHU SEAFOOD CORP; STAPIMEX và QUOC VIET CO., LTD chiếm 5,9%; 3,3% và 2,8% doanh số XK thủy sản của cả nước.

- Mặc dù vẫn dẫn đầu DN thủy sản nhưng tình hình thị trường tôm năm nay khó khăn khiến doanh số của Minh Phu Corp giảm mạnh gần 33% so với 212,6 triệu USD cùng kỳ năm ngoái, xuống còn 143 triệu USD. Doanh số của CASES, STAPIMEX và Minh Phu Hậu

Giang cũng giảm lần lượt 5,3%, 30% và 31% so với cùng kỳ năm ngoái. STAPIMEX từ vị trí thứ 2 trong top DN nửa đầu năm ngoái xuống vị trí thứ 4 trong 6 tháng đầu năm nay.

- Trong khi đó Vinh Hoan Corp từ vị trí thứ 6 trong bảng DN nửa đầu năm 2014 đã vượt lên vị trí thứ 2 nhờ doanh số tăng gần 29% từ 88 triệu USD lên gần 114 triệu USD 6 tháng đầu năm nay. Tạp chí Forbes Việt Nam số 25 phát hành cuối tháng 06/2015 đã vinh danh 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2015. Các công ty được chọn không những có tình hình tài chính tốt mà còn cho thấy tính hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp và tiềm năng tăng trưởng cao. Với kết quả kinh doanh năm 2014 ấn tượng - doanh thu: 6.292 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: 439 tỷ đồng, lần lượt tăng 23% và 177% so với năm 2013, giá trị vốn hóa thị trường đạt 3.335 tỷ đồng, tăng 68,4% so với cùng kỳ, CTCP Vinh Hoàn (mã cổ phiếu: VHC) lần thứ 2 được chọn vào danh sách TOP 50 của Forbes.

TOP 100 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU THỦY SẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

STT	Doanh nghiệp	GT (USD)	Tỷ lệ GT (%)	STT	Doanh nghiệp	GT (USD)	Tỷ lệ GT (%)
1	MINH PHU SEAFOOD CORP	142.893.023	4,72	34	Cty CP THS An Phú	18.202.633	0,60
2	VINH HOAN CORP	113.785.174	3,76	35	Cty TNHH TS Phát Tiến	17.769.645	0,59
3	CASES	86.528.120	2,86	36	HAVUCO	16.869.738	0,56
4	STAPIMEX	82.623.593	2,73	37	Cty TNHH Tín Thịnh	16.778.780	0,55
5	Cty TNHH CB TS Minh Phú - Hậu Giang	69.266.395	2,29	38	CL-FISH CORP	16.528.016	0,55
6	QUOC VIET CO., LTD	64.400.910	2,13	39	Cty CP CB TP Ngọc Trí	15.567.786	0,51
7	FIMEX VN	52.876.250	1,75	40	Cty CP SeaVina	15.455.218	0,51
8	Cty TNHH CB TS và XNK Trang Khanh	50.537.892	1,67	41	PATAYA VIETNAM	15.362.013	0,51
9	HUNG VUONG CORP	48.745.382	1,61	42	SEANAMICO	15.328.764	0,51
10	BIENDONG SEAFOOD	47.506.468	1,57	43	SEAPRODEX DA NANG	15.210.609	0,50
11	Cty CP TS Nam Sông Hậu	43.852.246	1,45	44	Cty CP TS Hải Hương	14.984.401	0,49
12	C. P Việt Nam	40.233.183	1,33	45	Cty CP TS Trường Giang	14.836.354	0,49
13	NAVICO	39.263.336	1,30	46	CAFISH	13.666.168	0,45
14	THUAN PHUOC CORP	32.503.256	1,07	47	Cty TNHH HS Thanh Thế	13.604.846	0,45
15	Cty CP TS Sạch Việt Nam	32.312.829	1,07	48	Cty CP TS Cổ Chiên	13.547.738	0,45
16	Cty TNHH Anh Khoa	31.497.629	1,04	49	BACLIEUFIS	13.525.160	0,45
17	HAVICO	31.079.139	1,03	50	Cty CP SX XD TM Trung Sơn	13.418.796	0,44
18	I.D.I CORP	29.835.560	0,99	51	HAI NAM CO., LTD	13.259.729	0,44
19	GODACO	28.448.280	0,94	52	Cty TNHH TS Nguyễn Tiến	13.110.620	0,43
20	AGIFISH	27.756.097	0,92	53	SEAPRIEXCO No.4	12.996.157	0,43
21	YUEH CHYANG CO	26.989.220	0,89	54	Cty CP CB và XNK TS Thanh Đoàn	12.540.055	0,41
22	Cty TNHH TS Hải Long Nha Trang	26.924.210	0,89	55	Cty TNHH TS Camimex	12.448.914	0,41
23	HUNGCA CO., LTD	24.262.725	0,80	56	BASEAFOOD	12.405.144	0,41
24	SEA MINH HAI	23.729.201	0,78	57	COIMEX	11.917.775	0,39
25	Cty CP TP XK Trung Sơn Hưng Yên	22.352.550	0,74	58	DNTN Hồng Ngọc	11.889.620	0,39
26	AMANDA FOODS (VN) LTD	22.139.492	0,73	59	Cty TNHH CB HS XK Khánh Hoàng	11.785.520	0,39
27	BIDIFISCO	22.031.824	0,73	60	Cty CP TS Thông Thuận Cam Ranh	11.764.624	0,39
28	Cty TNHH Đại Thành (tỉnh Tiền Giang)	20.933.470	0,69	61	Cty TNHH TP TS Minh Bạch	11.612.899	0,38
29	Cty CP TS NTSF	20.797.252	0,69	62	Cty TNHH Mai Linh	11.379.735	0,38
30	AUVUNG SEAFOOD	20.276.359	0,67	63	Cty TNHH Thông Thuận	11.352.456	0,37
31	NHATRANG SEAFOODS F17	19.941.995	0,66	64	S.G FISCO	11.040.406	0,36
32	HIGHLAND DRAGON	18.404.947	0,61	65	VIETNAM FISH-ONE CO., LTD	10.997.976	0,36
33	Cty TNHH FOODTECH	18.398.833	0,61	66	Cty TNHH Huy Minh	10.833.768	0,36

67	Cty TNHH MTV CB TS XK Thiên Phú	10.794.407	0,36	85	KISIMEX	9.012.291	0,30
68	Cty CP CBTS và XNK Hoà Trung	10.710.729	0,35	86	Cty TNHH TS Đông Hải	9.008.231	0,30
69	VIET FOODS CO., LTD	10.557.959	0,35	87	Cty TNHH Trinity Việt Nam	8.889.033	0,29
70	Cty TNHH Thịnh Hưng	10.013.522	0,33	88	CTE JSCO	8.554.915	0,28
71	SEAPRIMEXCO VIETNAM	10.006.981	0,33	89	CAFATEX CORP	8.241.882	0,27
72	Cty TNHH Vạn Đạt	10.000.634	0,33	90	HTFOOD	8.149.722	0,27
73	Cty TNHH Toàn Thắng	9.952.807	0,33	91	Cty TNHH TM TS Nguyễn Chi	8.135.063	0,27
74	Cty CP Thực Phẩm Gm	9.826.164	0,32	92	CAMIMEX	8.096.709	0,27
75	Cty CP XNK TS An Mỹ	9.764.999	0,32	93	UTXI CO	8.083.530	0,27
76	Cty TNHH CB XNK TS Quốc Ái	9.757.992	0,32	94	DNTN Huỳnh Hớn	8.075.621	0,27
77	FINE FOODS COMPANY (FFC)	9.733.778	0,32	95	PHUONG NAM CO., LTD	7.831.300	0,26
78	NIGICO CO., LTD	9.728.249	0,32	96	Cty TNHH TS Trọng Nhân	7.815.360	0,26
79	Cty TNHH MTV Vườn Đại Dương	9.713.869	0,32	97	Cty TNHH Vina Pride Seafoods	7.616.536	0,25
80	Cty TNHH MTV TP Đông Lạnh Việt I-MEI	9.648.727	0,32	98	Cty TNHH Huy Nam	7.601.073	0,25
81	CUULONG SEAPRO	9.607.636	0,32	99	Cty TNHH MTV KD CB TS XK Bạch Linh	7.491.126	0,25
82	Cty CP XNK TS Cửu Long	9.346.395	0,31	100	SOUTH VINA	7.481.701	0,25
83	Cty TNHH Thực Phẩm Việt	9.155.663	0,30		Các DN khác	884.679.686	29,22
84	AQUATEX BENTRE	9.118.840	0,30		Tổng	3.027.322.039	100,00

5. Nhập khẩu thủy sản

- 6 tháng đầu năm 2015, NK thủy sản vào Việt Nam đạt gần 512 triệu USD, trong đó NK tôm chiếm 40% với 208 triệu USD (tôm chân trắng nguyên liệu 134 triệu USD, chiếm 26%); NK cá ngừ chiếm gần 20% với trên 100 triệu USD, các loại cá biển khác 33% với gần 170 triệu USD.

- Việt Nam NK thủy sản từ **70 nước và vùng lãnh thổ** với mục đích gia công và chế biến XK (chiếm 85% khối lượng NK)

- Ấn Độ đang là nguồn cung cấp lớn nhất thủy sản cho Việt Nam, chiếm 30% giá trị NK với 155 triệu USD trong 6 tháng đầu năm nay. Mặt hàng NK chính từ thị trường này là tôm chân trắng, vì giá tôm Ấn Độ thấp hơn so với tôm nguyên liệu Việt Nam, trong khi nước này không có cơ sở hạ tầng và công nghệ chế biến hàng GTGT. Các nhà chế biến XK của Việt Nam đã tận dụng nguồn nguyên liệu từ Ấn Độ để sản xuất hàng GTGT, tăng doanh số XK sang các thị trường khó tính như EU, Nhật Bản, Mỹ. Việt Nam đang là thị trường tiêu thụ tôm lớn thứ 2 của Ấn Độ chỉ sau Mỹ.

SẢN PHẨM THỦY SẢN NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015			
Nhóm SP	Sản phẩm	GT (USD)	Tỷ trọng (%)
	Cá chế biến đóng hộp (trừ cá ngừ, cá tra) (thuộc mã 16)	315.937	
	Cá chế biến khác (trừ cá ngừ, cá tra) (thuộc mã 16)	1.254.996	
	Cá giống	799.984	
	Cá khô thuộc mã 0305 (trừ cá ngừ, cá tra)	1.156.102	
	Cá sống + cá cảnh thuộc mã 0301	611.245	
	Cá tươi/đông lạnh (trừ cá ngừ, cá tra) thuộc mã 0302 và 0303	136.331.738	
	Chả cá và surimi	1.520.979	
	Nước mắm, mắm nêm các loại	119.890	
	Philê cá và các loại thịt cá (không bao gồm chả cá và surimi) (trừ cá ngừ, cá tra) thuộc mã 0304	27.563.766	
Cá các loại khác (thuộc mã 0301 đến 0305, và 1604, trừ cá ngừ, cá tra)		169.674.637	33,2
	Cá ngừ đóng hộp (thuộc mã 16)	449.395	
	Cá ngừ chế biến khác (thuộc mã 16)	569.528	
	Cá ngừ sống/tươi/đông lạnh/ khô (thuộc mã 03) (trừ cá thuộc mã 0304)	82.768.675	
	Cá ngừ thuộc mã 0304 (trừ sản phẩm chả cá và surimi)	16.514.340	
Cá ngừ (thuộc mã 03 & 16)		100.301.938	19,6
	Cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô (thuộc mã 03) (trừ cá thuộc mã 0304)	470.850	
	Cá tra thuộc mã 0304 (trừ sản phẩm chả cá và surimi)	4.230.278	
Cá tra (thuộc mã 03 & 16)		4.701.128	0,9
	Cua ghẹ và động vật giáp xác khác chế biến (thuộc mã 16)	15.366	
	Cua ghẹ và động vật giáp xác khác khô/muối/sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã 03)	8.049.407	
Cua ghẹ và giáp xác khác (mã HS03 & 16)		8.064.773	1,6
	Bạch tuộc chế biến (thuộc mã 16)	148.093	
	Bạch tuộc khô/muối/sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã 03)	2.888.770	
	Mực chế biến khác (thuộc mã 16)	28.640	
	Mực khô, nướng, (thuộc mã 03), kể cả mực sấy ăn liền thuộc mã 16	269.266	
	Mực sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã 03)	10.927.934	
Nhuễn thể chân đầu (thuộc mã 0307 & 16)		14.262.703	2,8
	Ngao giống	3.600	
	Nhuễn thể (trừ mực và bạch tuộc) sống/tươi/đông lạnh thuộc mã 0307	5.951.096	
	Nhuễn thể chế biến (trừ mực và bạch tuộc) thuộc mã 160590	560.634	
Nhuễn thể HMM (thuộc mã 0307 & 16)		6.515.330	1,3
	Nhuễn thể khác (hải sâm, hải quỳ, nhím biển, sao biển, trùn biển...)	46.993	
Nhuễn thể khác (trừ mực, bạch tuộc và NT 2 mảnh vỏ)		46.993	
	Tôm chân trắng chế biến (thuộc mã 16)	4.246.787	0,8
	Tôm chân trắng sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã 03)	133.576.591	26,1
	Tôm giống	9.266.098	1,8
	Tôm loại khác chế biến khác (thuộc mã 16)	706.892	0,1
	Tôm loại khác khô (thuộc mã 03)	23.900	0,0
	Tôm loại khác sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã 03)	14.170.246	2,8
	Tôm sú chế biến khác (thuộc mã 16)	1.291.609	0,3
	Tôm sú sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã 03)	44.842.292	8,8
Tôm các loại (thuộc mã 03 & 16)		208.124.415	40,7
TỔNG		511.691.917	100,0

NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM TỪ CÁC THỊ TRƯỜNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015*Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)*

STT	Xuất xứ	GT (USD)	Tỷ lệ GT (%)	STT	Xuất xứ	GT (USD)	Tỷ lệ GT (%)
ASEAN		56.494.346	11,04	35	Argentina	3.474.403	0,68
1	Việt Nam	29.786.022	5,82	36	Fiji	3.130.437	0,61
2	Indonesia	12.269.480	2,40	37	Micronesia	2.644.102	0,52
3	Thái Lan	6.748.453	1,32	38	Pakistan	2.394.527	0,47
4	Singapore	2.815.312	0,55	39	New Zealand	2.231.383	0,44
5	Philippines	2.450.340	0,48	40	Mauritius	2.162.976	0,42
6	Malaysia	1.625.616	0,32	41	Quần đảo Marshall	2.053.637	0,40
7	Myanmar	796.423	0,16	42	Seychelles	1.999.734	0,39
8	Brunei	2.700	0,001	43	Đảo Faroe	1.760.616	0,34
EU		42.772.290	8,36	44	Quần đảo Solomon	1.468.435	0,29
9	Ba Lan	12.627.300	2,47	45	Australia	1.426.227	0,28
10	Anh	8.783.840	1,72	46	Vanuatu	1.397.153	0,27
11	Tây Ban Nha	8.013.235	1,57	47	Đảo Cape Verde	1.281.505	0,25
12	Đan Mạch	7.333.275	1,43	48	Belize	1.010.849	0,20
13	Pháp	2.423.320	0,47	49	Tuvalu	894.289	0,17
14	Ireland	1.440.790	0,28	50	Venezuela	760.480	0,15
15	Hà Lan	531.488	0,10	51	Greenland	645.760	0,13
16	Áo	393.176	0,08	52	Panama	626.317	0,12
17	Estonia	381.653	0,07	53	Mexico	552.167	0,11
18	Lithuania	296.752	0,06	54	Arập Xêut	520.078	0,10
19	Phần Lan	230.382	0,05	55	Guinea	505.769	0,10
20	Đức	207.966	0,04	56	Peru	276.801	0,05
21	Bulgaria	108.018	0,02	57	Ghana	248.452	0,05
22	Hàn Quốc	32.581.122	6,37	58	Bangladesh	245.419	0,05
23	Nhật Bản	31.489.623	6,15	59	Mozambique	178.580	0,03
TQ và HK		27.650.523	5,40	60	Mauritania	161.150	0,03
24	Trung Quốc	27.643.363	5,40	61	Papua New Guinea	151.234	0,03
25	Hồng Kông	7.160	0,001	62	Honduras	149.891	0,03
26	Mỹ	15.969.556	3,12	63	Iceland	131.705	0,03
Các TT khác		304.734.458	59,55	64	Israel	112.096	0,02
27	Ấn Độ	155.405.135	30,37	65	Bahrain	88.125	0,02
28	Na Uy	34.751.732	6,79	66	Uruguay	83.296	0,02
29	Đài Loan	32.526.185	6,36	67	Triều Tiên	72.031	0,01
30	Nga	17.622.072	3,44	68	Đảo Cook	57.408	0,01
31	Chile	14.971.463	2,93	69	Uganda	53.436	0,01
32	Ecuador	6.426.461	1,26	70	Tanzania	18.000	0,004
33	Canada	4.251.101	0,83	71	Nam Phi	2.700	0,001
34	Kiribati	3.808.540	0,74	Tổng		511.691.917	100,00

II. CƠ HỘI – THÁCH THỨC CỦA NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM NĂM 2015

1. Cơ hội

1.1. Thuế CBPG tôm tại thị trường Mỹ giảm

Ngày 3/3/2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã công bố kết quả sơ bộ rà soát hành chính lần thứ 9 (POR9) thuế CBPG tôm đông lạnh NK từ Việt Nam giai đoạn từ 01/2/2013 đến 31/01/2014. Theo kết quả sơ bộ này, mức thuế trung bình 0,93% đã giảm mạnh so với mức thuế của kỳ xem xét lần trước POR8 với 6,37%. Nếu kết quả sơ bộ được giữ nguyên trong kết quả cuối cùng, XK tôm Việt Nam vào Mỹ sẽ thuận lợi hơn.

1.2. Cơ hội miễn thuế XNK từ hiệp định TPP và các FTA với EU, Hàn Quốc

- Mỹ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm tới 64,4% tổng giá trị XK. Vì thế, sự tham gia của 4 đối tác kinh tế quan trọng trên vào các hiệp định thương mại sẽ đem lại những lợi ích, cơ hội lớn cho XK thủy sản Việt Nam trong năm nay. Các nước thành viên tham gia TPP sẽ được giảm 90% các loại thuế XNK hàng hóa và cắt giảm bằng 0% năm 2015. Đây sẽ là tín hiệu tốt cho các DN XK hải sản, đặc biệt là DN XK cá ngừ sang thị trường Nhật Bản bởi trong nhiều năm trước đây thuế suất của Việt Nam đang cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực ASEAN.

- Khi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan (gồm Nga, Belarus và Kazakhstan) (Hiệp định VCUFTA) đi vào thực thi, thủy sản là nhóm hàng sẽ được hưởng ưu đãi thuế ngay lập tức từ khi Hiệp định được ký kết có hiệu lực. Thêm nữa, ngoài lợi ích từ thuế thì Hiệp định còn đem lại một loạt các thỏa thuận thương mại nữa về kiểm tra chất lượng ATTP, kiểm dịch sản phẩm (SPS). Hàng rào kỹ thuật này đã thống nhất nhiều nguyên tắc minh bạch, đúng với thông lệ quốc tế. Với những quy tắc như thế, các DN XK cá tra sẽ tránh được rất nhiều rủi ro về các yêu cầu an toàn thực phẩm XK. Đây là thị trường XK khá quan trọng của các DN XK cá tra, hải sản.

- Việc ký hiệp định FTA và TPP sẽ là cơ hội cho DN thủy sản Việt Nam mở rộng thị trường. DN có thể NK nguyên liệu từ các nước để gia công, chế biến XK sang EU và các nước tham gia TPP. Trung Quốc hiện đang đứng đầu về gia công thủy sản cho các nước, nhưng hiện nay đang có xu hướng chuyển dịch từ Trung Quốc sang các nước khác có điều kiện sản xuất và lao động thuận lợi hơn. Vì vậy, đây có thể là cơ hội để các nhà kinh doanh và NK thủy sản từ Mỹ, Nhật Bản, EU lựa chọn Việt Nam để đầu tư.

- Ngoài ra, đây sẽ là cơ hội tốt cho thủy sản Việt Nam tăng sức cạnh tranh nhờ sử dụng các dịch vụ hỗ trợ sản xuất giá rẻ hơn như vận tải, thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu vật tư, trang thiết bị; là cơ hội tăng cường hợp tác liên doanh để nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến chuỗi sản xuất hàng giá trị gia tăng...

- Ngày 5/5/2015, Hiệp định FTA đã được ký kết, giúp nâng khả năng cạnh tranh của Việt Nam với Trung Quốc, Thái lan, Ecuador (đang phải chịu thuế 20%). Hàn Quốc cam kết cấp hạn ngạch thuế quan 10.000 tấn tôm cho Việt Nam trong năm đầu tiên và đạt 15.000 tấn sau 5 năm với thuế suất NK 0%. Hạn ngạch này dự kiến có hiệu lực vào đầu năm 2016.

Hiện nay Việt Nam chỉ tận dụng được 2.500 tấn/năm miễn thuế trong tổng số 5.000 tấn/năm dành cho 10 nước ASEAN.

1.3. Brazil mở cửa thị trường trở lại cho cá tra Việt Nam:

Là thị trường quan trọng đối với cá tra phile đông lạnh XK của Việt Nam, từ tháng 9/2014 Brazil công bố tạm ngừng cấp phép mới cho cá tra NK từ Việt Nam, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả XK cá tra trong những tháng cuối năm ngoái và đầu năm nay. Tuy nhiên, tháng 3/2015 Brazil đã cho phép cá tra NK bình thường trở lại thị trường này. Đây là tin vui cho DN cá tra trong khi đang bế tắc tại thị trường Mỹ và gặp khó tại EU.

1.4. Chủ trương của Chính phủ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính...khi đi vào thực thi sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DN.

Ngày 12/3/2015, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, theo đó trong năm 2015, 2016 Việt Nam sẽ có các biện pháp cụ thể nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh trong môi trường kinh doanh.

Năm 2015: Rút ngắn thời gian nộp thuế xuống không quá 121,5 giờ/năm và thời gian nộp bảo hiểm xã hội không quá 49,5 giờ/năm. Tỷ lệ doanh nghiệp kê khai thuế điện tử đạt trên 95%; doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt tối thiểu 90%. Thời gian thực hiện các thủ tục khởi sự kinh doanh tối đa 6 ngày; thời gian cho thủ tục phá sản doanh nghiệp giảm từ 60 tháng xuống còn tối đa 30 tháng. Thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp tối đa 36 ngày...

Ngày 06/1/2015, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 08/QĐ-TTg ban hành kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) trọng tâm năm 2015. Theo đó, mục tiêu là đơn giản hóa và cắt giảm tối thiểu 25% chi phí tuân thủ đối với 13 nhóm TTHC. Một số nhóm TTHC được đơn giản hóa như: xuất khẩu thủy sản; khám chữa bệnh cho người dân; tuyển sinh đào tạo đại học và sau đại học; tuyển dụng và nâng ngạch công chức, viên chức... Kế hoạch hướng đến chuẩn hóa 100% TTHC tại các cấp chính quyền và công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và niêm yết đồng bộ, thống nhất tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC.

2. Thách thức

2.1. Thách thức khi hội nhập

Việc ký các hiệp định TPP và FTA mang lại cơ hội về thuế XNK nhưng cũng tạo ra nhiều thách thức cho DN thủy sản liên quan đến các vấn đề như quy tắc xuất xứ, rào cản kỹ thuật, bảo hộ thương mại, sự gia tăng cạnh tranh và vấn đề lao động...

Quy tắc xuất xứ: Về cơ bản, chỉ những sản phẩm đáp ứng các quy tắc xuất xứ của một FTA mới có thể hưởng các mức thuế suất ưu đãi của FTA đó. Tuy nhiên nhiều DN Việt Nam không nắm bắt được các ưu đãi của FTA vì tính phức tạp và số lượng lớn quy tắc khiến các DN ngần ngại. Do vậy, thực tế đến nay, các DN Việt Nam mới tận dụng được 30% ưu đãi từ FTA và đang bỏ phí 70% cơ hội.

Rào cản kỹ thuật: Với việc tự do hóa thương mại, thủy sản Việt Nam sẽ có lợi về thuế quan, nhưng sẽ là đối tượng để các thị trường áp dụng các rào cản phi thuế quan nhằm bảo hộ ngành sản xuất nội địa hoặc hạn chế NK. Những rào cản như thuế CBPG, thuế chống trợ cấp, các quy định kiểm tra hóa chất, kháng sinh... đang và sẽ được tăng cường áp dụng.

Sự bảo hộ thương mại: Sự cạnh tranh về giá cũng chính là “mối nguy” đối với sản phẩm cá thịt trắng hay sản phẩm thủy sản tại một số nước, trong đó có Mỹ. Do đó, nước NK sẽ sử dụng một số rào cản mang tính chất bảo hộ như quy định về yêu cầu dán nhãn sản phẩm “an toàn cá heo” của tổ chức EIU đối với sản phẩm cá ngừ tiếp tục là rào cản đối với DN XK cá ngừ và thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tôm, cá tra Việt Nam.

Chịu cạnh tranh mạnh mẽ: Tham gia vào các hiệp định thương mại đồng nghĩa với việc mở cửa và hội nhập hơn nữa vào tất cả các thị trường. Mặc dù, Chính sách của Nhà nước đã có nhiều thay đổi nhằm tạo cơ hội và điều kiện tối đa cho DN nhưng việc tái cơ cấu, cải cách thủ tục hành chính cần thời gian. Đây cũng chính là những rào cản không nhỏ đang giảm sức cạnh tranh của các DN XK thủy sản tại các thị trường NK lớn. Hiện nay, với những ưu đãi về thuế NK nguyên liệu, một số nước đối thủ cạnh tranh như: Trung Quốc hay Thái Lan đang hay các nguồn cung lớn khác như: Bangladesh, Indonesia, Ấn Độ... đang khiến DN thủy sản Việt Nam khó cạnh tranh để giành được thị phần.

Thách thức về vấn đề lao động: Thủy sản là ngành cần lực lượng lao động lớn. Tuy nhiên, vì thực trạng lao động ngành thủy sản không ổn định, thì các quy định chặt chẽ về lao động từ FTA sẽ tăng thêm thách thức cho DN chế biến thủy sản.

2.2. Đồng USD tăng giá ảnh hưởng đến XK:

Đồng đô la Mỹ được dự báo sẽ tiếp tục tăng giá trong thời gian tới do hệ thống tín dụng toàn cầu đang thiếu hụt 9.000 tỷ USD dẫn đến nhu cầu đô la tăng cao. Đồng USD tăng sẽ gây tác động giảm giá sản phẩm XK của các nước thanh toán hàng XK bằng đồng tiền này, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra có thể sẽ xảy ra tình trạng bảo hộ thị trường nội địa bằng cách hạn chế NK. Các nhà NK có thể sẽ tìm cách ép hạ giá hoặc thị trường sẽ dựng rào cản kỹ thuật, nhất là tại thị trường châu Mỹ.

Đồng USD tăng giá không chỉ ảnh hưởng đến XK sang thị trường Mỹ mà cả các thị trường khác. Đồng Euro và Yên giảm giá so với USD có lợi cho XK của những thị trường này, nhưng đồng thời sẽ làm giảm NK từ các nước khác.

2.3. Thuế CBPG cá tra ảnh hưởng đến XK sang thị trường Mỹ:

Theo kết quả chính thức mà Bộ Thương mại Mỹ (DOC) công bố, thuế CBPG trong đợt rà soát lần thứ 10 (POR10) mà nước này áp với cá tra phi lê đông lạnh của VN, tăng gần gấp đôi so với kết quả sơ bộ. Với việc phải đóng thuế tới 0,97 USD/kg cá tra phi lê các DN cá tra Việt Nam gần như không dám XK sang thị trường Mỹ vì chắc chắn sẽ bị lỗ.

2.4. Giá tôm thế giới giảm, giá tôm Việt Nam cao hơn các nước

- Các nước sản xuất tôm không bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh EMS như Ấn Độ, Indonesia, Ecuador và Malaysia đều tăng khối lượng XK tôm, cùng với việc đẩy mạnh XK tận dụng khi đồng USD tăng giá. Đây là một áp lực lớn đối với DN tôm Việt Nam trong năm nay.
- Giá tôm NK trung bình vào thị trường Mỹ giảm 20%, thị trường Nhật Bản giảm 10% và thị trường Hàn Quốc giảm 14%. Giá tôm Việt Nam trên thị trường Mỹ đã bị giảm 1,5- 2 USD/kg so với cùng kỳ năm ngoái mà vẫn cao hơn tôm Ấn Độ, Indonesia và Thái Lan 1,5 – 2 USD/kg.

2.5. Thị trường EU: Nhu cầu giảm và tăng cường kiểm tra

Kinh tế EU chưa có dấu hiệu hồi phục, đồng Euro sẽ tiếp tục trượt giá làm giảm mạnh nhu cầu NK hàng hóa trong đó có thủy sản. Các nhà NK EU tìm cách hạ giá mua, cơ quan quản lý thì tăng cường kiểm tra cảnh báo chất lượng thủy sản NK. Đây sẽ là những thách thức đối với DN XK sang thị trường truyền thống này: vừa phải đảm bảo chất lượng sản phẩm XK vừa duy trì được khả năng cạnh tranh về giá và nguồn cung với các nước đối thủ khác trên thị trường này.

2.6. Cuộc khủng hoảng nợ công Hy Lạp đang tác động không chỉ thị trường EU mà còn ảnh hưởng đến các nền kinh tế khác khiến cho nhu cầu tiêu thụ giảm.

2.7. Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Trung Quốc sẽ tác động mạnh đến giới trung lưu và thượng lưu nước này khiến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm giá cao sẽ giảm đi, xu hướng có thể chuyển sang các sản phẩm giá thấp hơn.

III. DỰ BÁO SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM QUÝ III/2015

1. Sản xuất nguyên liệu

- Dựa trên kết quả 6 tháng đầu năm, dự báo tổng sản lượng thủy sản cả năm 2015 sẽ đạt **6,4 triệu tấn, tăng 1,5%**, trong đó sản lượng khai thác 2,6 triệu tấn, giảm 3,7%, sản lượng nuôi trồng 3,8 triệu tấn, tăng 5%.

- Tình hình kinh doanh cá tra nửa đầu năm không thuận lợi, nhu cầu yếu. Tuy nhiên, nửa cuối năm thị trường sẽ hồi phục khi nhà NK tập trung đặt hàng cho dịp Lễ Giáng Sinh và Năm mới. Do vậy sản lượng và XK cá tra sẽ hồi phục dần trong quý III và quý IV. Ước sản lượng cá tra sẽ đạt khoảng 600 nghìn tấn 6 tháng cuối năm đưa tổng sản lượng cả năm lên khoảng trên 1 triệu tấn.

- Đã có xu hướng một số DN cá tra chuyển sang đầu tư nuôi và chế biến tôm. Từ tháng 5 trở lại đây, giá tôm nước lợ tại các tỉnh trọng điểm vùng ĐBSCL đã tăng trở lại, người nuôi tôm có động lực thả giống tôm vụ mới. Các địa phương đang tăng cường cải tạo ao đầm, kiểm soát chất lượng con giống, nâng cao hiệu quả vụ tôm cuối năm. Nửa đầu năm sản lượng tôm giảm do dịch bệnh, nửa cuối năm dự báo sản lượng sẽ tăng mạnh khi nhu cầu

tăng trở lại. Dự báo sản lượng tôm 6 tháng cuối năm sẽ đạt trên 400.000 tấn, trong đó tôm sú khoảng 100.000 tấn, tôm chân trắng 300.000 tấn. Sản lượng tôm cả năm sẽ đạt trên 600.000 tấn.

- Để có nguyên liệu chế biến và duy trì hoạt động, các DN hải sản sẽ phải tiếp tục NK cá ngừ, mực bạch tuộc và các loại cá biển khác từ các nước để chế biến XK. Ước tính NK thủy sản sẽ đạt trung bình 60-65 triệu USD/tháng, trong đó cá ngừ chiếm khoảng 25%, cá biển 38%, mực, bạch tuộc 7%, tôm 20%.

2. Xuất khẩu

- Nhu cầu NK của các thị trường trong quý III sẽ tăng để phục vụ dịp Lễ Giáng sinh và Năm mới.

- Thị trường Mỹ sẽ vẫn tăng NK thủy sản trong quý III và quý IV, đồng thời áp lực cạnh tranh tại thị trường này vẫn là một thách thức lớn đối với thủy sản Việt Nam, nhất là mặt hàng tôm.

- Thị trường EU và Nhật Bản chưa có dấu hiệu khả quan trong nửa cuối năm. Nhu cầu có thể tăng so với nửa đầu năm, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái chắc chắn vẫn tăng trưởng âm.

- XK tôm trong quý III có thể sẽ hồi phục tốt khi có kết quả chính thức thuế CBPG POR9 của Hoa Kỳ, nếu mức thuế như kết quả sơ bộ sẽ thuận lợi hơn cho DN tôm Việt Nam. XK sang Hàn Quốc và ASEAN có thể khả quan hơn. Tuy nhiên so với năm 2014, giá trị XK tôm sẽ vẫn thấp hơn 15-25% bởi tác động của đồng USD tăng giá vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến các thị trường. Dự báo XK tôm quý III sẽ đạt 970 triệu USD, giảm 15% và nửa cuối năm sẽ đạt khoảng 1,9 tỷ USD, đưa tổng XK cả năm lên **3,2 tỷ USD, giảm 17%** so với năm 2014.

- XK cá tra đang hồi phục tại thị trường Mỹ, tăng mạnh tại thị trường Trung Quốc và Mexico, hy vọng đây sẽ là tín hiệu tích cực cho ngành cá tra 6 tháng cuối năm. Ước tính XK cá tra 6 tháng cuối năm có thể đạt 950 triệu USD - 1 tỷ USD và dự báo XK cá tra năm nay vẫn giữ được mức **1,7 tỷ USD**, thấp hơn chút so với 1,77 tỷ USD năm 2014.

- XK cá ngừ, mực bạch tuộc cũng có thể tăng trong quý III so với 2 quý đầu năm khi nhu cầu tăng trở lại theo đúng quy luật hàng năm, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái khó có thể đạt tăng trưởng dương.

- Dự báo XK cá ngừ sẽ đạt khoảng giảm khoảng 2% so với cùng kỳ năm ngoái đạt **116 triệu USD**. XK mực, bạch tuộc dự báo sẽ giảm 3% đạt khoảng **127 triệu USD**.

- Dự báo tổng XK thủy sản quý III/2015 sẽ đạt khoảng trên **2 tỷ USD, giảm gần 8%** so với quý III/2014.

DỰ BÁO XK CÁC SẢN PHẨM THỦY SẢN CHÍNH (TRIỆU USD)				
Sản phẩm	QI/2015	QII/2015	QIII/2015 (Dự báo)	2015/2014 %
Tôm	573,954	716,210	973,219	-15
- Tôm CT	339,985	414,524	574,199	-12.4
- Tôm sú	178,193	243,835	321,162	-36.0
Cá tra	356,851	393,146	443,010	-2
Cá ngừ	104,310	120,415	116,271	-2
Mực, bạch tuộc	86,963	111,610	127,438	-3
NT2MV	17,010	23,203	24,291	6
Cua, ghẹ, giáp xác khác	21,972	25,924	47,281	10
Cá biển khác	203,259	271,839	288,078	6
Tổng	1.364,617	1.662,705	2.019,588	-7,6

CHƯƠNG II: SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TÔM

Theo thống kê của Hải quan Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2015, XK tôm Việt Nam đạt gần **1,3 tỷ USD, giảm 28%** so với cùng kỳ năm 2014.

Nguyên nhân khiến XK tôm của Việt Nam 6 tháng đầu năm nay thấp hơn so với cùng kỳ năm 2014 là do sản lượng tôm thế giới tăng, nhu cầu yếu từ các thị trường chính (Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc...) và giá tôm giảm ở các nước sản xuất chính như Ấn Độ, Thái Lan, Ecuador...

I. SẢN XUẤT

1. Sản xuất nguyên liệu:

- 6 tháng đầu năm nay, sản lượng thu hoạch và diện tích nuôi tôm nước lợ nhìn chung giảm so với cùng kỳ 2014. Người nuôi tôm đang gặp nhiều khó khăn do thời tiết từ đầu năm không thuận lợi cho nuôi, dịch bệnh xảy ra ở một số địa phương, giá tôm nguyên liệu giảm cũng là nguyên nhân làm chậm tiến độ mở rộng diện tích nuôi ở các địa phương.

- Cả nước đã thả nuôi 616.480 ha, đạt 90% kế hoạch cả năm và bằng 96,6% so với cùng kỳ 2014. Trong đó, tôm sú là 566.298 ha, đạt 96,8% kế hoạch năm 2015 và bằng 101,4% so với cùng kỳ 2014; tôm chân trắng là 50.182 ha, đạt 50,2% kế hoạch năm 2015 và bằng 63% so với cùng kỳ 2014. Sản lượng thu hoạch tôm là 230.910 tấn, đạt 32,5% kế hoạch năm 2015 và bằng 87,9% so với cùng kỳ 2014 trong đó tôm sú là 115.841 tấn, tôm chân trắng là 115.069 tấn.

- Đồng bằng sông Cửu Long (vùng sản xuất tôm chính của cả nước) diện tích đạt 34,8 nghìn ha, giảm 26,5% so với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng đạt 66,1 nghìn tấn giảm 22,2%. Một số tỉnh có diện tích và sản lượng

KẾT QUẢ SẢN XUẤT TÔM NƯỚC LỢ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015				
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng đầu năm	So sánh cùng kỳ 2014 (%)
I	Sản lượng	tấn	230.910	87,9
1	Tôm sú	"	115.841	102,2
2	Tôm chân trắng	"	115.069	77,0
II	Diện tích nuôi	ha	616.480	96,6
1	Tôm sú	"	566.298	101,4
2	Tôm chân trắng	"	50.182	63,0

tôm chân trắng giảm mạnh như: Tiền Giang giảm 46,9% về diện tích và giảm 45,6% về sản lượng, Bến Tre giảm 33% cả về diện tích và sản lượng, Sóc Trăng giảm 41,7% diện tích và 28,3% sản lượng.

- Một số tỉnh có diện tích lớn và sản lượng tôm sú tăng mạnh như: Kiên Giang tăng 11,2% diện tích và 15,7% sản lượng, Sóc Trăng tăng 2,8% về diện tích và 48,1% về sản lượng.

- Nuôi tôm nước lợ 6 tháng đầu năm có sự thay đổi về cơ cấu và hình thức nuôi tôm sú và tôm chân trắng.

+ Đối với hình thức nuôi thâm canh/bán thâm canh: Tổng diện tích thả nuôi là 75.113 ha, chiếm khoảng 12,2% diện tích nuôi (tôm sú: 24.931 ha, TCT: 50.182 ha). Mùa vụ thả giống chậm, không hết công suất (mật độ thả thưa hơn và không hết diện tích) nhất là tôm thẻ chân trắng, mới chỉ đạt 50-70% tổng diện tích có khả năng nuôi.

+ Đối với hình thức nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến có diện tích nuôi khá ổn định khoảng 541.368 ha, chiếm 87,8% diện tích nuôi. Hiện bà con nông dân áp dụng mô hình nuôi kết hợp tôm sú với các loại thủy sản khác như cua, cá rô mang lại hiệu quả tương đối tốt, tăng khả năng chống chọi dịch bệnh.

+ Về cơ cấu đối tượng nuôi: Năm 2013-2014, người nuôi tập trung nuôi tôm chân trắng, đầu năm 2015 người nuôi chuyển một phần diện tích nuôi tôm chân trắng sang nuôi tôm sú trở lại, trung bình khoảng 20-30% diện tích chuyển dịch sang nuôi tôm sú.

2. Giá tôm nguyên liệu:

- Trong quý đầu năm 2015, giá tôm nước lợ tại các tỉnh ĐBSCL giảm. Giá tôm chân trắng bán tại đầm ở Cà Mau (cỡ 60 con/kg) giảm từ 122.000 đ/kg đầu tháng 1/2015 xuống 115.000 đ/kg đầu tháng 4/2015.

- Từ đầu tháng 3 đến cuối tháng 5/2015, giá tôm nước lợ tại các tỉnh sản xuất tôm chính của các tỉnh ĐBSCL tiếp tục giảm.

- Giá tôm nguyên liệu trên thị trường giảm mạnh (giảm 20-30% so với cùng kỳ) là do khó khăn về thị trường tiêu thụ và phụ thuộc nhiều vào thương lái, trong khi giá vật tư đầu vào không giảm, thậm chí tăng. Cùng với sản lượng tôm của các nước sản xuất trong khu vực hồi phục và tăng nhanh sau dịch bệnh EMS.

- Sau một thời gian giảm mạnh, giá tôm chân trắng tuần đầu tháng 6 tăng từ 10.000-15.000 đồng/kg; tuần thứ 2 tiếp tục tăng thêm 3.000-5.000 đồng/kg. Giá tôm đang dần ổn định và tăng trở lại. Nhiều thương lái thu mua tôm cho biết, giá tôm tăng trở lại là do gần đây các DN chế biến đẩy mạnh thu mua tôm nguyên liệu để đáp ứng các đơn hàng của đối tác. Mặt khác, do ảnh hưởng của dịch bệnh, thời tiết những tháng đầu năm khiến sản lượng tôm không nhiều.

- Dự báo vào đầu quý 3 năm 2015, giá tôm nguyên liệu tiếp tục tăng.

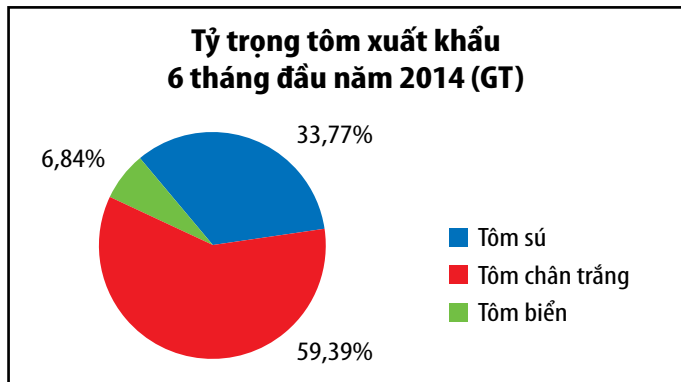
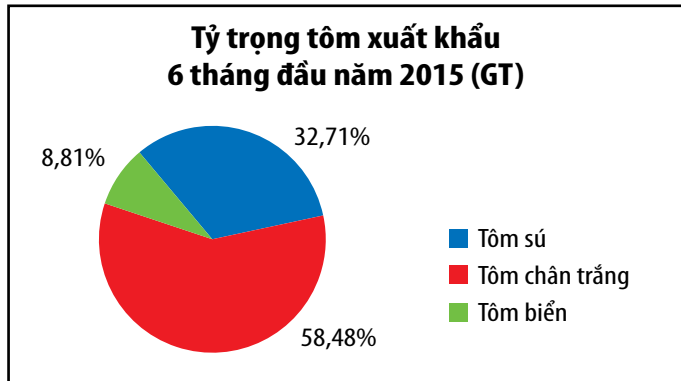
II. XUẤT KHẨU

1. Sản phẩm

- Tôm chân trắng vẫn là mặt hàng XK chủ lực của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2015 mặc dù giá trị XK giảm 29,1% so với cùng kỳ năm 2014 xuống còn 754,5 triệu USD, chiếm 58,5% tổng giá trị XK tôm của Việt Nam. XK tôm sú cũng giảm tới 30,2% còn 422 triệu USD, chiếm 32,7%.

- Tôm sú và tôm chân trắng nguyên liệu đông lạnh vẫn là sản phẩm XK chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng XK tôm Việt Nam. Tôm biển được XK chủ yếu dưới dạng chế biến khác.

- 6 tháng đầu năm 2015, tỷ trọng tôm chân trắng và tôm sú đều tăng 1% trong khi tỷ trọng tôm biển giảm 2% so với 6 tháng đầu năm 2014.



SẢN PHẨM TÔM XK 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015				
STT	Quy cách sản phẩm	T1-T6/2015 (USD)	Tỷ lệ GT (%)	% so với 2014
1	Tôm chân trắng	754.509.740	58,5	-29,1
	- Tôm chân trắng chế biến (thuộc mã HS16)	332.371.288		-24,5
	- Tôm chân trắng sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	422.138.452		-32,3
2	Tôm sú	422.028.475	32,7	-30,2
	- Tôm sú chế biến khác (thuộc mã HS16)	54.746.061		-38,4
	- Tôm sú sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	367.282.413		-28,8
3	Tôm biển khác	113.625.527	8,8	-7,2
	- Tôm loại khác chế biến đóng hộp (thuộc mã HS16)	3.792.566		+18,6
	- Tôm loại khác chế biến khác (thuộc mã HS16)	71.942.005		-0,1
	- Tôm loại khác khô (thuộc mã HS03)	2.921.465		-11,3
	- Tôm loại khác sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	34.969.490		-20,5
	Tổng XK tôm (1+2+3)	1.290.163.742	100,0	-28,0

2. Thị trường

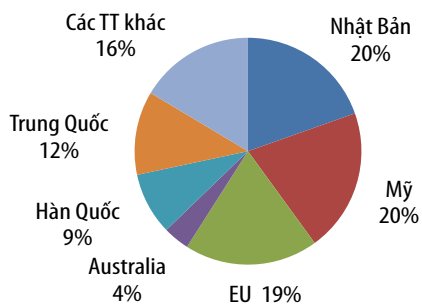
- 6 tháng đầu năm 2015, tôm Việt Nam được XK sang **81 thị trường**, giảm 3 thị trường so với cùng kỳ năm 2014 (84 thị trường).

- Top 10 thị trường chính gồm: Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Canada, Australia, Đài Loan, ASEAN và Thụy Sĩ, chiếm 94% tổng giá trị XK tôm.

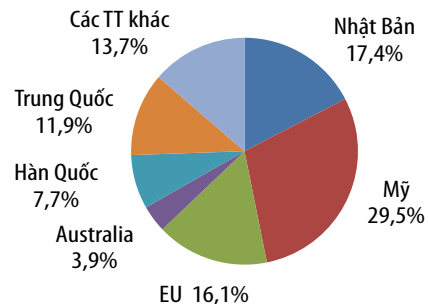
- Nhu cầu NK của các thị trường chính đều giảm trong khi giá tôm có xu hướng “lao dốc”. Biến động tỷ giá USD so với các tiền tệ khác đã tác động không nhỏ tới XK tôm Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2015.
- XK tôm sang các thị trường chính đều giảm mạnh như sang Mỹ giảm 50,2%, sang Nhật Bản giảm 18,7%, sang EU giảm 14,3%.
- Đồng yên mất giá so với USD trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn khiến XK tôm Việt Nam sang Nhật Bản giảm mạnh. Tuy nhiên, tháng 5/2015, Nhật Bản vươn lên dẫn đầu về NK tôm từ Việt Nam. Tháng 6/2015, Nhật Bản nhường vị trí dẫn đầu cho EU, rơi xuống vị trí thứ 2; Mỹ là thị trường NK lớn thứ 3 do nhu cầu NK từ Mỹ giảm mạnh.
- Tính tới tháng 6 năm nay, Mỹ vẫn là NK tôm số 1 của Việt Nam, Nhật Bản và EU lần lượt giữ vị trí số 2 và 3.

XUẤT KHẨU TÔM SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)								
Thị trường	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	So với 2014 (%)	T1- T6 2015	So với 2014 (%)
Mỹ	116,329	47,626	48,297	50,458	146,381	-44,6	262,709	-50,2
Nhật	103,744	43,151	54,416	51,631	149,198	-11,1	252,943	-18,7
EU	108,555	38,086	45,846	53,885	137,817	-21,5	246,372	-14,3
Đức	28,436	7,870	7,863	10,410	26,143	-25,6	54,579	-12,6
Anh	19,129	7,688	9,442	11,509	28,640	+62,7	47,768	+48,1
Hà Lan	16,007	6,729	9,188	7,485	23,402	-45,7	39,409	-28,6
Trung Quốc	78,143	28,035	29,563	17,628	75,226	-44,4	153,370	-28,0
Hồng Kông	20,886	7,163	7,515	7,240	21,917	-10,9	42,804	-3,4
Hàn Quốc	51,339	18,157	19,697	25,042	62,896	-15,4	114,235	-17,3
Canada	25,205	12,529	8,455	11,006	31,990	-9,9	57,195	-7,6
Ôxtrâylia	22,465	7,807	8,688	9,399	25,894	-16,6	48,359	-29,9
Đài Loan	12,682	5,967	6,100	7,219	19,286	-35,7	31,968	-24,9
ASEAN	14,441	3,322	5,125	5,231	13,678	-11,3	28,118	+1,3
Xinhhapo	9,916	2,121	2,571	2,990	7,682	-18,1	17,598	+10,3
Malaysia	2,035	0,338	1,282	1,511	3,131	+146,4	5,166	+58,2
Thụy Sĩ	6,198	4,193	3,959	3,657	11,810	-50,4	18,008	-54,0
Các nước khác	34,853	13,817	12,647	15,569	42,033	+6,1	76,886	+5,1
Tổng	573,954	222,690	242,793	250,725	716,209	-27,9	1.290,164	-28,0

Cơ cấu thị trường NK tôm 6 tháng đầu năm 2015 (GT)



Cơ cấu thị trường NK tôm 6 tháng đầu năm 2014 (GT)



- 6 tháng đầu năm 2015, trong cơ cấu thị trường XK tôm, tỷ trọng XK tôm Việt Nam sang Mỹ thấp hơn so với cùng kỳ năm 2014 do nhu cầu giảm. Tỷ trọng XK tôm Việt Nam sang EU, Nhật Bản, Australia và Hàn Quốc đều tăng nhờ nhu cầu tăng và những lợi thế về các FTA đã ký với Hàn Quốc và EU.

Các thị trường NK chính

• Mỹ: Giá giảm vì cạnh tranh mạnh với Ấn Độ

- 6 tháng đầu năm 2015, XK tôm Việt Nam sang Mỹ đạt **262,7 triệu USD, giảm 50,2%** so với cùng kỳ năm 2014 - mức giảm mạnh nhất trong số 3 thị trường NK tôm chính của Việt Nam. Nguyên nhân là do nhu cầu tôm ở Mỹ thấp. Nhu cầu tôm từ Mỹ khá trầm lắng kể từ tháng 1/2015 do lượng hàng tồn kho NK trong năm 2014 vẫn ở mức cao.

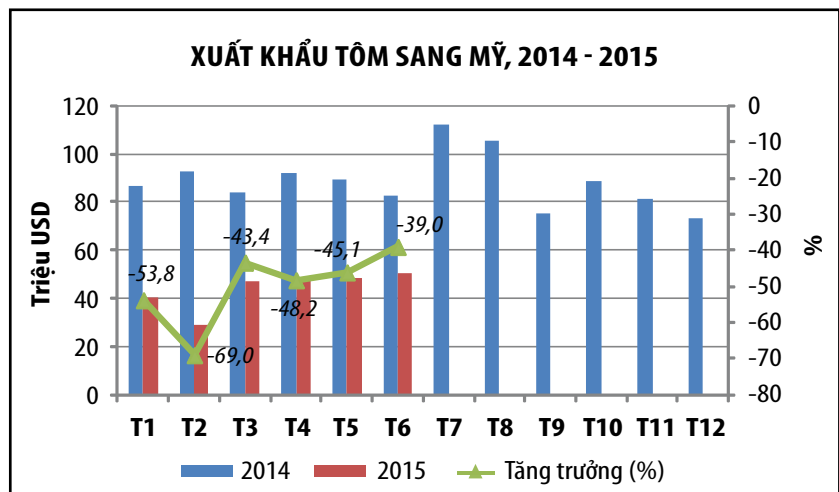
- Đồng USD tăng giá mạnh so với các tiền tệ khác khiến các nước XK đổ xô vào thị trường Mỹ, tạo cơ hội cho các nhà NK Mỹ "ép giá" tôm Việt Nam.

- Giá trung bình tôm NK vào Mỹ giảm ngay từ tháng đầu năm và hiện giữ mức khoảng 10 USD/kg, giảm từ khoảng 3 USD/kg so với mức đỉnh năm 2014.

- Giá thành sản xuất tôm nguyên liệu cao khiến giá XK của Việt Nam cao hơn các nước sản xuất khác như Ấn Độ, Indonesia từ 1-2 USD/kg trên thị trường Mỹ.

- Ngày 3/3/2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã công bố kết quả sơ bộ rà soát hành chính lần thứ 9 (POR9) thuế chống bán phá giá tôm đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam giai đoạn từ 01/2/2013 đến 31/01/2014. Theo kết quả sơ bộ, mức thuế trung bình 0,93% đã giảm mạnh so với mức thuế của kỳ xem xét lần trước POR8 với 6,37%. Kết quả chính thức dự kiến được công bố vào tháng 7- tháng 8 tới và nếu mức thuế được giữ nguyên như kết quả sơ bộ, XK tôm sang thị trường Mỹ trong nửa cuối năm sẽ thuận lợi hơn.

- Hiệp định TTP trong tương lai sắp tới được ký kết cũng sẽ mở ra nhiều cơ hội và lợi thế cho Việt Nam hơn so với các nước cung cấp khác trên thị trường Mỹ vì họ chưa đàm phán và ký kết Hiệp định tương tự như Việt Nam.



• EU: Nhu cầu NK giảm

- 6 tháng đầu năm nay, XK tôm sang EU đạt sang EU đạt **246,3 triệu USD, giảm 14,3%** so với cùng kỳ năm ngoái. Nền kinh tế châu Âu vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi khủng hoảng khiến nhu cầu NK hàng hóa trong đó có tôm giảm.

- Trong khối thị trường EU; Đức, Anh, Hà Lan là 3 thị trường NK đơn lẻ lớn nhất đối với tôm Việt Nam. Trong đó, Anh là được coi là thị trường tiềm năng trong năm nay, bởi XK tôm sang thị trường này duy trì sức tăng trưởng cao trong nhiều tháng, ngay cả trong thời điểm XK tôm sang các thị trường khác có xu hướng giảm sút. XK tôm sang Anh tăng 48% trong 6 tháng đầu năm.

- Trên thị trường Anh, Việt Nam cạnh tranh về giá so với Ấn Độ do nhà cung cấp này có giá XK thấp hơn. Tháng 4/2015, giá XK tôm Việt Nam sang Anh đạt 11,8 USD/kg trong khi Ấn Độ chỉ 10 USD/kg. Các nhà cung cấp còn lại đều có giá XK cao hơn từ 1 -5 USD/kg. Do ý thức bảo vệ sức khỏe, người Anh

đang có xu hướng tiêu thụ nhiều thủy sản hơn và muốn trải nghiệm nhiều loại thủy sản mới như tôm nước ấm bên cạnh những mặt hàng thủy sản truyền thống như cá tuyết cod, cá hồi, cá ngừ hoặc tôm nước lạnh.

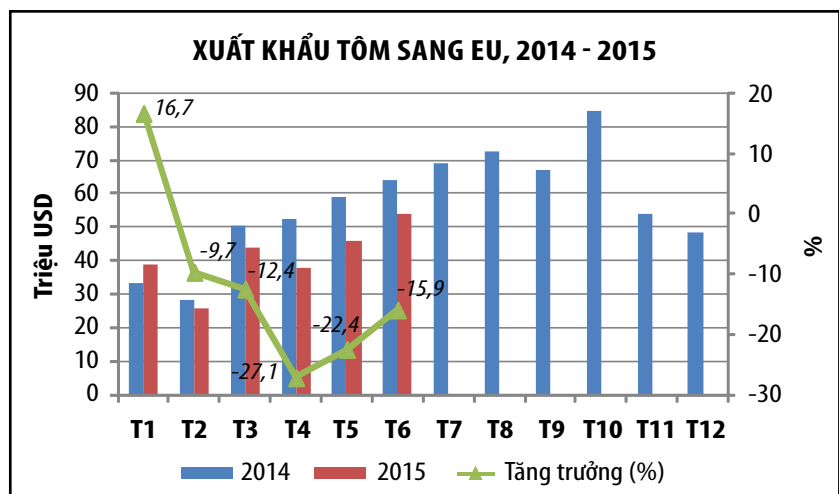
- Khủng hoảng nợ công ở Hy Lạp làm khủng hoảng kinh tế ở châu Âu thêm trầm trọng. Kéo theo đó, sức mua của thị trường EU giảm, đồng EUR giảm mạnh sẽ khiến giá hàng hóa Việt Nam đắt lên tương đối, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam vào EU. Đồng EUR giảm so với USD trong 6 tháng đầu năm nay nên nhiều khách hàng châu Âu chậm mua hàng, thậm chí ngưng nhập hàng dẫn tới XK tôm sang khu vực này chậm lại. Xu hướng này có thể kéo dài trong các tháng tới.

- Tôm chín đông lạnh là mặt hàng được NK vào EU nhiều nhất và Việt Nam là nước cung cấp lớn thứ 3 cho EU.

• Nhật Bản: Đồng yên mất giá làm giảm NK

- 6 tháng đầu năm 2015, XK tôm Việt Nam sang Nhật Bản đạt **252,9 triệu USD, giảm 18,7%** so với cùng kỳ năm 2014.

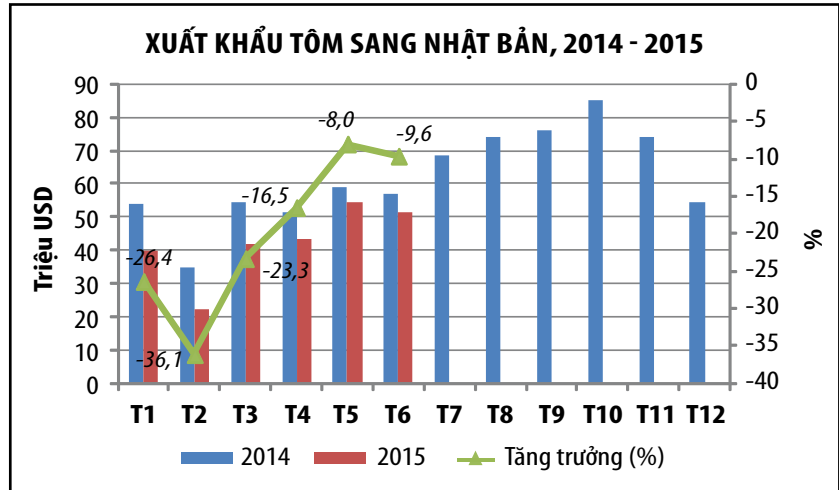
- Kinh tế Nhật Bản vẫn chưa cải thiện nhiều khiến nhu cầu tiêu thụ tôm giảm. Đồng yên mất giá so với USD cũng làm giảm NK tôm vào Nhật Bản.



- 5 tháng đầu năm 2015, NK tôm vào Nhật Bản đạt 780 triệu USD, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2014 (981 triệu USD). Nhờ sản phẩm tôm sú chất lượng cao nên Việt Nam có được lợi thế hơn các nước cạnh tranh khác và dẫn đầu về cung cấp tôm cho thị trường này, chiếm 25% tổng NK tôm của Nhật Bản. Tiếp theo là Thái Lan và Indonesia lần lượt chiếm 18 và 19%. Trên thị trường Nhật Bản, Việt Nam phải cạnh tranh với Ấn Độ và Thái Lan do giá XK tôm của Việt Nam cao hơn.

- Tháng 1/2015, giá tôm trên thị trường Nhật Bản tiếp tục xu hướng giảm so với các tháng cuối năm 2014 tuy nhiên từ tháng 2 đến tháng 4/2015, giá tăng đều đặn từ 11 USD/kg lên 12 USD/kg.

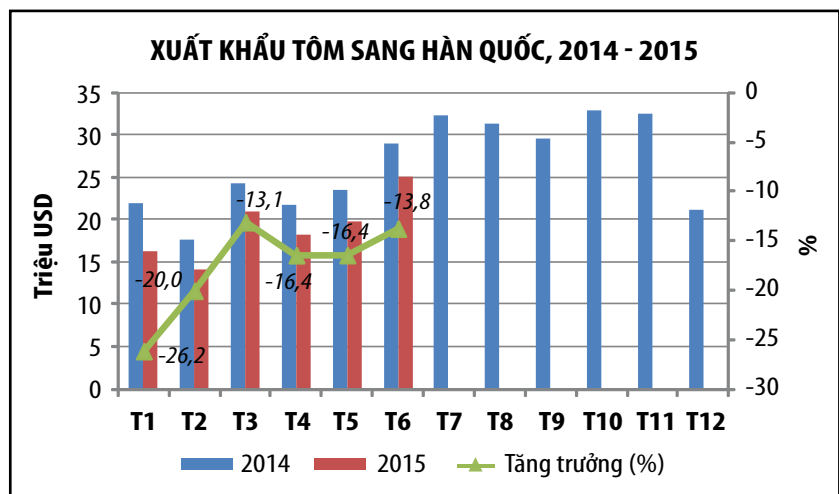
- Trong quý 3 và 4, nhu cầu tôm ở Nhật Bản từ các nhà cung cấp trên thế giới có thể không cải thiện nhiều do nền kinh tế này vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn.



• Hàn Quốc

- 6 tháng đầu năm 2015, XK tôm của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt **114,2 triệu USD, giảm 17,3%** so với cùng kỳ năm 2014. Theo thống kê của Trung tâm Thương mại thế giới (ITC), giá tôm Việt Nam hiện nay đang cao hơn so với giá NK trung bình của Hàn Quốc, và cũng cao hơn so với giá tôm của Ấn Độ khoảng 2 USD/kg và cao hơn của Trung Quốc 4-5 USD/kg.

- Mặc dù XK tôm sang Hàn Quốc giảm trong 6 tháng đầu năm nay và giá XK trung bình cao hơn so với 1 số đối thủ cạnh tranh, tuy nhiên dự báo XK tôm sang thị trường này trong thời gian tới sẽ được cải thiện và sức cạnh tranh của tôm Việt Nam trên thị trường này cũng tăng nhờ triển vọng từ hiệp định song phương Việt Nam- Hàn Quốc (VKFTA).



- Hàn Quốc hiện là thị trường tiêu thụ tôm lớn thứ 5 của Việt Nam sau Mỹ, Nhật Bản, EU và Trung Quốc. Trong 5 năm qua, NK tôm Việt Nam vào Hàn Quốc duy trì sức tăng trưởng khả quan. Năm 2014, Việt Nam đã vượt qua Trung Quốc trở thành nước cung cấp tôm lớn nhất cho thị trường này chiếm 44% thị phần. Trung Quốc đứng thứ 2 với 22%, Thái Lan đứng thứ 3 với thị phần 7%.

- FTA Việt Nam – Hàn Quốc đã được ký ngày 5/5/2015. Theo đó, Hàn Quốc cam kết cấp hạn ngạch thuế quan 10.000 tấn tôm cho Việt Nam trong năm đầu tiên và đạt 15.000 tấn sau 5 năm với thuế suất NK 0%. Hạn ngạch này dự kiến có hiệu lực vào đầu năm 2016. Hiện nay Việt Nam chỉ tận dụng được 2.500 tấn/năm miễn thuế trong tổng số 5.000 tấn/năm dành cho 10 nước ASEAN.

- Với hạn mức 15.000 tấn tôm Hàn Quốc ưu đãi miễn thuế cho Việt Nam, sẽ có 7 mã hàng được áp thuế suất thuế XK 0% đó là 0306161090, 3006169090, 0306171090, 0306179090, 0306261000, 0306271000, và 1605219000. Hiện các sản phẩm tôm NK vào Hàn Quốc phải chịu thuế 20%.

- Một báo cáo đánh giá về khả năng tiêu thụ thủy sản tại Hàn Quốc thông qua kênh bán lẻ cho thấy khả năng tăng trưởng khả quan trong 3 năm tới.

• Trung Quốc

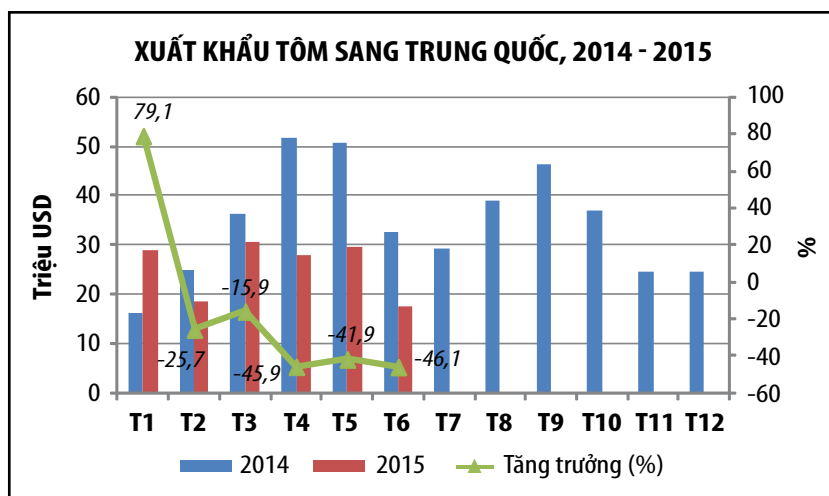
- 6 tháng đầu năm nay, XK tôm Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 153,3 triệu USD, giảm 28% so với cùng kỳ năm 2014. Đây là thị trường NK tôm lớn thứ 4 của Việt Nam sau Mỹ, Nhật Bản và EU.

- Giá tôm xuất khẩu vào Trung Quốc không có nhiều biến động trong những năm qua. Trên thị trường Trung Quốc, giá XK tôm của Việt Nam cao hơn từ 5-6 USD/kg so với Ấn Độ và thấp hơn từ 2-3 USD/kg so với Thái Lan.

- NK tôm vào Trung Quốc có xu hướng tăng những năm gần đây. Đây cũng là thị trường tiềm năng của tôm Việt Nam do không yêu cầu cao về các tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng, vị trí địa lý gần và kinh tế Trung Quốc đang trên đà tăng trưởng.

• ASEAN

- 6 tháng đầu năm 2015, XK tôm sang ASEAN đạt 114,2 triệu USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ 2014. Trong số các thị trường NK chính, đây là khối thị trường duy nhất ghi nhận số liệu tăng trưởng NK tôm từ Việt Nam so với cùng kỳ năm ngoái.



- Cộng đồng kinh tế chung ASEAN (AEC) dự kiến sẽ chính thức được thành lập trong năm nay sẽ mở ra hướng đi mới cho các sản phẩm tôm đóng gói chế biến sẵn của Việt Nam bởi một số nước trong khu vực này cũng là những nước sản xuất tôm hàng đầu thế giới như Indonesia hay Thái Lan.

- Tuy nhiên, Việt Nam hoàn toàn có thể tận dụng lợi thế về hạ tầng cơ sở chế biến hiện nay để có thể nắm bắt cơ hội mở rộng thị phần cung cấp tôm chế biến cho các nước trong khu vực này.

3. Top doanh nghiệp XK tôm

6 tháng đầu năm 2015, top 5 DN XK tôm lớn nhất Việt Nam gồm MINH PHU SEAFOOD CORP, CASES, STAPIMEX, QUOC VIET CO., LTD và FIMEX VN, chiếm 14% tổng kim ngạch XK tôm của cả nước.

Minh Phu Corp là DN XK lớn nhất, chiếm gần 5% tổng kim ngạch XK tôm của cả nước. Thị trường XK chủ yếu của Minh Phu Corp là Mỹ. Năm 2014, Minh Phu Corp tăng mạnh XK tôm sang Mỹ từ những tháng đầu năm và bắt đầu sụt giảm kể từ tháng 9 sau khi Mỹ công bố kết quả cuối cùng POR8 với mức thuế cao nhất từ trước tới nay 6,37%.

TOP 5 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU TÔM VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015					
Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)					
STT	Nguồn cung	GT 2015 (USD)	GT 2014 (USD)	So với cùng kỳ 2014 (%)	Tỷ trọng (%)
1	MINH PHU SEAFOOD CORP	142.893.023	212.647.664	-32,8	4,72
2	CASES	86.528.120	91.347.115	-5,3	2,86
3	STAPIMEX	82.623.593	117.981.339	-30,0	2,73
4	QUOC VIET CO., LTD	64.400.910	100.967.470	-36,2	2,13
5	FIMEX VN	52.876.250	59.387.168	-11,0	1,75

III. NHẬP KHẨU TÔM

6 tháng đầu năm 2015, NK tôm nguyên liệu vào Việt Nam đã đạt 208 triệu USD. Ấn Độ là nhà cung cấp tôm nguyên liệu chính cho Việt Nam từ năm 2011 đến nay. Tính tới tháng 6/2014, NK tôm nguyên liệu từ Ấn Độ chiếm 73,7% tổng NK tôm của Việt Nam.

NHẬP KHẨU TÔM VÀO VIỆT NAM TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP							
STT	Xuất xứ	GT (USD)	Tỷ lệ GT (%)	STT	Xuất xứ	GT (USD)	Tỷ lệ GT (%)
1	Ấn Độ	153.573.277	73,79	17	Bangladesh	245.419	0,12
2	Ecuador	5.739.492	2,76	18	Đan Mạch	221.008	0,11
3	Thái Lan	4.697.420	2,26	19	Nga	180.935	0,09
4	Indonesia	4.610.507	2,22	20	Mozambique	178.580	0,09
5	Argentina	3.290.271	1,58	21	Ảrập Xêút	160.078	0,08
6	Anh	3.236.958	1,56	22	Honduras	149.891	0,07
7	Mỹ	3.041.618	1,46	23	Hàn Quốc	138.186	0,07
8	Canada	2.535.320	1,22	24	Israel	110.000	0,05
9	Singapore	2.286.860	1,10	25	Trung Quốc	78.559	0,04
10	Pakistan	1.448.080	0,70	26	Đài Loan	18.119	0,01
11	Malaysia	950.050	0,46	27	Nhật Bản	8.595	0,004
12	Australia	556.050	0,27	28	Na Uy	7.580	0,004
13	Greenland	533.796	0,26	29	Tây Ban Nha	3.114	0,001
14	Myanmar	353.452	0,17	30	Brunei	2.700	0,001
15	Philippines	272.555	0,13	31	Pháp	1.755	0,001
16	Mexico	261.800	0,13	Tổng		208.124.415	100,00

IV. CƠ HỘI – THÁCH THỨC CỦA NGÀNH TÔM VIỆT NAM

1. Cơ hội

- Nhiều Hiệp định Thương mại quan trọng đã được ký kết như FTA Việt Nam – Hàn Quốc. Hiệp định giúp nâng khả năng cạnh tranh của Việt Nam với Trung Quốc, Thái Lan, Ecuador (đang phải chịu thuế 20% khi XK tôm vào thị trường Hàn Quốc). Hiệp định Thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á – Âu được ký kết vào 29/5/2015. Sau khi Hiệp định được ký, 90% số dòng thuế và 90% kim ngạch xuất NK của các bên trong hiệp định vừa ký kết sẽ được mở cửa và tự do hóa, tạo điều kiện cho XK tôm. Bên cạnh đó, FTA Việt Nam – EU, Hiệp định Thương mại hợp tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sắp hoàn tất sẽ mở ra nhiều cơ hội cho XK thủy sản VN nói chung và tôm nói riêng.

- Hàn Quốc, ASEAN và Nga được xem là các thị trường “đầu ra” tốt cho tôm Việt Nam khi XK sang các thị trường chính gặp nhiều khó khăn.

- Ngày 7/5/2015, ngân hàng nhà nước điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng giữa đồng Việt Nam và USD tăng thêm 1%. Sau động thái điều chỉnh tỷ giá của ngân hàng nhà nước, XK thủy sản trong đó có tôm sẽ có động lực hồi phục trong thời gian tới.

- Mùa vụ ở Ấn Độ hiện đã kết thúc trong khi giá tôm nguyên liệu ở đó giảm. Việt Nam có thể tận dụng giá giảm để NK nguyên liệu.

- Nhu cầu thị trường đang có xu hướng tăng vào cuối tháng 7 do các nhà NK tận dụng mức giá giảm hiện tại để mua vào, phục vụ nhu cầu cho các dịp lễ cuối năm.

- Tại thị trường Anh, giá tôm nước lạnh đang cao nên các nhà NK tại đây sẽ tăng cường nhập tôm chân trắng để phục vụ nhu cầu Giáng sinh.
- Trong bối cảnh sản lượng giảm, giá tăng khiến Thái Lan có nguy cơ mất một số đơn đặt hàng. Việt Nam có thể tận dụng cơ hội này để thúc đẩy XK sang các thị trường lớn.
- Nguồn tôm của Ấn Độ giảm, nguồn cung của Indonesia không đạt như kế hoạch, sản lượng tôm của Thái Lan chỉ gần bằng năm ngoái cũng là cơ hội cho tôm Việt Nam.

2. Thách thức

- Giá tôm thấp nên người nuôi chưa đẩy mạnh nuôi nên nguồn nguyên liệu cho chế biến không nhiều. Các DN chế biến tôm lớn hiện nay còn sử dụng 1 lượng nguyên liệu NK từ nước ngoài chiếm khoảng 15% nguồn nguyên liệu đầu vào nên chưa kiểm soát hết được về chất lượng. Tôm sú có giá bán ổn định và thị trường tốt lại chưa được đầu tư nuôi tương xứng so với tôm chân trắng, chỉ chiếm khoảng 30%.
- Tuy các sản phẩm chế biến sâu, GTGT cao chiếm khoảng 65% cơ cấu sản phẩm tôm, nhưng do chi phí chế biến tăng cao tương ứng nên hiệu quả sản xuất không cao. Việc thay đổi cơ cấu mặt hàng để sản xuất mặt hàng mới có GTGT cao hơn còn khó khăn do thiếu vốn, công nghệ, thông tin và khách hàng.
- Chi phí trong khâu chế biến tăng cao như điện nước, vận tải, kiểm dịch, vật tư đầu vào, xử lý nước thải trong khi giá XK giảm.
- Nhu cầu từ các thị trường chính giảm, giá tôm thế giới giảm trong khi nguồn cung tôm nước lợ tại nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á và toàn cầu dự báo phục hồi sau các đợt dịch bệnh từ những năm trước.
- Nhu cầu từ Mỹ giảm trong khi phải thu hoạch sớm do mưa lớn nên giá tôm nguyên liệu ở Ấn Độ hiện đang giảm. Điều này có thể làm giảm giá XK tôm Ấn Độ và ảnh hưởng không tốt tới giá XK tôm của Việt Nam.
- Đồng USD tăng giá mạnh trong khi tốc độ tăng tỷ giá hối đoái giữa VND/USD thấp so với các đồng tiền khác, khiến tôm Việt Nam trở lên đắt đỏ hơn trên thị trường thế giới.
- Kinh tế toàn cầu vẫn chưa thoát khỏi suy thoái, đồng yên và EUR giảm mạnh do với USD khiến XK tôm sang Nhật và EU bị ảnh hưởng.
- Khủng hoảng nợ công Hy Lạp làm khủng hoảng kinh tế ở EU thêm trầm trọng, khiến sức mua ở EU giảm đồng thời EUR giảm sâu. Điều này ảnh hưởng tới XK tôm Việt Nam sang EU.
- Có thể nói thách thức lớn nhất đối với ngành tôm Việt Nam đó là sức ép hạ giá thành sản phẩm. Giá thành sản xuất tôm Việt Nam cao hơn các nước khác. Do đó, giá XK tôm VN cao hơn các nước đối thủ như Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, giảm sức cạnh tranh về giá của tôm VN.

*** Giải pháp hạ giá thành tôm nuôi Việt Nam:**

Có 4 yếu tố quan trọng đang tác động đến giá thành tôm nuôi của Việt Nam hiện nay: (1) Chất lượng con giống; (2) Thức ăn nuôi tôm; (3) Thuốc thú y thủy sản và các loại chế phẩm; và (4) Tâm lý và nhận thức của người nuôi. Cả 4 yếu tố này đang tồn tại những vấn đề về chất lượng, quản lý và trình độ dẫn đến giá thành nuôi tôm của Việt Nam cao hơn so với các nước.

- Để nâng cao chất lượng con giống, nhà nước cần có nghiên cứu điều tra tình hình sản xuất giống trong cả nước để có biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý cả khâu sản xuất và lưu thông con giống để người nuôi mua được tôm giống với giá hợp lý, ít trung gian cũng như không mua phải tôm giống xấu, chất lượng kém.

- Về hệ thống phân phối thuốc và các loại chế phẩm, cơ quan quản lý địa phương thường xuyên theo dõi hoạt động và sự tuân thủ để xử lý kịp thời các tình trạng hàng không nguồn gốc, hàng cấm, đầu cơ, tạo khan hiếm để trục lợi.

- Về vấn đề thức ăn nuôi tôm, cần có các biện pháp quản lý sao cho giá cả ổn định và đảm bảo yếu tố cạnh tranh cũng như người dân không bị rủi ro khi phải mua thức ăn có chất lượng không tương ứng với chi phí bỏ ra, hoặc phải trả quá nhiều chi phí trung gian.

- Về tâm lý và nhận thức người nuôi, cần thiết lập các cơ chế để giúp người nuôi có thể thỏa thuận một cách sòng phẳng, tránh được những rủi ro khi mua hàng của các đại lý và đặc biệt họ có thể tối ưu hóa giá thành trong nuôi tôm.

V. DỰ BÁO XU HƯỚNG SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2015**1. Sản xuất nguyên liệu**

- 6 tháng cuối năm nay, dự báo thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp, tình hình dịch bệnh trên tôm nuôi có thể bùng phát bất kỳ lúc nào. Tuy nhiên, giá tôm chân trắng có chiều hướng tăng, thuận lợi hơn cho nuôi tôm tại ĐBSCL, do đó dự kiến sẽ duy trì ổn định diện tích và sản lượng tôm sú, tiếp tục gia tăng diện tích nuôi tôm chân trắng ở các vùng có lợi thế. Sản lượng tôm 6 tháng cuối năm ước đạt 430.000 tấn. Ước sản lượng tôm Việt Nam năm nay tương đương với năm 2014, đạt khoảng 660.000 tấn.

2. Xuất khẩu

- Mùa thu hoạch tôm ở Ấn Độ hiện tại đã kết thúc trong khi các nước NK đã vào mùa tiêu dùng. Với những lợi ích từ các FTA đã ký, cộng với những cải thiện về chất lượng và khả năng kết quả cuối cùng của đợt xem xét thuế CBPG tôm công bố vào tháng 7 tới có thể thấp, tôm Việt Nam trong thời gian tới sẽ tăng so với nửa đầu năm.

- Cuối tháng 7 và đầu tháng 8/2015, nhu cầu từ các thị trường NK chính tăng, giá tôm XK có thể tăng từ 5-10%.

- Cuối tháng 7/2015, nhu cầu từ trường Mỹ cao hơn, cùng với các yếu tố về nguồn cung và thuế CBPG, XK tôm Việt Nam sang thị trường Mỹ 6 tháng cuối năm dự kiến tăng so với nửa đầu năm. Tuy nhiên mức tăng trưởng không cao do đồng USD vẫn cao và các nhà XK Việt Nam phải cạnh tranh mạnh về giá trên thị trường này. Nửa cuối năm nay, XK tôm sang Mỹ dự kiến đạt 375 triệu USD, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2014. Dự báo XK tôm sang Mỹ cả năm đạt 638 triệu USD, giảm 40% so với năm 2014.

- Nhu cầu tôm từ thị trường Nhật Bản dự kiến vẫn thấp trong 6 tháng cuối năm do đồng yên giảm giá và suy thoái kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn. XK tôm sang thị trường này nửa cuối năm nay dự kiến đạt 345 triệu USD, giảm 20% so với cùng kỳ năm ngoái. XK tôm cả năm 2015 sang thị trường Nhật dự báo đạt 600 triệu USD, giảm 19% so với năm 2014.

- Nhu cầu tôm từ thị trường EU dự kiến vẫn giảm trong 6 tháng cuối năm nay do suy thoái kinh tế khu vực, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng nợ Hy Lạp, đồng EUR giảm sâu. XK tôm 6 tháng cuối năm nay sang EU dự kiến giảm 15% đạt 335 triệu USD. XK tôm sang EU cả năm 2015 ước đạt 585 triệu USD, giảm 15%.

Dự báo tổng XK tôm Việt Nam 6 tháng cuối năm 2015 đạt trên 1,9 tỷ USD. XK tôm cả năm 2015 ước đạt **3,2 tỷ USD, giảm 17%**.

CHƯƠNG III: SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÁ TRA

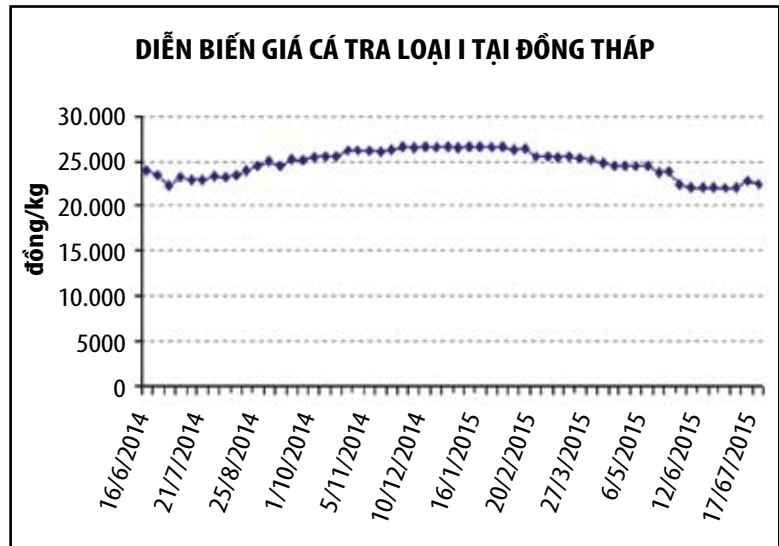
I. SẢN XUẤT CÁ TRA NGUYÊN LIỆU

Tình hình XK là yếu tố then chốt quyết định sản xuất cá tra

Diện tích:

- 6 tháng đầu năm 2015, diện tích nuôi cá tra của ĐBSCL ước đạt 5.795 ha, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Theo đánh giá của Bộ NN và PTNT, Quý I và II (QI&II), ngành nuôi cá tra gặp nhiều khó khăn do XK giảm, nắng nóng kéo dài gây dịch bệnh cho cá, đồng thời giá cá không ổn định khiến người nuôi cân nhắc kỹ hơn trước mỗi vụ nuôi. Do đó diện tích nuôi cá tra của một số địa phương có xu hướng giảm như: Hậu Giang (-24,2%), Tiền Giang (-26%), Bến Tre (-23,9%).



Sản lượng:

- QI&II/2015, sản lượng thu hoạch cá tra của ĐBSCL ước đạt 533.500 tấn, đạt xấp xỉ so với cùng kỳ năm trước. Theo Bộ NN và PTNT, mặc dù diện tích nuôi giảm nhưng nhờ chủ động được sản xuất, tìm kiếm đẩy mạnh thị trường mới nên một số tỉnh, sản lượng thu hoạch cá tra lại tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Tiền Giang sản lượng đạt 19.950 tấn (+18,9%); Cần Thơ đạt 59.200 tấn (+3,8%); Đồng Tháp đạt 180.200 tấn (+2%).

Yếu tố tác động đến sản xuất

- Theo Bộ NN và PTNT, nửa đầu năm 2015, thị trường xuất khẩu vẫn là yếu tố then chốt tác động đến quyết định của người nuôi cá tra. Trong khi cá tra trên thị trường Mỹ vẫn phải chịu thuế chống bán phá giá 1 USD/kg, thì thị trường Nga lại có dấu hiệu tốt hơn với thuế xuất 0% sau khi hiệp định thương mại Việt Nam và liên minh kinh tế Á – Âu được ký kết. Tuy nhiên, để đáp ứng những đòi hỏi về VS ATTP của các thị trường xuất khẩu đòi hỏi sự liên kết chặt chẽ hơn giữa người nuôi và các nhà máy chế biến tạo nên chuỗi sản xuất khép kín từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Yêu cầu này tác động làm thay đổi phương thức tổ chức sản xuất từ nuôi nhỏ lẻ sang quy mô lớn và thâm canh sâu hơn.

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÁ TRA TẠI CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG 6 THÁNG NĂM 2015						
Tỉnh	6 tháng 2014		6 tháng 2015		2015/2014 (%)	
	DT (ha)	SL (tấn)	DT (ha)	SL (tấn)	DT	SL
ĐBSCL	6.039	538.085	5.690	533.497	94,2	99,1
Tiền Giang	146	16.781	108	19.950	74,0	118,9
Bến Tre	627	95.642	477	93.544	76,1	97,8
Trà Vinh	7	3.791	3	2.334	43,0	61,6
Vĩnh Long	425	51.493	442	45.500	103,9	88,4
Đồng Tháp	1.352	176.730	1.350	180.230	99,9	102,0
An Giang	771	117.720	768	114.898	99,7	97,6
Kiên Giang	10	3.441	3	2.337	30,0	67,9
Cần Thơ	688	57.089	678	59.251	98,5	103,8
Hậu Giang	91	12.198	69	12.253	75,8	100,5
Sóc Trăng	56	1.200	35	1.000	62,5	83,3
Cà Mau	1.866	2.000	1.757	2.200	94,2	110,0
<i>Nguồn: Bộ NN và PTNT</i>						

- 2 tháng đầu năm 2015, giá cá tra nguyên liệu trung bình tại ĐBSCL tương đối ổn định, dao động ở mức 23.500 - 26.500 đồng/kg. Sản lượng cá tra thu hoạch cũng giữ ở mức khá và có chiều hướng gia tăng.

- Kể từ cuối tháng 2/2015, giá cá tra nguyên liệu bắt đầu giảm dần, trung bình 300 - 500 đồng/tuần.

- Tính đến ngày 28/5/2015, giá cá tra dao động ở mức 20.000 - 22.500 đồng/kg. Đây là mức thấp nhất kể từ đầu năm. Cuối tháng 4/2015, các DN bắt đầu tập trung thu hoạch vùng nuôi cá nguyên liệu nên sản lượng thu mua cá bên ngoài từ các hộ nuôi cá nhỏ lẻ thấp.

- Tính đến nay, nhu cầu NK cá tra chưa có dấu hiệu tích cực hơn ở 3 thị trường NK lớn là: Mỹ, EU, ASEAN, Mexico. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động chế biến, kinh doanh và XK của DN. Nhu cầu không cao khiến nhà máy không thể tăng hơn công suất chế biến. Đây cũng là một lý do lớn ảnh hưởng đến giá cá tra nguyên liệu giảm.

- Trong tháng 6, thị trường cá tra nguyên liệu tại khu vực ĐBSCL tiếp tục ảm đạm trong những ngày đầu tháng, các nhà máy gần như không tìm mua cá nguyên liệu cho chế

biển. Nhu cầu cá tra nguyên liệu kích cỡ dưới 1kg/con ở mức thấp, hầu như các doanh nghiệp không tìm mua vào nên không hình thành giá thị trường. Trong khi đó, các công ty lại đang đẩy mạnh tìm mua cá tra nguyên liệu có kích cỡ từ 1kg/con trở lên với mức giá 20.000-20.500 đ/kg nhằm phục vụ nhu cầu gia tăng từ các thị trường Á-Âu sau khi tham gia ký kết hiệp định FTA với Việt Nam.

II. XUẤT KHẨU

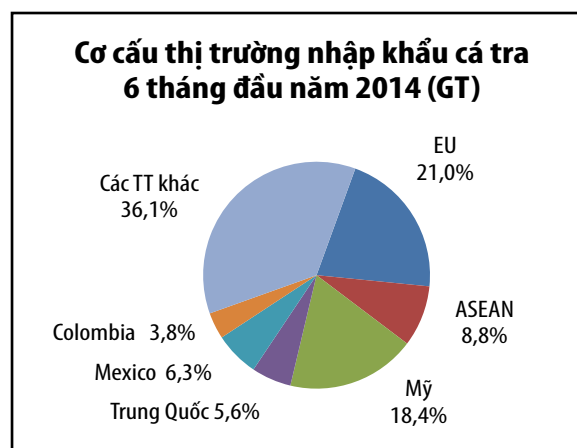
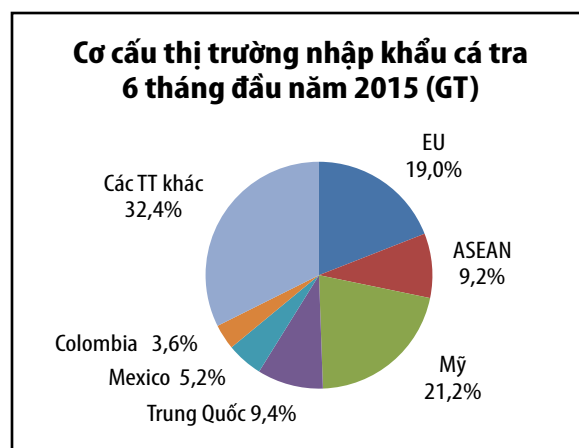
1. Cá tra chế biến tăng 12,8%

- Cá tra phi lê đông lạnh, tươi, nguyên con (HS03) chiếm 98,8% tổng giá trị XK, trong đó, cá tra chế biến (HS16) chiếm 1,2%, giảm 9,2% so với cùng kỳ năm 2014.
- Mặc dù chỉ đạt giá trị XK 9 triệu USD nhưng, sản phẩm cá tra chế biến (HS16) tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước.

SẢN PHẨM CÁ TRA XUẤT KHẨU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015			
Sản phẩm	QI/2015 (USD)	Tỷ lệ GT (%)	So với 2014 (%)
Cá tra mã HS03 (1)	740.985.668	98,8	-9,2
Cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô (thuộc mã HS03, trừ mã HS0304)	50.846.541		-52,8
Cá tra (thuộc mã HS0304)	690.139.127		-2,6
Cá tra chế biến khác thuộc mã HS16 (2)	9.011.492	1,2	+12,8
Tổng XK cá tra (1 + 2)	749.997.160	100,0	-9,0

2. Thị trường

- Nửa đầu năm 2015, Việt Nam XK cá tra sang **128 thị trường**, giảm 9 thị trường so với năm 2014, giá trị XK cá tra đạt **749,9 triệu USD**, giảm **9%** so với cùng kỳ năm 2014.
- Top 8 thị trường chính gồm: Mỹ, EU, Trung Quốc, ASEAN, Mexico, Colombia, Canada và Australia chiếm 72,15% tổng giá trị XK. Như vậy, một số thị trường như Brazil, Arap Xeut quý I/2014 còn nằm trong Top 8, nhưng sang đến quý I/2015 đã nhường vị trí này cho Canada và Australia.



- 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK cá tra sang một số thị trường tăng nhẹ: Mỹ (+4,8%); Trung Quốc (+50,7%); Canada (+2,9%). Trong khi đó, XK sang EU giảm 17,6%; ASEAN (-4,1%); Mexico (-25,9%), Colombia (-13,2%) so với cùng kỳ năm trước.

XUẤT KHẨU CÁ TRA SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)								
Thị trường	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	% tăng/ giảm	T1-T6 2015	So với 2014 %
Mỹ	78.001	29.452	27.206	24.389	81.048	+19,2	159.049	+4,8
EU	68.226	25.649	25.081	23.642	74.372	-17,6	142.598	-17,6
Hà Lan	13.016	5.051	5.288	4.637	14.975	-12,1	27.991	-7,5
Anh	12.342	4.238	4.066	4.258	12.561	+29,7	24.903	+41,1
Tây Ban Nha	10.379	4.358	4.654	3.161	12.173	-39,9	22.552	-47,5
Đức	7.610	2.199	2.506	2.520	7.226	-32,5	14.836	-26,9
Trung Quốc	30.042	11.862	13.094	15.202	40.157	+56,4	70.199	+50,7
Hồng Kông	7.303	2.666	3.346	2.895	8.907	-15,4	16.211	-15,3
ASEAN	33.603	11.936	12.419	11.311	35.666	-10,5	69.268	-4,1
Thái Lan	10.727	4.331	5.124	4.149	13.603	-3,2	24.331	-1,8
Xingapo	8.975	2.837	3.012	2.532	8.381	-20,5	17.356	-8,4
Philippin	7.653	2.184	2.308	2.427	6.919	-3,9	14.572	-0,2
Mexico	26.820	3.698	3.788	4.474	11.961	-49,7	38.781	-25,9
Colombia	17.265	2.828	3.263	3.704	9.796	-34,5	27.061	-13,2
Canada	8.763	3.397	3.191	2.898	9.487	-10,5	18.249	+2,9
Australia	8.067	2.552	2.459	2.854	7.866	-22,2	15.933	-15,1
Các nước khác	86.064	34.380	43.466	44.948	122.794	-7,4	208.858	-19,9
Tổng	356.851	125.755	133.968	133.423	393.146	-5,5	749.997	-9,0

• Mỹ - Xuất khẩu năm 2015 có thể giảm

- 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK cá tra sang Mỹ đạt **159 triệu USD, tăng nhẹ 4,8%** so với cùng kỳ năm 2014. XK sang thị trường Mỹ vượt khỏi mức tăng trưởng âm của QI/2015 là nhờ giá trị XK trong tháng 4/2015 tăng mạnh 50,4% so với cùng kỳ năm 2014. Mỹ hiện là thị trường NK cá tra lớn nhất, chiếm 21,2% tổng giá trị XK cá tra Việt Nam.

- XK cá tra trong tháng 1, tháng 2 giảm mạnh khiến tổng XK cả quý I giảm. Tuy nhiên, từ tháng 3, XK đã hồi phục đáng kể, trong đó tháng 3 tăng 33%, tháng 4 tăng 50%, tháng 5 tăng gần 17% nhưng tháng 6 lại giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Ngày 8/01/2015, DOC công bố kết quả cuối cùng thuế chống bán phá giá lần thứ 10 (POR10), giai đoạn từ ngày 1/8/2012 đến 31/7/2013, đối với sản phẩm cá tra phile đông lạnh NK từ Việt Nam. Mặc dù, các DN Việt Nam đã đưa ra nhiều lập luận để thuyết phục, tuy nhiên DOC vẫn đưa ra mức thuế thiếu công bằng và bất hợp lý. Với mức thuế gần 1 USD/kg, DN khó có thể đứng chân trên thị trường Mỹ.

- Trong những tháng đầu năm 2015, đồng USD tăng giá mạnh và tịnh tiến gần ngang bằng với đồng Euro, USD tăng giá khiến cho các nhà NK hạn chế mua vào, đồng thời tìm cách hạ giá của các nhà XK. Sự biến động tỷ giá đồng ngoại tệ này không chỉ làm xáo trộn hoạt động kinh tế thế giới mà còn đang tác động đến sản xuất, XK của các DN cá tra Việt

Nam. Giá trung bình XK sang Mỹ giảm đã ảnh hưởng tới XK cá tra sang thị trường này. Theo các DN giá XK cá tra Việt Nam sang thị trường Mỹ quý I ở mức 1,45 USD/pao, giảm khoảng 5 xen so với cùng kỳ năm 2014.

- Trước những khó khăn trên, một số DN đã rút lui khỏi thị trường Mỹ, tránh thua lỗ. Tính đến tháng 4/2015 chỉ còn 11 DN Việt Nam XK cá tra sang thị trường Mỹ, so với cùng kỳ năm ngoái là 18 DN.

- Trong khi thuế CBPG gây khó khăn cho các nhà XK cá tra Việt Nam và các nhà NK Mỹ, thì nhu cầu cá rô phi – sản phẩm cạnh tranh với cá tra tại thị trường này vẫn tăng và giá trung bình cũng giảm. Đây là một nguyên nhân khiến cho cá tra mất thị phần tại thị trường Mỹ.

- QI/2015, giá trị NK cá tra, cá da trơn của Mỹ từ Việt Nam chiếm 83,5% tổng giá trị NK cá tra, cá da trơn. Tuy nhiên, tỷ trọng này của Việt Nam đang bị các DN Trung Quốc giành thị phần.

- Điều đáng lưu ý, QI/2015, tỷ trọng NK cá tra và cá da trơn của Mỹ từ Trung Quốc tăng mạnh. QIV/2014, giá trị NK cá tra và cá da trơn của Mỹ từ Trung Quốc tăng đột biến 411% so với QIII/2014. Tiếp đà tăng, QI/2015, giá trị NK mặt hàng của Mỹ từ Trung Quốc lại tăng 46% so với QIV/2014.

- QIII/2014, giá trị NK cá tra và cá da trơn của Mỹ từ Trung Quốc chỉ chiếm 2,6% nhưng QI/2015 đã tăng lên 16,2%. Đây cũng có thể là một lý do khiến NK cá tra từ Việt Nam của Trung Quốc 6 tháng đầu năm nay tăng rất mạnh.

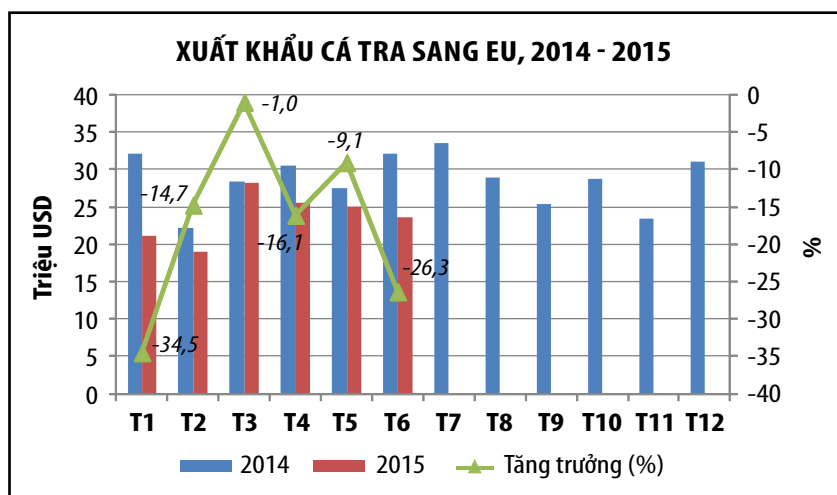
• EU - giá trị XK giảm 17,6%

- 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK cá tra sang EU đạt **142,6 triệu USD**, chiếm 19% tổng giá trị XK, **giảm 17,6%** so với cùng kỳ năm trước.

- Ngay từ cuối năm 2014, giá đồng EUR hạ xuống mức thấp kỷ lục trong vòng hơn một thập niên qua so với đồng USD. Chính sách hạn chế NK và tăng XK

này khiến cho các nhà NK tại thị trường này hạn chế NK hoặc tìm cách giảm giá mua. Như vậy, XK sang thị trường chính EU vốn đã sụt giảm từ năm trước nay lại càng khó khăn.

- Năm 2014, EU là thị trường NK cá tra hàng đầu thế giới, chiếm hơn 29% tổng giá trị NK của toàn cầu. Mỹ đứng thứ 2 chiếm 27,3%. Phần lớn các nước EU NK cá tra Việt Nam dưới



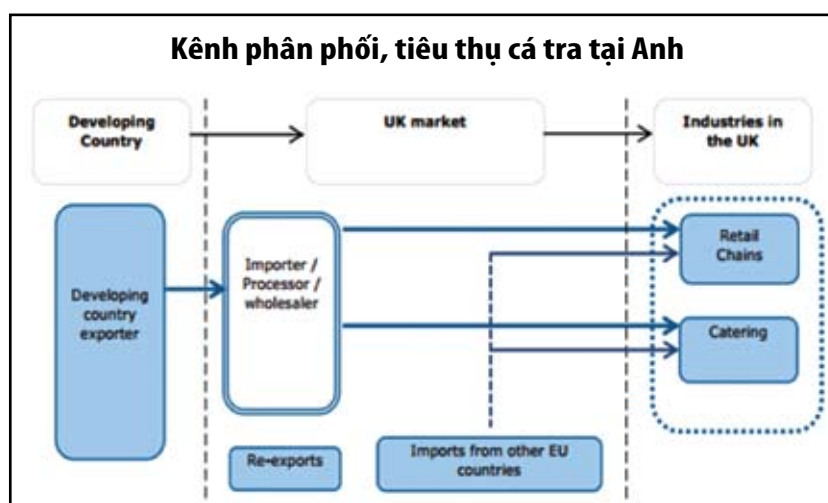
dạng phile đông lạnh, trong đó, tỷ lệ này ở Anh là 81-86%; Pháp là 62-78%; Bồ Đào Nha là 90-98%, Hy Lạp: 96-99,4% tổng cơ cấu cá tra và cá da trơn NK. Trong khi đó, các sản phẩm giá trị gia tăng mới tăng thêm “giá trị cơ hội” cho sản phẩm cá tra tại các siêu thị Châu Âu.

- Từ cuối năm 2014, đồng EUR bị mất giá kỷ lục so với USD. Chính sách thúc đẩy XK này đã ảnh hưởng lớn tới các nhà NK. Chính vì vậy, nhiều DN EU giảm NK và gửi đề nghị các nhà cung cấp Việt Nam giảm giá bán. Đây là cũng là một lý do khiến XK cá tra Việt Nam sang thị trường EU 3 tháng đầu năm 2015 giảm mạnh. Trong 5 thị trường đơn lẻ XK hàng đầu tại EU, trong 3 năm trở lại đây, duy nhất giá trị XK sang thị trường Anh tăng trưởng ổn định và khả quan tăng 23% (năm 2012-2014). Các thị trường XK khác như: Tây Ban Nha giảm 14%; Hà Lan giảm 20,7%; Đức giảm 32%; Italy giảm 23,3%..

- Trong 4 thị trường XK đơn lẻ trong khối EU, 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK sang thị trường Anh tăng 41,1% so với cùng kỳ năm 2014, nhưng giá trị XK sang thị trường Hà Lan giảm 7,5%; Tây Ban Nha (-47,5%); Đức (-26,9%) so với cùng kỳ năm trước.

Anh - giá trị XK tăng 41%

- Cá tra phi lê đông lạnh vẫn chiếm tới 86% tỷ trọng cá tra NK vào nước này và Việt Nam là nguồn cung “độc quyền” cá tra tại Anh. Anh khác với một số thị trường NK cá tra, cá da trơn lớn trong khu vực ở điểm khác biệt cơ bản đó là, khối lượng cá NK để XK chiếm tỷ trọng rất ít. Ngoài NK từ Việt



Nam, khách hàng Anh cũng mua hàng từ nhiều nhà NK khác trong khu vực như: Đan Mạch, Hà Lan, Ba Lan, Ai Len, Đức...

Hà Lan

- QIV/2014, giá trị NK cá tra và cá da trơn của Hà Lan đạt 11,5 triệu USD, giảm 22% so với QIII/2014. Trong đó, giá trị NK từ Việt Nam trong QIV/2014 cũng giảm 23% so với QIII/2014 và tiếp tục giảm 6% trong QI/2015. Đây là mức sụt giảm mạnh kể từ 3 năm trở lại đây.

- Giá trị NK cá tra từ Việt Nam chiếm 82,6% tổng giá trị NK của Hà Lan. Ngoài ra, Hà Lan còn NK sản phẩm cá tra từ một số quốc gia nội khối như: Bỉ, Anh, Đức và cả từ Indonesia.

- QI/2015, cá tuyết Cod chiếm tới 28,3% tổng giá trị NK nhóm sản phẩm cá (HS 0304) của Hà Lan. Ngoài ra, cá Haddock, cá Coal cũng chiếm tỷ trọng từ 5,6-11% giá trị NK nhóm cá HS0304. Còn cá tra mới chỉ chiếm khoảng 5,5% giá trị NK nhóm cá HS 0304.

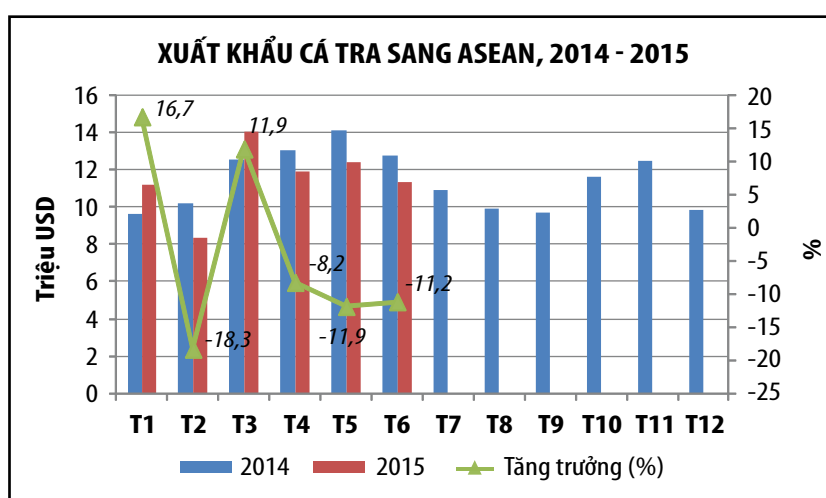
- Hiện nay, ngoài việc bị cạnh tranh mạnh với sản phẩm cá tuyết Cod, Alaska Pollack, cá rô phi... cá tra Việt Nam còn bị giành thị phần từ sản phẩm cá mòi, cá sardine, cá ngừ, cá hồi tại thị trường Hà Lan.

- Sự khó khăn do sự mất giá đồng EUR khiến các DN NK Hà Lan giảm NK thủy sản, không riêng cá tra. Mặc dù, giá NK trung bình cá tra tại thị trường này đã tăng từ 2,65 USD/kg (QIV/2014) lên 2,82 USD/kg (QI/2015) nhưng sự khó khăn chung ảnh hưởng đến sức tiêu thụ và lượng NK của nước này.

• Thị trường ASEAN – XK không ổn định

- QII/2015, giá trị XK cá tra sang ASEAN đạt 35,66 triệu USD, giảm 10,5% so với cùng kỳ năm trước.

- 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK cá tra sang ASEAN đạt **69,3 triệu USD, giảm 4,1%** so với cùng kỳ năm 2014. Đây là thị trường NK lớn thứ 4 sau Mỹ, EU và Trung Quốc có. Tuy nhiên, giá XK sang một số nước trong khu vực ASEAN không tăng, tiêu thụ chậm.



- QI và QII/2015, 3 thị trường XK lớn nhất trong khối, giá trị XK sang Thái Lan giảm 1,8%; Singapore (-8,4%); Philippines (-0,2%) so với cùng kỳ năm trước.

• Trung Quốc – XK tăng đột biến

- QII/2015, giá trị XK cá tra sang Trung Quốc đạt **40,15 triệu USD, tăng 50,6%**. Tính đến hết tháng 6/2015, tổng giá trị XK cá tra sang Trung Quốc đạt 70,15 triệu USD, tăng 50,7% so với cùng kỳ năm trước. Đây là bước tăng trưởng đột biến trong thời gian này.

- QI/2015, NK thủy sản (HS 03) của Trung Quốc tăng hơn 10% so với QI/2014 và giảm 14% so với QIV/2014. NK nhóm cá đông lạnh, nguyên con (0303) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu NK thủy sản của nước này, chiếm 27,5%.

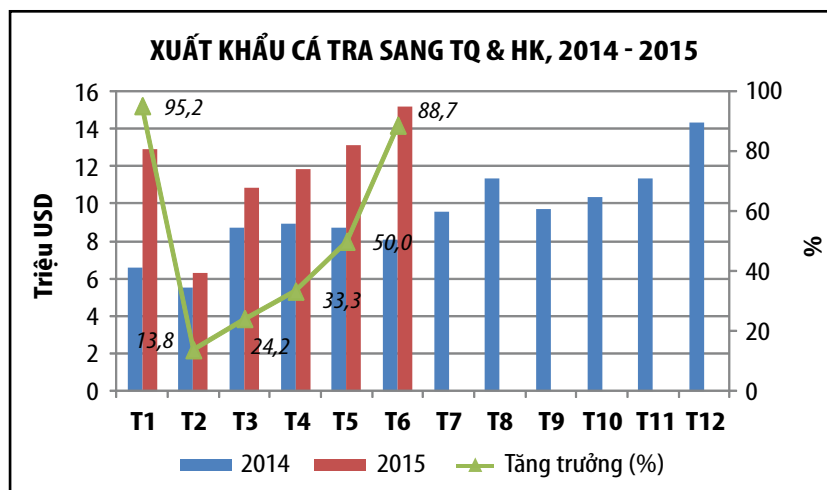
- Nhu cầu NK thủy sản của Trung Quốc tăng rất mạnh, tuy nhiên, các loại cá biển, cá tuyết NK chủ yếu từ Nga đang giành hết thị hiếu tại thị trường này.

- QI/2015, Việt Nam là nguồn cung cá tra số 1 và duy nhất cho thị trường Trung Quốc. Giá trị NK cá tra của nước này cũng tăng mạnh hơn 50% so với QI/2014. Trong thời gian tới, còn rất nhiều cơ hội cho DN XK cá tra tại thị trường này. Tuy nhiên, đây chỉ là thị trường tiềm năng “thay thế” cho một số thị trường NK lớn đang bị chững, nhiều DN XK đánh giá, đây

không phải là thị trường XK bền vững trong tương lai.

- Trong những năm gần đây, ngành nuôi trồng thủy sản ở Trung Quốc đã có tính tập trung cao hơn, chủ yếu ở 11 tỉnh trọng điểm gồm Giang Tây, Quảng Tây, Hồ Bắc, Liêu Ninh, Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Sơn Đông,

An Huy và Hồ Nam, chiếm 90% sản lượng thủy sản nuôi. Các tỉnh này thường nằm dọc theo các sông ở phía đông hoặc các khu vực ven biển với các loài thủy đặc sản độc đáo. Tuy nhiên, sản lượng nuôi trồng cá nước ngọt, giá rẻ chỉ đáp ứng được ở các tỉnh, thành phố nhỏ. Nhu cầu thủy sản tại nước này rất lớn, trong đó có sản phẩm cá tra.



Ba nguyên nhân khiến XK cá tra Việt Nam sang Trung Quốc 2 quý đầu năm 2015 tăng mạnh:

- (1) XK khó khăn tại các thị trường NK lớn như: Mỹ, EU, ASEAN, Mexico, Brazil buộc các DN chuyển hướng sang thị trường tiềm năng mới và lớn là Trung Quốc.
- (2) Nhu cầu tiêu thụ cá tra của Trung Quốc tăng và DN Trung Quốc tăng NK để SX và XK cá tra sang thị trường Mỹ.
- (3) Nhằm phát triển bền vững ngành thủy sản trong nước, trong đó có khai thác biển, Chính phủ Trung Quốc đưa ra nhiều chính sách, mới nhất là gói tín dụng trị giá 20 tỷ NDT. Ngoài ra, một số chính sách khác cũng nhằm khuyến khích các DN NK. Đó là điều kiện thuận lợi cho các DN nước này đẩy mạnh gia tăng NK.

3. Top 5 DN xuất khẩu cá tra

5 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRA LỚN NHẤT VIỆT NAM T1-T6/2015					
STT	Doanh nghiệp	Doanh số (USD)		Tăng/ giảm (%)	Tỷ lệ (%)
		T1-T6/2015	T1-T6/2014		
1	VINH HOAN CORP	113.785.174	88.363.266	+28,77	3,76
2	HUNG VUONG CORP	48.745.382	61.598.951	-20,86	1,61
3	BIENDONG SEAFOOD	47.506.468	26.986.186	+76	1,57
4	NAVICO	39.263.336	45.303.104	-13,33	1,3
5	IDI CORP	29.835.560	34.671.113	-13,9	0,99

III. THUẬN LỢI – KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Năm 2015, khi Việt Nam sẽ hoàn tất các thủ tục để tham gia Hiệp định Thương mại tự do với thị trường EU, Hàn Quốc, với Liên minh hải quan Nga - Belarus – Kazakhstan (FTA) và Hiệp định Thương mại hợp tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Theo Bộ Công Thương, khi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan (gồm Nga, Belarus và Kazakhstan) (Hiệp định VCUFTA) đi vào thực thi, phía Liên minh Hải quan, thủy sản là nhóm hàng sẽ được hưởng ưu đãi thuế ngay lập tức từ khi Hiệp định được ký kết có hiệu lực. Thêm nữa, ngoài lợi ích từ thuế thì Hiệp định còn đem lại một loạt các thỏa thuận thương mại nữa về kiểm tra chất lượng ATPP, kiểm dịch sản phẩm (SPS). Hàng rào kỹ thuật này đã thống nhất nhiều nguyên tắc minh bạch, đúng với thông lệ quốc tế. Với những quy tắc như thế, các DN XK cá tra sẽ tránh được rất nhiều rủi ro về các yêu cầu an toàn thực phẩm XK. Đây là thị trường XK khá quan trọng của các DN XK cá tra.

- Thị trường tiềm năng Trung Quốc cũng mở ra nhiều cơ hội cho DN XK cá tra Việt Nam. Ít nhất trong năm 2015, tận dụng những thuận lợi tại thị trường này, DN XK Việt Nam có thể tăng giá trị XK cá tra sang Trung Quốc trên 70% so với cùng kỳ năm trước.

2. Khó khăn

- Tham gia vào các Hiệp định FTA hay TPP vừa tạo cơ hội nhưng cũng chính là khó khăn, thách thức cho các nước tham gia. Trong đó, các nước thành viên tham gia TPP sẽ được giảm 90% các loại thuế xuất nhập khẩu hàng hóa và cắt giảm bằng 0% năm 2015. Đây sẽ là tín hiệu tốt cho các DN XK hải sản nhưng lại là thách thức không nhỏ đối với cá Tra khi phải cạnh tranh với các loài cá NK, trong đó có cá tuyết ngay tại “sân nhà”.

- Thị trường Mỹ và EU tiếp tục chưa khả quan trong 2 quý cuối năm, giá trị XK dự báo tiếp tục tăng trưởng chậm hoặc giảm 15-20% so với cùng kỳ. Hai thị trường XK lớn nhất khó khăn sẽ ảnh hưởng đến tình hình XK chung của sản phẩm cá tra. Ngoài thị trường Mỹ, các thị trường XK tiềm năng khác như: ASEAN, Mexico, Brazil lại không ổn định. Đây cũng là khó khăn lớn về thị trường cho DN XK cá tra Việt Nam.

- Thuế CBPG, tỷ giá USD hay EUR đều đang ảnh hưởng không tốt đến tình hình XK cá tra chung. Dự báo, khó khăn này sẽ còn kéo dài đến hết năm 2015.

- Nghị định số 36/2014/NĐ-CP trong đó có quy định về tỷ lệ mạ băng với sản phẩm cá tra phi lê đông lạnh XK và thủ tục đăng ký hợp đồng XK với Hiệp hội cá Tra Việt Nam đang tạo áp lực về tâm lý cho DN XK, đồng thời cũng khiến cho các nhà NK chủ động giảm NK để nghe ngóng tình hình. Nếu nghị định này không được sửa đổi, khó khăn cho XK cá tra sẽ còn tăng lên.

- Giá nguyên, nhiên liệu đầu vào, giá thức ăn chăn nuôi cao đang ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất, nuôi cá tra. Giá XK giảm, nhu cầu tiêu thụ thế giới chậm, giá cá nguyên liệu thấp, nhiều hộ nuôi cá đã giảm diện tích nuôi vì không có lãi. Đây sẽ là khó khăn lớn về nguyên liệu cho các DN XK cá tra trong năm 2015.

IV. DỰ BÁO SẢN XUẤT VÀ XK CÁ TRA NĂM 2015

1. Sản xuất cá tra nguyên liệu

- Do những khó khăn về thị trường sẽ tác động lớn tới hoạt động trong nước nên dự kiến, diện tích nuôi cá tra của quý III và IV/2015 vẫn giữ ở mức trên 5.700 ha. Sản lượng thu hoạch cũng trên 550.000 nghìn tấn.
- Năm 2015, tổng diện tích nuôi cá tra ước đạt khoảng 5.700 ha, tổng sản lượng 1,1 triệu tấn, tương đương so với năm 2014.

2. Xuất khẩu cá tra

- Dự báo, giá trị XK cá tra nửa cuối năm 2015 đạt 950 triệu USD. Như vậy, với xu hướng này, XK cá tra năm 2015 có thể đạt dưới **1,7 tỷ USD, thấp hơn 4%** so với mức 1,77 tỷ USD năm 2014.

CHƯƠNG IV: XUẤT KHẨU CÁ NGỪ

XK cá ngừ của cả nước 6 tháng đầu năm đạt **225 triệu USD, giảm 8%** so với 244 triệu USD cùng kỳ năm ngoái. XK chưa hồi phục vì nhu cầu của thị trường EU và Nhật Bản vẫn yếu, nguồn cá nguyên liệu trong nước không đủ về số lượng và chất lượng cho phân khúc thị trường cá tươi, đông lạnh có giá cao. XK cá ngừ hộp có dấu hiệu tích cực hơn nhưng chưa đủ bù đắp sụt giảm so với năm trước.

I. KHAI THÁC

- Thời tiết các tháng đầu năm tương đối thuận lợi, ngư dân tích cực ra khơi bám biển, số tàu thuyền được ngư dân cải hoán công suất và đầu tư ngư lưới cụ ngày càng tăng, hình thức liên kết tổ, đội hoạt động tương đối hiệu quả. Các tàu làm nghề khai thác xa bờ như lưới vây, lưới càn, màn chụp khơi đạt sản lượng khai thác giá trị kinh tế cao và xuất khẩu như cá thu, cá nục, cá ngừ, mực và các loại khác như cá cơm, ruốc... Ước sản lượng khai thác thủy sản 6 tháng đầu năm 2015 đạt 1.490 ngàn tấn, tăng 3,9 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó: ước khai thác biển đạt 1.410 ngàn tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ.

- Theo thông tin từ địa phương, việc áp dụng phương pháp đánh bắt cá ngừ đại dương theo công nghệ Nhật Bản chưa thực sự hiệu quả do ngư dân chưa tiếp thu thuần thục kỹ thuật. Bên cạnh đó lại chưa chú trọng đến bảo quản chất lượng cá, do đó chưa nâng cao được giá trị xuất khẩu, một số ngư dân đã chuyển qua nghề khai thác khác.

- Tại Phú Yên, lũy kế 6 tháng đầu năm ước sản lượng khai thác cá ngừ mắt to - vây vàng đạt 3500 tấn tăng 1,28% so cùng kỳ năm trước. Tại Bình Định sản lượng lũy kế đạt là 5.089 tấn, tăng 1,02 % so với cùng kỳ. Tại Khánh Hòa ước 2.500 tấn giảm khoảng 0,62% so với cùng kỳ năm trước.

II. XUẤT KHẨU

1. Tình hình xuất khẩu chung

- Quý II/2015, XK cá ngừ Việt Nam đạt 120 triệu USD, tiếp tục giảm 7% so với 129,7 triệu USD cùng kỳ năm ngoái. Tổng giá trị XK cá ngừ nửa đầu năm nay chỉ đạt gần 225 triệu

USD, giảm 8% so với 244 triệu USD cùng kỳ năm ngoái.

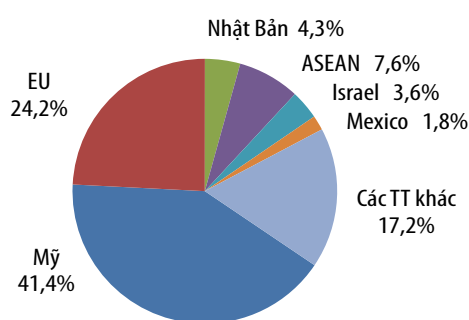
- XK sang các thị trường chính EU, Nhật Bản, Israel giảm (21 – 42%), trong khi sang Mỹ, ASEAN, Mexico, Canada, Nga tăng mạnh (9-165%).

- 6 tháng đầu năm nay, số thị trường NK cá ngừ Việt Nam tăng lên 95, bằng cùng kỳ năm 2013 và tăng so với 91 thị trường năm 2014.

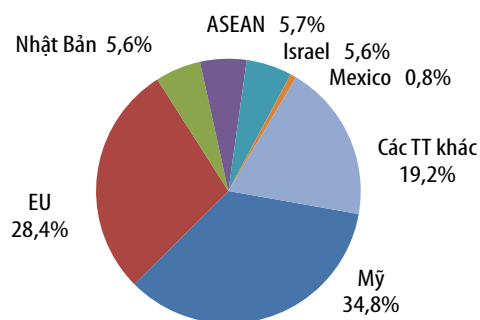
- Top 8 thị trường NK cá ngừ Việt Nam gồm Mỹ, EU, Nhật Bản, ASEAN, Mexico, Israel, Nga và Canada, chiếm 86% tổng XK của Việt Nam, so với top 8 năm ngoái chiếm 85%.

XUẤT KHẨU CÁ NGỪ SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)								
Thị trường	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	% tăng/ giảm	T1-T6 2015	So với 2014 %
Mỹ	38,076	20,180	18,127	16,574	54,881	+18,1	92,957	+9,3
EU	28,236	8,751	8,955	8,437	26,144	-27,3	54,380	-21,6
ASEAN	8,599	1,996	2,848	3,602	8,446	+17,4	17,045	+23,0
Thái Lan	7,553	1,443	1,921	2,760	6,124	+13,0	13,677	+27,7
Đức	9,429	2,932	2,326	2,225	7,484	-28,9	16,913	-17,1
Tây Ban Nha	4,143	2,570	0,481	0,147	3,198	+6,9	7,341	+28,2
Italia	2,778	0,004	1,974	1,739	3,717	-43,9	6,495	-49,2
Nhật Bản	4,006	1,896	1,917	1,872	5,685	-13,5	9,690	-28,9
Israel	3,617	1,176	2,210	0,999	4,385	-31,6	8,002	-41,2
Mexico	2,620	0,418	0,522	0,496	1,435	+53,0	4,055	+119,7
Canada	2,000	0,661	0,620	0,695	1,976	-53,6	3,976	-40,1
Nga	1,369	0,286	0,277	0,349	0,912	+38,7	2,281	+165,7
Các nước khác	15,788	6,069	6,032	4,449	16,551	-22,2	32,339	-18,1
Tổng	104,310	41,433	41,508	37,474	120,415	-7,2	224,725	-8,0

**Cơ cấu thị trường nhập khẩu cá ngừ
6 tháng đầu năm 2015 (GT)**



**Cơ cấu thị trường nhập khẩu cá ngừ
6 tháng đầu năm 2014 (GT)**



2. Cơ cấu sản phẩm

- Cơ cấu sản phẩm cá ngừ XK năm nay vẫn tiếp tục theo xu hướng năm 2014, giảm tỷ trọng cá ngừ tươi, đông lạnh nguyên liệu, tăng tỷ trọng cá ngừ hộp và cá ngừ chế biến khác. Theo đó, XK cá ngừ mã HS 03 chỉ chiếm 54% so với năm ngoái là 56%, cá ngừ mã HS 16 tăng từ 44% lên 46%.

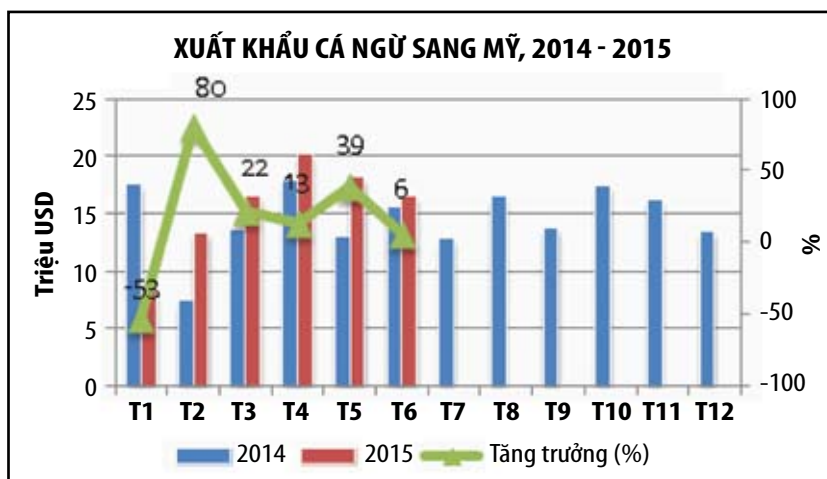
- Khai thác cá ngừ đại dương ngày càng khó khăn vì tranh chấp trên biển, vì chất lượng bảo quản không đạt tiêu chuẩn cho thị trường cá ngừ tươi, đông lạnh Nhật Bản và EU do vậy XK ngày càng giảm. Ngư dân thua lỗ chuyển sang đánh bắt cá chuồn và chuyển đổi khai thác gần bờ nên XK sản phẩm này khó có thể phục hồi trong năm nay.
- XK cá ngừ tươi/sống đông lạnh mã HS 03 tiếp tục giảm sâu và giảm mạnh nhất, gần 42% từ 40 triệu USD xuống còn 23 triệu USD.
- XK thăn cá ngừ đông lạnh mã HS 0304, mặt hàng XK chủ lực của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm, tăng 1,6% từ 96 triệu USD lên gần 98 triệu USD.
- Mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 là cá ngừ đóng hộp (mã HS 16) đạt 75 triệu USD, giảm gần 13% so với 86 triệu USD cùng kỳ năm ngoái.
- Các sản phẩm cá ngừ chế biến khác thuộc mã HS16 có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây. Nửa đầu năm nay, XK sản phẩm này tăng gần 30% từ 22 triệu USD lên trên 28 triệu USD. Những sản phẩm này thường là cá ngừ vây vàng hấp dạng loin đông lạnh, cá ngừ vây hấp dạng loin đông lạnh, dạng flake đông lạnh, xuất sang thị trường Trung Đông như Israel hoặc Oman với giá khoảng 3,5 – 4,5 USD/kg.

SẢN PHẨM CÁ NGỪ XK CỦA VIỆT NAM, T1-T6/2015			
Sản phẩm	QI/2015 (USD)	Tỷ lệ GT (%)	So với 2014 (%)
Cá ngừ mã HS 03 (1)	121.372.927	54,0	-11,2
- Cá ngừ sống/tươi/đông lạnh/khô (thuộc mã HS03, trừ mã HS0304)	23.451.714		-41,9
- Cá ngừ (thuộc mã HS0304)	97.921.213		+1,6
Cá ngừ chế biến mã HS 16 (2)	103.352.450	46,0	-3,9
- Cá ngừ đóng hộp (thuộc mã HS16)	74.908.257		-12,6
- Cá ngừ chế biến khác (thuộc mã HS16)	28.444.193		29,9
Tổng XK cá ngừ (1 + 2)	224.725.377	100,0	-8,0

3. Thị trường xuất khẩu chính

3.1 Mỹ - Tăng mạnh NK cá ngừ đông lạnh

- XK cá ngừ của Việt Nam sang Mỹ trong quý II đạt hơn 55 triệu USD, tăng 18% so với 46 triệu USD cùng kỳ năm ngoái. Tổng giá trị XK cá ngừ trong 6 tháng đầu năm sang Mỹ gần **93 triệu USD, tăng 9,3%** so với 85 triệu USD cùng kỳ năm 2014.



- Trong khi XK sang EU và Nhật Bản giảm thì Mỹ vẫn là sự lựa chọn tốt cho các DN cá ngừ Việt Nam. XK sang thị trường này chỉ giảm mạnh 53% vào tháng 1, các tháng còn lại đều tăng đáng kể, trong đó XK tháng 2 tăng tới 80%. Tháng 3, tháng 4, tháng 5 đều tăng lần lượt 22%, 13% và 36%. Tuy nhiên, sang tháng 6 mức tăng đã chững lại ở 6%. Đường như áp lực cạnh tranh đang tác động đến việc XK sang thị trường này, khi mà kinh tế EU và Nhật Bản khó khăn, các nước tăng XK sang Mỹ.

GIÁ TRUNG BÌNH NK CÁ NGỪ VÀO MỸ, T1- T5/2015 (USD/kg)			
	Giá TB 2014	Giá TB 2015	% tăng, giảm
TG	5,4	5,5	1,1
Thái Lan	4,4	4,3	-0,8
Indonesia	7,4	8,0	7,6
Việt Nam	5,7	6,1	6,9
Philippines	5,4	5,2	-4,7
Ecuador	7,0	6,0	-15,5
Trung Quốc	4,1	3,9	-4,8
Các quốc đảo khác	5,0	5,5	9,5
Mauritius	4,9	5,5	11,3
Colombia	5,6	6,2	9,4
Mexico	4,8	4,7	-2,3

- 5 tháng đầu năm nay, NK cá ngừ từ các nước vào Mỹ đạt gần 110 nghìn tấn, trị giá trên 600 triệu USD, tăng 2% về khối lượng và 4% về giá trị. Giá trung bình NK vào thị trường Mỹ là 5,5 USD/kg, tăng nhẹ so với 5,4 USD/kg cùng kỳ năm ngoái. Giá trung bình cá ngừ Việt Nam là 6,1 USD, tăng gần 7% so với 5,7 USD/kg.

- Năm 2014, Việt Nam là nguồn cung cấp lớn thứ 3 chỉ sau Thái Lan và Indonesia nhưng năm 2015 đã xuống thứ 4, sau cả Trung Quốc.

TOP 10 NGUỒN CUNG CÁ NGỪ CHO THỊ TRƯỜNG MỸ (KL: tấn; GT: nghìn USD)								
Nguồn cung	2014		T1-T5/2014		T1-T5/2015		% tăng trưởng	
	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL
TG	1.554.071	289.246	581.533	107.037	601.899	109.531	4	2
Thái Lan	480.105	110.215	184.653	42.417	164.339	38.063	-11	-10
Indonesia	149.633	20.634	51.278	6.929	70.740	8.881	38	28
Việt Nam	135.290	24.432	47.145	8.228	51.970	8.486	10	3
Philippines	132.036	25.819	44.042	8.118	40.708	7.877	-8	-3
Ecuador	126.358	18.600	44.650	6.335	50.646	8.507	13	34
Trung Quốc	124.128	30.756	42.170	10.274	56.021	14.344	33	40
Các quốc đảo khác	64.685	12.188	23.248	4.606	32.045	5.800	38	26
Mauritius	43.151	8.129	22.117	4.506	21.363	3.909	-3	-13
Colombia	38.675	6.236	6.180	1.098	7.244	1.176	17	7
Mexico	37.244	7.387	16.496	3.426	13.719	2.915	-17	-15

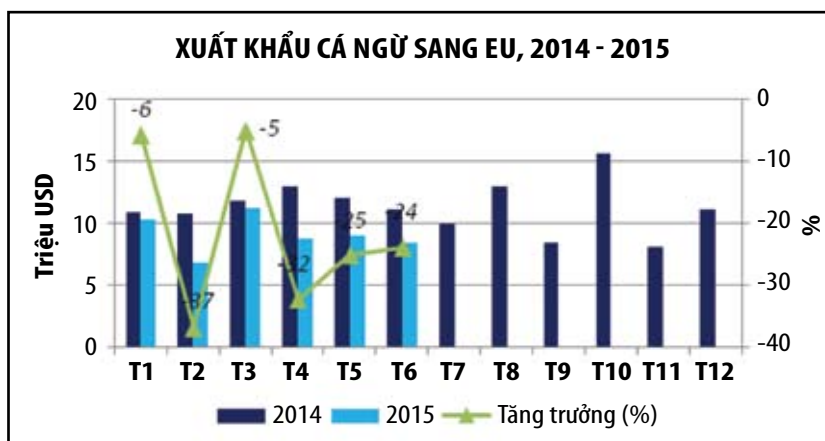
- Năm nay, Mỹ có xu hướng tăng mạnh NK cá ngừ vây vàng và cá ngừ vằn đông lạnh, giảm NK cá ngừ hộp. Theo thống kê của ITC, 5 tháng đầu năm 2015, NK cá vây vàng, sọc dưa đông lạnh (HS 03048700) vào Mỹ tăng 45% về khối lượng và 55% về giá trị đạt gần 10.000 tấn, trị giá 116 triệu USD. Sản phẩm này chỉ đứng sau cá ngừ đóng hộp không kín khí với 30 nghìn tấn, 146 triệu USD. Ở phân khúc này, các DN Việt Nam đang bán vào thị trường

Mỹ sản phẩm cá ngừ vây vàng, mắt to cắt thanh các cỡ với giá khoảng 10 – 11 USD/kg, cá ngừ phile tươi có giá khoảng 8 USD/kg.

- NK cá ngừ sọc dưa đóng hộp kín khí vào Mỹ giảm mạnh 13% về khối lượng và 17% về giá trị đạt trên 6 nghìn tấn với giá 61 triệu USD.

3.2 EU: XK liên tục tăng giảm sâu

- Quý II/2015, XK cá ngừ của Việt Nam sang EU vẫn tiếp tục giảm sâu 27% so với cùng kỳ năm 2014 đạt trên 26 triệu USD. Tổng giá trị XK cá ngừ 6 tháng đầu năm sang thị trường EU đạt gần 54 triệu USD, giảm 22% so với 69 triệu USD cùng kỳ năm ngoái.



- Đức, Tây Ban Nha và Italia tiếp tục là nước NK nhiều nhất cá ngừ của Việt Nam trong khối EU trong 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, chỉ có Tây Ban Nha tăng NK cá ngừ từ Việt Nam (tăng 28% đạt 7 triệu USD, trong khi XK cá ngừ sang Đức vẫn tiếp tục sụt giảm 17% xuống còn 17 triệu USD, Italia giảm 49% xuống còn 6,5 triệu USD.

- Năm nay, Đức có xu hướng tăng NK cá ngừ đồ hộp, đây sẽ là cơ hội tốt cho cá ngừ hộp Việt Nam. Hiện nay Phillipin đang tận dụng được ưu thế miễn thuế XK sang EU để gia tăng XK sang thị trường Đức. 3 tháng đầu năm 2015, tổng khối lượng NK cá ngừ đồ hộp Philippines vào EU đạt mức 1,12 triệu thùng (48x185g), tăng 7% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ hưởng GSP+ do EU cấp, cá ngừ Philippine có khả năng cạnh tranh mạnh hơn trên thị trường này. Đức dẫn đầu về NK cá ngừ đồ hộp của Philippine trong khi Anh và Hà Lan lại giảm NK với mức tương ứng 36% và 22%. Quý I/2015, tổng NK cá ngừ đồ hộp vào Đức tăng 8,6% so với cùng kỳ 2014. Ngoài Philippines, NK từ Việt Nam vào Đức cũng tăng. Hầu hết các thị trường khác đều giảm.

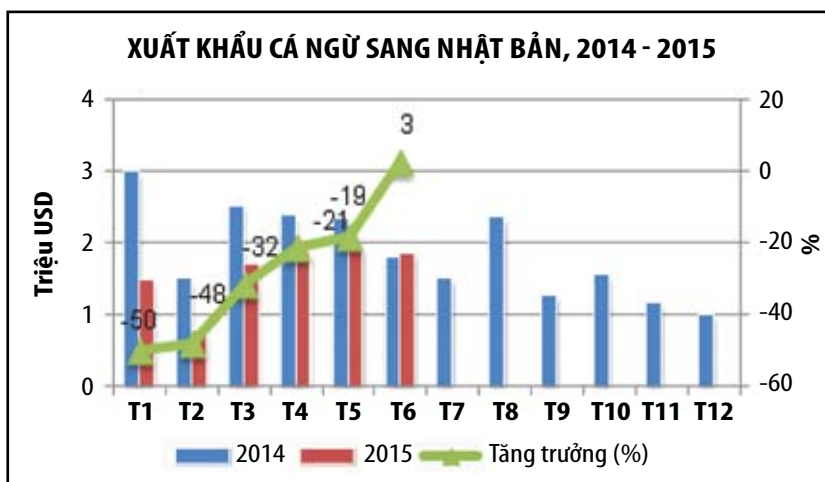
- Năm 2014, nhu cầu cá ngừ đóng hộp trên thị trường EU tăng mạnh, khi NK nội khối và ngoại khối tăng vọt lên mức cao 5 năm. Sau khi tăng nhẹ 0,5%, NK cá ngừ đóng hộp ngoại khối của EU đã đạt mức cao nhất trong 5 năm với trên 440.000 tấn vào năm 2014, theo số liệu của Eurostat. NK cá ngừ đóng hộp từ Ecuador và Mauritius, 2 nhà cung cấp ngoại khối hàng đầu cho châu Âu, tăng lần lượt 5% và 9,8% so với so với năm trước. NK từ 2 nước này chiếm lần lượt 20% và 12,5% tổng NK từ các nước ngoại khối.

- 4 tháng đầu năm 2015, tổng NK cá ngừ của 28 nước EU đạt gần 1,3 tỷ USD, giảm 18% so với 1,5 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái. NK từ hầu hết các nguồn cung cấp chính đều giảm mạnh, trong đó Ecuador dẫn đầu với 109 triệu USD, giảm 29%. Việt Nam là nguồn cung cấp đứng thứ 9 cho thị trường EU.

3.3 Nhật Bản

- XK cá ngừ sang thị trường Nhật Bản năm nay tiếp tục giảm sâu gần **29%** so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần **10 triệu USD** 6 tháng đầu năm 2015.

- XK qua các tháng giảm với mức 2 con số (18 – 50%). Năm nay XK cá ngừ sang Nhật Bản chỉ dao động 1,5 – 1,8 triệu USD/tháng, trong khi năm 2014 có những tháng XK lên tới 3 triệu USD.



SẢN PHẨM CÁ NGỪ NK CỦA NHẬT BẢN (KL: kg; GT: nghìn USD)					
Mã HS	Sản phẩm		T1-T5/2014	T1-T5/2015	% tăng trưởng
	Tổng cá ngừ	KL	111.242.606	122.381.273	10,0
		GT	862.795	856.577	-0,7
160414	Cá ngừ sọc dưa chế biến	KL	20.008.169	21.578.360	7,8
		GT	115.604	108.562	-6,1
030487	Cá ngừ sọc dưa phile đông lạnh	KL	16.593.551	20.622.529	24,3
		GT	301.182	366.941	21,8
030344	Cá ngừ mắt to đông lạnh	KL	32.826.904	31.275.128	-4,7
		GT	228.450	193.089	-15,5
030343	Cá ngừ sọc dưa đông lạnh	KL	9.695.558	19.699.331	103,2
		GT	12.860	23.353	81,6
030342	Cá ngừ vây vàng đông lạnh	KL	18.001.828	15.952.067	-11,4
		GT	70.440	56.441	-19,9
030341	Cá ngừ albacore đông lạnh	KL	5.303.531	5.902.795	11,3
		GT	15.180	17.881	17,8
030232	Cá ngừ vây vàng tươi/ướp lạnh	KL	3.533.534	2.333.418	-34,0
		GT	33.441	20.008	-40,2
030235	Cá ngừ vây xanh tươi/ướp lạnh	KL	2.149.022	1.688.489	-21,4
		GT	31.674	21.127	-33,3
030345	Cá ngừ vây xanh đông lạnh	KL	2.624.162	2.909.035	10,9
		GT	47.222	46.045	-2,5
030231	Cá ngừ albacore tươi/ướp lạnh	KL	26.774	14.160	-47,1
		GT	205		
030233	Cá ngừ sọc dưa tươi/ướp lạnh	KL	1.937	0	-100,0
		GT	6	0	-100,0
030346	Cá ngừ vây xanh miền Nam đông lạnh	KL	477.636	405.961	-15,0
		GT	6.531	3.038	-53,5

- Xu hướng từ nay đến cuối năm XK cá ngừ sang Nhật Bản có thể tăng lên 2-2,5 triệu USD/tháng nhưng không thể bằng hoặc tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm ngoái.
- Nguyên nhân chính khiến XK cá ngừ sang Nhật Bản giảm vẫn do chất lượng cá tươi và đông lạnh chưa đạt tiêu chuẩn của thị trường này.
- Hiện nay Việt Nam đang xuất sang thị trường Nhật Bản các sản phẩm như cá ngừ vây vàng loin đông lạnh với giá khoảng 4,5 – 5 USD/kg; Cá ngừ ngâm dầu đóng hộp với giá khoảng 37 – 38 USD/thùng; thịt cá ngừ vây vàng cắt miếng đông lạnh, cá ngừ hun khói...
- 5 tháng đầu năm nay, Nhật Bản NK 122 nghìn tấn cá ngừ từ các nước, trị giá 856 triệu USD, tăng 10% về khối lượng, nhưng giảm 0,7% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, cá ngừ mắt to đông lạnh chiếm khối lượng cao nhất trên 31 nghìn tấn, cá ngừ sọc dưa phile đông lạnh chiếm giá trị cao nhất 367 triệu USD.
- Top 5 nguồn cung cấp cá ngừ cho thị trường Nhật Bản trong 5 tháng đầu năm nay là Đài Loan, Thái Lan, quần đảo Marshall, Trung Quốc và Indonesia.

4. Top 5 Doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ

Nửa đầu năm nay top 5 DN XK cá ngừ xét theo giá trị XK gồm YUEH CHYANG CO; AMANDA FOODS (VN) LTD; BIDIFISCO; HIGHLAND DRAGON và HAVUCO, đạt tổng doanh số trên 106 triệu USD, chiếm 47% tổng kim ngạch XK cá ngừ của cả nước. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm ngoái, XK của Havuco giảm mạnh, 4 DN còn lại kim ngạch XK đều tăng khả quan.

TOP 5 DOANH NGHIỆP XK CÁ NGỪ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015 (GT: USD)		
Doanh nghiệp	T1-T6/2015	T1-T6/2014
YUEH CHYANG CO	26.989.220	26.454.918
AMANDA FOODS (VN) LTD	22.139.492	14.049.230
BIDIFISCO	22.031.824	20.727.220
HIGHLAND DRAGON	18.404.947	16.814.144
HAVUCO	16.869.738	25.987.956

III. CƠ HỘI – THÁCH THỨC VÀ DỰ BÁO XUẤT KHẨU CÁ NGỪ QUÝ II/2015

1. Cơ hội

- Chính thức có hiệu lực thi hành kể từ tháng 8/2014, **Đề án thí điểm tổ chức khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ cá ngừ theo chuỗi giá trị** của Bộ NN và PTNT đã đề ra các giải pháp, mục tiêu cụ thể nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị cá ngừ đại dương (cá ngừ vây vàng, cá ngừ mắt to, cá ngừ vằn) theo hướng công nghiệp, hiện đại, gắn khai thác với thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, hài hòa lợi ích giữa ngư dân và DN; đồng thời khai thác hiệu quả, bền vững nguồn lợi làm cơ sở để nhân rộng cho các nhóm đối tượng khác. Đây có thể là cơ hội cho các DN XK Việt Nam tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh XK bền vững trong thời gian tới.

- **Việc triển khai Nghị định 67/2014/NĐ-CP** (Nghị định 67) về một số chính sách phát triển thủy sản và hỗ trợ ngư dân năm 2015 hy vọng sẽ thuận lợi hơn, tạo điều kiện cho ngư dân đẩy mạnh khai thác, tăng sản lượng và chất lượng thủy sản.
- Việc đẩy nhanh quá trình **đàm phán các Hiệp định tự do thương mại (FTA) và Hiệp định TPP** sẽ tạo cơ hội, nhất là ưu đãi về thuế suất cho các DN XK cá ngừ Việt Nam. Các nước thành viên tham gia TPP sẽ được giảm 90% các loại thuế xuất nhập khẩu hàng hóa và cắt giảm bằng 0% năm 2015. Đây sẽ là tín hiệu tốt cho các DN XK hải sản, đặc biệt là DN XK cá ngừ sang thị trường Nhật Bản bởi trong nhiều năm trước đây thuế suất của Việt Nam đang cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực ASEAN.
- **Chương trình hợp tác với EII** trong việc dán nhãn an toàn cá heo cho các sản phẩm cá ngừ của Việt Nam đã có những bước khởi đầu tốt, mở ra cơ hội tiếp cận thị trường tiêu thụ cao cấp tại các nước.

2. Thách thức

- **Nguồn nguyên liệu sẽ ngày càng khó khăn** khi nhu cầu thị trường yếu, sản phẩm sau thu hoạch không đạt chuẩn để chế biến hàng XK giá trị cao như sashimi, khiến giá bán cá ngừ nguyên liệu thấp, dẫn đến tình trạng ngư dân thua lỗ, chán nản, bỏ nghề. Hiện nay, nhiều ngư dân khu vực miền Trung đã chuyển sang khai thác cá chuồn thay cá ngừ.
- Mặc dù có sự hỗ trợ về kỹ thuật và công nghệ từ phía Nhật Bản, nhưng **chất lượng cá nguyên liệu năm nay vẫn chưa được nâng cao** và không ổn định, sản lượng khai thác lại có xu hướng giảm. Điều này đã khiến các DN phải chuyển sang làm hàng đông lạnh thay vì làm hàng chất lượng cao (như shashimi..), đồng thời phải NK thêm nguyên liệu để chế biến XK.
- **Xuất khẩu cá ngừ hộp, cá ngừ sọc dưa khó khăn hơn:** Trong khi khai thác cá ngừ đại dương khó khăn, chất lượng chưa cao, Việt Nam hy vọng nhiều vào nguồn cung và thị trường cá hộp. Tuy nhiên, năm nay nhu cầu và giá cá ngừ hộp đều có xu hướng giảm trong những tháng đầu năm.
- **DN chế biến và XK làm ăn khó khăn dẫn đến thiếu vốn:** Hiện nay, hơn 90% DN XK thủy sản đang thiếu vốn, phần lớn DN khó khăn về nguồn nguyên liệu và biến động lao động có tay nghề. 80-90% DN buộc phải giảm công suất chế biến, không mở rộng thêm dây chuyền sản xuất.
- **Các thị trường NK ngày càng khắt khe:** Ngoài quy định của Tổ chức Earth Island (EII) của Mỹ liên quan đến chương trình bảo vệ cá heo trong thương mại cá ngừ toàn cầu, năm nay, chính phủ Mỹ và một số nước đều thắt chặt quy định kiểm soát và chống hoạt động khai thác bất hợp pháp, không theo quy định và không báo cáo (IUU).
- **Cạnh tranh tại các thị trường ngày càng tăng.** Trong khi đàm phán hội nhập của Việt Nam vẫn chưa đạt được kết quả cuối cùng, thì các nước đối thủ như Ecuador và Philippines đã đạt được những kết quả nhất định trong việc đàm phán thương mại với các thị trường NK cá ngừ lớn như EU... Cụ thể, các sản phẩm XK của các nước này sang EU

sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan 0%. Điều này đã tạo áp lực lên các DNXX trong thời gian tới, đồng thời làm giảm khả năng cạnh tranh tại các thị trường hơn nữa.

3. Dự báo xuất khẩu cá ngừ quý III/2015

- Quý III và nửa cuối năm 2015, nguồn nguyên liệu cá ngừ sẽ vẫn khó khăn về cả khối lượng và chất lượng, các DN có thể sẽ phải bù đắp nhiều hơn bằng nguồn nguyên liệu NK. Nửa đầu năm, giá trị NK cá ngừ chiếm gần 1/2 giá trị XK với hơn 100 triệu USD. Năm 2014, Việt Nam đã NK cá ngừ với giá trị 183 triệu USD. Nửa cuối năm nay, dự báo NK cá ngừ sẽ đạt trên 100 triệu USD và NK cả năm sẽ đạt trên 200 triệu USD.
- QIII/2015, XK cá ngừ sang thị trường EU và Nhật Bản do nhu cầu chưa thể hồi phục trong bối cảnh tiền tệ của 2 thị trường này suy yếu, kinh tế suy thoái.
- Tuy nhiên, XK sang các thị trường khác như Mỹ, ASEAN và các thị trường nhỏ sẽ bù đắp đáng kể cho tổng XK cá ngừ trong quý tới và nửa cuối năm nay.
- Giá cá ngừ sọc dựa trên thị trường thế giới đang có xu hướng hồi phục sau những nỗ lực cắt giảm của tổ chức WTPO có thể sẽ tạo thêm cơ hội tăng giá XK cá ngừ của Việt Nam.
- Dự báo QIII/2015, giá trị XK cá ngừ tiếp tục giảm khoảng 2% so với cùng kỳ năm ngoái đạt 116 triệu USD và XK cá ngừ cả năm 2014 ước đạt **450 triệu USD, giảm khoảng 7%** so với năm 2014.

CHƯƠNG V:

XUẤT KHẨU MỰC, BẠCH TUỘC VÀ HẢI SẢN KHÁC

I. MỰC, BẠCH TUỘC

- Quý II/2015, tổng giá trị XK mực, bạch tuộc của Việt Nam đạt 111,61 triệu USD, giảm 12,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, XK mực, bạch tuộc của Việt Nam đạt giá trị **198,57 triệu USD, giảm 9,5%** so với cùng kỳ năm 2014, trong đó XK mực giảm 15,1%, đạt 110,02 triệu USD và XK bạch tuộc giảm 1,3%, đạt giá trị 88,54 triệu USD. Mức sụt giảm này chủ yếu là từ 4 thị trường XK lớn là EU, Nhật Bản, Asean và Hàn Quốc.

1. Cơ cấu sản phẩm

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK mực chiếm tỷ lệ 55,4% trong cơ cấu XK mực, bạch tuộc. Trong khi đó, tỷ lệ bạch tuộc trong 6 tháng đầu năm 2015 đạt 44,6% trong cơ cấu XK mực, bạch tuộc.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, 3 nhóm hàng trong cơ cấu mực đều tiếp tục giảm về giá trị: Mực chế biến khác giảm 0,4%; mực khô, nướng giảm 0,8% và mực sống, tươi, đông lạnh giảm mạnh tới 26,6%. Trong khi đó, giá trị XK bạch tuộc chế biến lại tăng 7,1%, nhưng mặt hàng bạch tuộc khô, muối, sống, tươi, đông lạnh lại giảm 3% so với cùng kỳ năm 2014.

SẢN PHẨM MỰC, BẠCH TUỘC XUẤT KHẨU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015			
Sản phẩm	T1-T6/2015 (USD)	Tỷ lệ GT (%)	So với 2014 (%)
Mực (1)	110.028.476	55,4	-15,1
- Mực chế biến khác (thuộc mã HS16)	8.847.681		-0,4
- Mực khô, nướng, (thuộc mã HS03)	48.319.905		-0,8
- Mực sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	52.860.891		-26,6
Bạch tuộc (2)	88.544.459	44,6	-1,3
- Bạch tuộc chế biến (thuộc mã HS16)	15.972.636		7,1
- Bạch tuộc khô/muối/sống/tươi/đông lạnh (thuộc mã HS03)	72.571.823		-3,0
Tổng XK mực, bạch tuộc (1 + 2)	198.572.935	100,0	-9,5

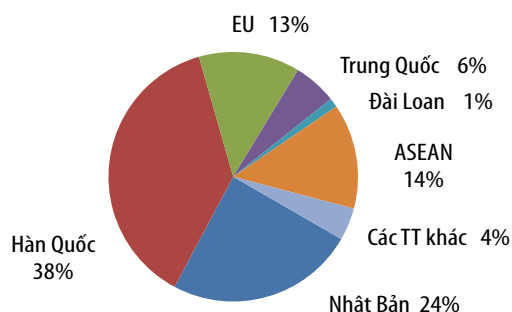
2. Thị trường

- Quý II/2015, Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang 53 thị trường tương đương với cùng kỳ năm 2014. 6 tháng đầu năm 2015, Việt Nam XK mực, bạch tuộc sang **59 nước**, tăng 3 nước so với cùng kỳ năm 2014.

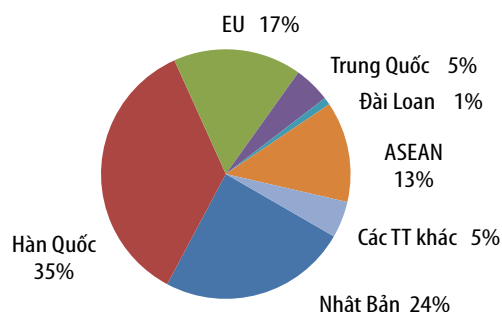
- Quý II/2015, top 9 thị trường chính gồm: Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN, EU, Trung Quốc, Mỹ, Đài Loan, Australia và Israel chiếm đến 98,3% tổng giá trị XK, gần tương đương với tỷ lệ 98,7% của quý I/2015. Trong 6 tháng đầu năm 2016, top 9 thị trường chính chiếm 98,5% so với cùng kỳ năm 2014.

XUẤT KHẨU MỰC, BẠCH TUỘC SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)								
Thị trường	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	% tăng/giảm	T1-T6 2015	So với 2014 %
Hàn Quốc	35,832	14,278	13,678	11,206	39,162	-14,3	74,994	-3,6
Nhật	20,222	7,966	9,693	10,704	28,362	-5,6	48,584	-9,4
ASEAN	11,409	4,711	4,332	6,614	15,658	+1,5	27,067	-5,5
Thái Lan	9,867	3,569	3,048	5,590	12,207	+3,4	22,074	-4,5
Malaysia	0,682	0,889	0,858	0,807	2,555	-10,9	3,236	-19,7
EU	9,929	4,981	4,967	6,188	16,136	-28,3	26,065	-28,5
Italy	6,120	2,730	3,076	3,784	9,591	-36,3	15,711	-35,1
Đức	0,970	0,667	0,198	0,387	1,252	+3,3	2,222	+9,9
Tây Ban Nha	0,481	0,467	0,389	0,478	1,334	-11,6	1,815	-13,5
Trung Quốc	5,538	1,971	1,645	1,978	5,595	-12,2	11,133	+7,6
Hồng Kông	0,833	0,579	0,331	0,910	1,819	+24,0	2,653	-3,5
Mỹ	1,044	0,442	0,449	0,438	1,329	-5,0	2,374	+15,1
Đài Loan	0,866	0,436	0,607	0,459	1,503	+16,1	2,368	+12,7
Australia	0,516	0,371	0,198	0,554	1,123	+22,5	1,639	+0,7
Israel	0,465	0,154	0,347	0,322	0,822	-30,8	1,287	-28,4
Các nước khác	1,142	0,639	0,592	0,689	1,920	-28,2	3,062	-37,3
Tổng	86,963	35,950	36,509	39,152	111,610	-12,5	198,573	-9,5

Cơ cấu thị trường NK mực, bạch tuộc 6 tháng đầu năm 2015 (GT)



Cơ cấu thị trường NK mực, bạch tuộc 6 tháng đầu năm 2014 (GT)

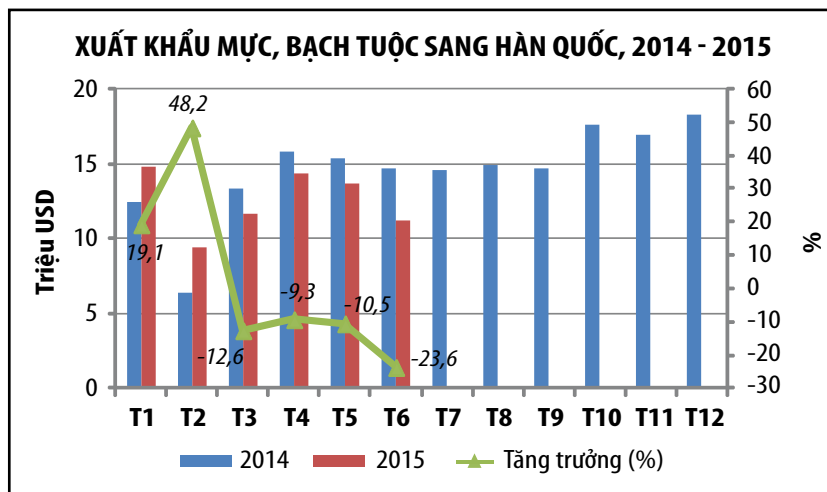


• Thị trường Hàn Quốc

- Quý II/2015, XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt giá trị 39,16 triệu USD, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2014.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK mực, bạch tuộc sang Hàn Quốc đạt giá trị **74,99 triệu USD, giảm 3,6%** so với cùng kỳ năm 2015.

- Hàn Quốc là thị trường NK hàng đầu mực và bạch tuộc, chiếm 40% tổng kim ngạch XK mực và bạch tuộc của Việt Nam. Tuy nhiên, XK mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc hiện đang có xu hướng sụt giảm trong những tháng gần đây.



- Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Hàn Quốc NK bạch tuộc chế biến (HS 160555) từ 3 nước là Việt Nam, Trung Quốc và Philippines. Việt Nam là nước có giá XK bạch tuộc chế biến đạt cao nhất trong 3 nước XK bạch tuộc chế biến vào thị trường Hàn Quốc.

- Giá trung bình NK bạch tuộc đông lạnh của Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm nay dao động quanh mức 4,56 - 4,94 USD/kg, trong đó giá NK từ Mauritania đạt cao nhất, tiếp đến là giá của Senegal và Thái Lan. Giá trung bình bạch tuộc đông lạnh Việt Nam XK sang Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm nay dao động 4,34 - 4,52 USD/kg. Giá NK mực đông lạnh hiện thấp hơn so với giá NK bạch tuộc đông lạnh. Giá trung bình NK mực đông lạnh của Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm nay dao động 1,73 - 2,24 USD/kg.

- Giá trung bình NK mực chế biến (HS 160554) của Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm nay đạt mức 3,63 - 3,89 USD/kg. Việt Nam là nước đứng thứ 5 về XK mực chế biến sang Hàn Quốc, sau Peru, Trung Quốc, Thái Lan và Chile, tuy nhiên giá trung bình XK mặt hàng này vào Hàn Quốc chỉ thấp hơn so với giá của Thái Lan nhưng lại cao hơn so với giá XK mực chế biến của Trung Quốc, Peru, Chile.

- Việt Nam cũng là nước XK nhiều nhất mực đông lạnh (HS 030749) sang Hàn Quốc, tiếp đến là Peru và Chile. Theo số liệu của ITC trong 5 tháng đầu năm nay Hàn Quốc NK mực đông lạnh từ Việt Nam đạt giá trị 12,39 triệu USD; NK từ Peru đạt giá trị 9,73 triệu USD và NK từ Chile với giá trị 7,92 triệu USD. Hàn Quốc NK mực đông lạnh từ 17 nước trong 5 tháng đầu năm nay với giá trị 37,18 triệu USD.

- Hàn Quốc tiêu thụ nhiều bạch tuộc đông lạnh (HS 030759) hơn mực đông lạnh. Theo số liệu của ITC trong 5 tháng đầu năm nay, Hàn Quốc NK bạch tuộc đông lạnh đạt giá trị 138,47 triệu USD. Hàn Quốc NK bạch tuộc đông lạnh từ 15 nước trên thế giới trong 5

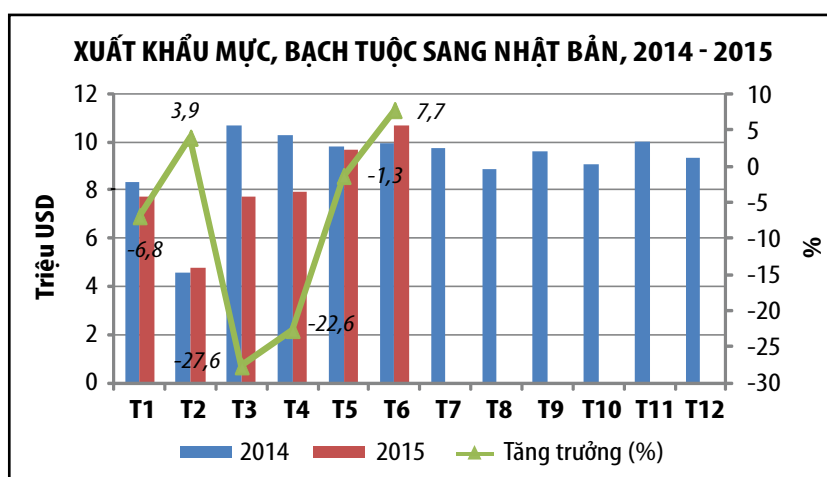
tháng đầu năm nay, trong đó NK nhiều nhất là từ Trung Quốc, tiếp đến là Việt Nam và Mauritania. Theo số liệu của ITC trong 5 tháng đầu năm nay Hàn Quốc NK bạch tuộc từ Việt Nam với giá trị 44,83 triệu USD.

GIÁ TRUNG BÌNH NK BẠCH TUỘC ĐÔNG LẠNH CỦA HÀN QUỐC, T1-T5/2015 (USD/kg)					
Nước	T1	T2	T3	T4	T5
Trung Quốc	4,33	4,4	4,55	4,81	4,86
Việt Nam	4,34	4,42	4,5	4,52	4,45
Mauritania	9,47	7,18	8,04	6,89	7,18
Thái Lan	5,34	5,33	5,05	5,17	5,25
Indonesia	4,23	4,09	4,22	4,1	4,25

• Thị trường Nhật Bản

- Quý II/2015, XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt giá trị 28,36 triệu USD, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2014.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK sang Nhật Bản đạt 48,58 triệu USD, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2014.



GIÁ TRUNG BÌNH NK BẠCH TUỘC ĐÔNG LẠNH CỦA NHẬT BẢN, T1-T5/2015 (USD/kg)						
Nước	T5/2015			T1-T5/2015		
	KL (kg)	GT, CIF (nghìn yên)	Giá (yên/kg)	KL (kg)	GT, CIF (nghìn yên)	Giá (yên/kg)
Trung Quốc	574.985	625.183	1.087	2.806.713	2.907.185	1.036
Việt Nam	319.485	224.253	702	1.550.145	1.058.762	683
Thái Lan	41.473	27.136	654	296.292	184.408	622
Malaysia	408	219	537	14.676	7.727	527
Philippines	785	597	761	20.179	14.517	719
Indonesia	44.520	29.489	662	197.412	133.851	678
Ấn Độ	-	-	-	65.380	23.609	361
Greece	22.503	12.428	552	33.799	18.462	546
Mỹ	-	-	-	23.840	8.551	359
Mexico	19.464	22.997	1.182	282.205	230.379	816
Morocco	2.106.644	1.447.946	687	12.137.094	8.862.931	730
Western Sahara	-	-	-	50.693	37.235	735
Mauritania	969.566	793.756	819	6.461.684	5.274.998	816
Senegal	17.046	9.686	568	74.629	53.698	720
Mauritius islands	-	-	-	1.735	3.421	1.972
Tổng cộng	4.116.879	3.193.690	776	24.016.476	18.819.734	784

- Theo Hải quan Nhật Bản, trong tháng 5/2015 Nhật Bản NK trên 4.116 tấn bạch tuộc các loại, trị giá 3.193 triệu yên (khoảng 26,5 triệu USD), với giá trung bình 776 yên/kg (khoảng 6,43 USD/kg), CIF Nhật Bản. Theo Hải quan Nhật Bản, trong 5 tháng đầu năm 2015 Nhật Bản NK trên 24.016 tấn bạch tuộc các loại, trị giá trên 24.016 triệu yên (157,5 triệu USD), với giá trung bình là 784 yên/kg (6,56 USD/kg), CIF Nhật Bản. Trong 5 tháng đầu năm 2015, Việt Nam là nước có khối lượng và giá trị bạch tuộc XK lớn thứ 4 vào thị trường Nhật Bản.

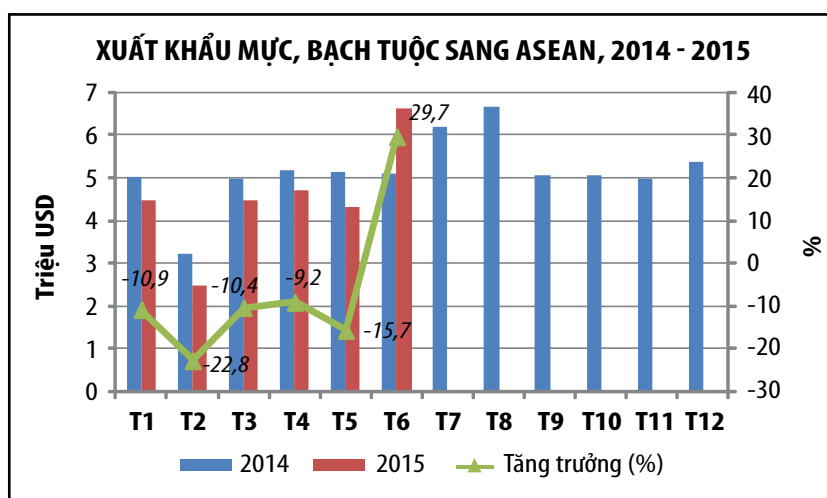
• Thị trường ASEAN

- Quý II/2015, XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang thị trường Asean đạt giá trị 15,65 triệu USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2014.

- Trong 6 tháng đầu năm giá trị XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang thị trường Asean đạt **27,06 triệu USD, giảm 5,5%** so với cùng kỳ năm 2014.

Thái Lan

- Thái Lan là nước NK mực, bạch tuộc hàng đầu từ Việt Nam trong khối Asean. Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, XK mực, bạch tuộc sang Thái Lan trong quý II/2015 đạt giá trị 12,2 triệu USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2014. 6 tháng giá trị XK đạt 22,07 triệu USD, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2014.



- Mặc dù Thái Lan là nhà sản xuất mực ống nhưng nước này cũng NK mực ống để chế biến và tái XK. Theo Hải quan Thái Lan, trong tháng 5/2015, Thái Lan NK 14.410 tấn mực ống các loại, trị giá trên 21 triệu USD, với giá trung bình là 1,46 USD/kg, CIF Thái Lan.

- Trong 5 tháng đầu năm 2015, Thái Lan NK 67.592,7 tấn mực ống các loại, trị giá 111 triệu USD, với giá trung bình là 1,64 USD/kg, CIF Thái Lan. Thái Lan NK mực ống từ các nước chính như Myanmar, Việt Nam và Trung Quốc.

THÁI LAN NHẬP KHẨU MỰC ỐNG TỪ CÁC NƯỚC CHÍNH TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2015				
Quy cách	Nước	T1-T5/2015		
		KL (kg)	GT, CIF (nghìn yên)	Giá (yên/kg)
Sống	Myanmar	0,5	3,8	7,60
Ướp lạnh	Myanmar	934	751,9	0,81
Đông lạnh	Trung Quốc	35.469,7	55.876,6	1,58
Khô/Muối	Việt Nam	2.317,5	15.830,1	6,83

THÁI LAN NHẬP KHẨU MỰC ỐNG TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2015						
Quy cách	T5/2015			T1-T5/2015		
	KL (kg)	GT, CIF (nghìn yên)	Giá (yên/kg)	KL (kg)	GT, CIF (nghìn yên)	Giá (yên/kg)
Sống	-	-	-	0,5	3,8	7,60
Uớp lạnh	274,9	237,8	0,86	1.019,1	883,7	0,87
Đông lạnh	13.402,8	17.193,2	1,28	63.896,3	92.419,9	1,45
Khô/Muối	732,6	3.631,6	4,96	2.676,8	17.698,8	6,61
Tổng	14.410,3	21.062,6	1,46	67.592,7	111.006,1	1,64

- Trong 5 tháng đầu năm 2015, Thái Lan XK trên 14.443,8 tấn mực ống các loại, trị giá trên 82,9 triệu USD, với giá trung bình đạt 5,74 USD/kg, FOB Thái Lan. Thái Lan XK mực ống chủ yếu sang các nước Italy, Canada và Nhật Bản.

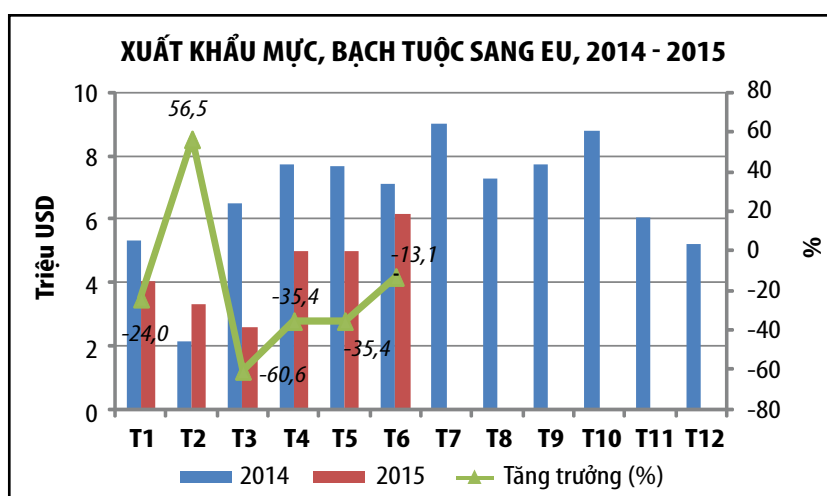
• Thị trường EU

- Quý II/2015, XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang thị trường EU đạt 16,13 triệu USD, giảm 28,3% so với cùng kỳ năm 2014.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, giá trị XK sang EU đạt **26,06 triệu USD, giảm 28,5%** so với cùng kỳ năm 2014.

- Theo số liệu của Eurostat trong 4 tháng đầu năm 2015, Việt Nam XK 63 tấn mực nang đông lạnh và mực ống bobtail sang EU, giảm mạnh so với 383 tấn của cùng kỳ năm 2014. Tuy nhiên, giá trung bình XK mực nang đông lạnh và mực ống bobtail sang thị trường EU trong 4 tháng đầu năm nay lại cao hơn so với cùng kỳ năm 2014. Việt Nam hiện là nước XK mực nang đông lạnh và mực ống bobtail đứng thứ 15 vào thị trường EU.

- Việt Nam hiện là nước XK bạch tuộc đông lạnh lớn thứ 8 vào thị trường EU. Theo số liệu của Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2015, EU NK bạch tuộc đông lạnh từ Việt Nam với khối lượng 757 tấn, giảm mạnh so với 1.555 tấn của cùng kỳ năm 2014. Tuy nhiên, giá trung bình XK bạch tuộc đông lạnh của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm nay lại đạt 2,85 euro/kg, cao hơn so với mức giá 2,41 euro/kg của cùng kỳ năm 2014.



NHẬP KHẨU MỰC NANG ĐÔNG VÀ MỰC ỐNG BOBTAIL VÀO EU, T1-T4/2014-2015, Nguồn: Eurostat				
Nước	KL (tấn)		Giá TB (EUR/kg)	
	2015	2014	2015	2014
Morocco	6.741	14.454	4,45	2,64
Tunisia	977	2.934	5,14	4,73
Senegal	1.446	2.464	3,96	3,44
Mauritania	1.392	1.987	4,28	3,01
Tây Ban Nha	581	2.767	3,90	3,72
Ấn Độ	418	2.070	3,68	2,73
Ghana	751	1.078	3,52	2,24
Pháp	79	773	4,54	3,74
Hà Lan	143	705	4,15	4,82
Italy	26	805	5,06	5,52
Turkey	201	620	3,90	3,12
Anh	93	443	2,83	2,96
Việt Nam	63	383	5,95	3,80
Trung Quốc	248	179	2,98	3,23
Bỉ	77	316	6,43	6,24
Bồ Đào Nha	120	185	5,67	4,17
Gambia	120	136	3,51	4,27
Thái Lan	7	235	10,55	5,48
Đan Mạch	15	153	3,54	4,32
Greece	21	136	4,63	4,24
Indonesia	26	124	5,54	7,52
Ivory coast	61	62	4,27	4,33
Đức	18	93	5,25	5,37
Slovenia		104		3,00
Nigeria		98		2,70
Mozambique	17	72	2,93	2,20
Guinea		39		2,08
Oman	26		3,47	
Tanzania	3	21	4,42	3,08
Ireland		22		3,01
Nước khác	12	50	7,89	6,91
Tổng	13.681	33.504	4,31	3,28

Tây Ban Nha

- Tây Ban Nha là nước NK mực, bạch tuộc từ Việt Nam lớn thứ 3 trong khối EU. Trong quý II/2015, tổng giá trị XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang Tây Ban Nha đạt 1,33 triệu USD, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm 2014. Trong 6 tháng tổng giá trị XK đạt **1,81 triệu USD, giảm 13,5%** so với cùng kỳ năm 2014. Giá mực tại thị trường này trong tuần cuối tháng 6 đầu tháng 7/2015 vẫn duy trì ổn định tại chợ Mercamadrid.

GIÁ MỰC TẠI CHỢ BÁN BUÔN MERCAMADRID, TUẦN 27 VÀ 26, Nguồn: Mercamadrid				
Quy cách	Sản phẩm	Giá (EUR/kg)		So sánh %
		Tuần 27	Tuần 26	
Đông lạnh	Mực ống Boston	4,51	4,51	0
Đông lạnh	Mực ống California	3,01	3,01	0
Đông lạnh	Mực ống Ấn Độ	4,51	4,51	0
Đông lạnh	Mực ống Tây Ban Nha	6,80	6,80	0
Đông lạnh	Mực ống chiên bơ	3,01	3,01	0
Đông lạnh	Mực ống cỡ nhỏ	5,71	5,71	0
Đông lạnh	Mực nang làm sạch	5,11	5,11	0
Đông lạnh	Mực nang xô	4,06	4,06	0
Đông lạnh	Bạch tuộc Galician	8,41	8,41	0
Tươi	Mực ống cắt khoanh vây ngắn		3,01	-
Tươi	Mực ống	10,50	10,49	0
Tươi	Mực ống cỡ nhỏ	7,50	7,50	0
Tươi	Mực ống khổng lồ	5,11	5,11	0
Tươi	Bạch tuộc hấp chín	16,80	16,80	0

Italy

Italy là nước NK mực, bạch tuộc hàng đầu từ Việt Nam trong khối EU. Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, XK mực, bạch tuộc của Việt Nam sang Italy trong quý II/2015 đạt giá trị 9,59 triệu USD, giảm 36,3% so với cùng kỳ năm 2014. 6 tháng tổng giá trị đạt **15,71 triệu USD, giảm 35,1%** so với cùng kỳ năm 2014. Giá mực ống các loại tại các cảng tuần cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 2015 đều giảm, trừ mực ống bobtail tăng.

GIÁ TRUNG BÌNH MỰC, BẠCH TUỘC TẠI CÁC CẢNG ITALY, TUẦN 27 VÀ 26, (EUR/kg), Nguồn: ISMEA						
Quy cách	Tuần 27		Tuần 26		So sánh %	
	Giá thấp nhất	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá cao nhất
Mực ống	15,15	18,20	20,10	22,26	-25	-18
Bobtail	7,47	9,60	6,52	8,55	15	12
Mực ống khổng lồ	22,21	25,30	23,70	25,67	-6	-1
Mực ống tua ngắn	4,10	5,91	4,67	6,42	-12	-8
Bạch tuộc	6,86	9,94	7,04	10,51	-3	-5
Bạch tuộc sừng	3,75	6,38	3,94	6,40	-5	0
Mực nang	9,08	12,63	9,47	11,30	-4	12

3. Thuận lợi và khó khăn 2014

Nghị định 67/2014/NĐ-CP phát triển thủy sản, cải thiện nguồn nguyên liệu

Để triển khai Nghị định 67/2014, Bộ NN và PTNT, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ra nhiều văn bản hướng dẫn và nhiều chính sách ưu đãi nhằm phát triển thủy sản. Trong đó có các chính sách về xây dựng cơ sở hạ tầng cho khai thác hải sản gồm: các cảng cá, bến cá; chính sách tín dụng; chính sách vay vốn lưu động; chính sách bảo hiểm thân

tàu, bảo hiểm thuyền viên. Đặc biệt, Nghị định khuyến khích ngư dân đóng tàu công suất lớn vỏ thép/vật liệu mới, với thời gian vay 11 năm, lãi suất ưu đãi chỉ từ 1-3%/ năm. Bộ NN và PTNT đề nghị tăng lượng đánh bắt đối với 5 nghề: câu, vây, rê, dịch vụ hậu cần nghề cá và chụp mực. Do đó, trong năm 2015 dự báo kết quả của các chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thủy sản sẽ tác động rõ nét hơn, trong đó sản lượng nguyên liệu cho nhà máy chế biến sẽ tăng từ 10-25%.

- Đầu tháng 7/2015, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh đã chủ trì cuộc làm việc với các Bộ, ngành: NN và PTNT, Tài chính, KH&CN, KH&ĐT, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước và Văn phòng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67 để sát hơn với thực tiễn và nhu cầu sử dụng tàu cá công suất lớn, phục vụ hiệu quả đánh bắt xa bờ của bà con ngư dân. Phó Thủ tướng đề nghị các Bộ, ngành sớm hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi để trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngay trong tháng này. Theo đó, dự thảo bổ sung trường hợp ngư dân đóng mới tàu dịch vụ hậu cần nghề cá dùng vỏ vật liệu mới vào đối tượng được hưởng ưu đãi; bổ sung quy định hỗ trợ chi phí thiết kế mẫu tàu vỏ gỗ và vỏ vật liệu mới (có công suất từ 400 CV trở lên). Dự thảo cũng bổ sung quy định nâng thời hạn cho vay đối với trường hợp đóng mới tàu cá vỏ thép, vỏ vật liệu mới (có suất đầu tư lớn) từ 11 năm lên 16 năm (trong đó có 1 năm ân hạn lãi suất). Với tàu vỏ gỗ sẽ giữ nguyên thời hạn cho vay là 11 năm. Nếu chủ tàu muốn nâng cấp tàu cá, có thể sử dụng máy cũ, trong trường hợp đóng mới sẽ sử dụng máy mới. Bên cạnh đó, bổ sung đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm là các thành viên nghiệp đoàn nghề cá có tham gia khai thác hoặc làm dịch vụ hậu cần nghề cá.

Đàm phán FTA Việt Nam - Hàn Quốc

Tạo cơ hội hơn cho DN thủy sản Việt Nam: Năm 2015-2016, phía Hàn Quốc sẽ ưu đãi thuế cho mặt hàng bạch tuộc vào thị trường này còn 5%. Đây là lợi thế cho DN mực, bạch tuộc Việt Nam vào thị trường Hàn Quốc so với các đối thủ. Tuy nhiên, do khó khăn tại thị trường Nhật Bản nên một số nguồn cung lớn cũng đổ sang Hàn Quốc. Điều này cũng tăng áp lực hơn cho các DN trong năm tới.

Biến động tỷ giá EUR và Yên ảnh hưởng XK sang Nhật Bản và EU

- Quý I và quý II năm 2015, nhiều khách hàng EU và Nhật Bản đưa ra thỏa thuận về việc giảm giá mực, bạch tuộc do biến động tỷ giá: đồng EUR và Yên bị mất giá so với USD. Điều này khiến cho các nhà NK gặp khó khăn và buộc phải giảm NK. Tuy nhiên, trong quý III/2015, sự bảo hộ sản xuất trong nước của Chính phủ Nhật Bản và khối EU sẽ vẫn khiến XK sang 2 thị trường này tiếp tục sụt giảm.

Cạnh tranh tại Hàn Quốc sẽ gay gắt hơn:

- Các thị trường NK lớn tại EU là: Italy, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, Thụy Sĩ dự báo tăng NK trong thời gian tới do sức tiêu thụ trong nước đã bắt đầu tăng. Tuy nhiên, đây lại là mục tiêu chung của nhiều cung lớn như: Trung Quốc, Thái Lan, Morocco, Mauritania... Do đó, các DN XK Việt Nam sẽ phải cạnh tranh mạnh mẽ hơn, trước hết với các DN cùng khu vực.

- Hoạt động thương mại mực, bạch tuộc trong nửa đầu năm 2015 tại thị trường Nhật Bản dự báo chưa tăng do lượng hàng tồn kho của DN nước này vẫn còn khá lớn. Do đó, EU và Hàn Quốc, thậm chí cả Mỹ sẽ là mục tiêu lớn của nhiều nguồn cung lớn trên thế giới, nhất là DN XK Trung Quốc.

4. Dự báo:

Nhu cầu mực, bạch tuộc cũng như một số mặt hàng thủy sản khác có thể tăng so với nửa đầu năm nhưng khó có thể đạt được kết quả như năm 2014. Dự báo xuất khẩu mực, bạch tuộc quý III/2015 đạt **127 triệu USD, giảm 3%** so với cùng kỳ năm ngoái.

II. NHUYỄN THỂ HAI MẢNH VỎ

1. Tình hình XK

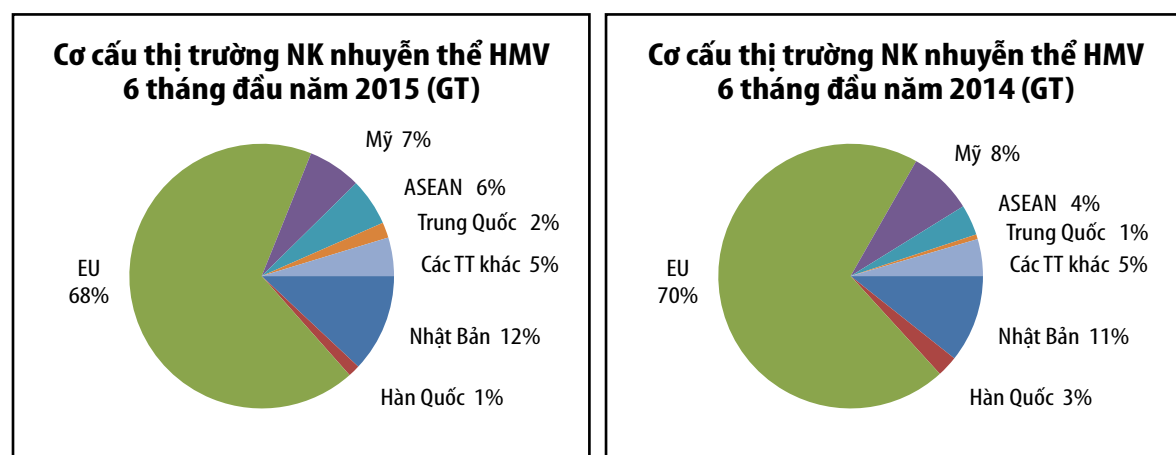
- Quý II/2015 XK nhuyễn thể 2 mảnh vỏ (NT2MV) đạt giá trị 23,2 triệu USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2014.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, tổng giá trị XK NT2MV đạt **40,21 triệu USD, tăng 4,6%** so với cùng kỳ năm 2014.

2. Thị trường

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, Việt Nam XK NT2MV sang 48 nước, giảm 4 nước so với cùng kỳ năm 2014.

- Trong quý II/2015, Top 9 thị trường chính gồm: EU, Nhật Bản, Mỹ, Asean, Trung Quốc, Hàn Quốc, Canada, Đài Loan, Australia, chiếm 91% tỷ trọng. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Top 9 thị trường chiếm 92% tổng giá trị XK NT2MV của Việt Nam.



XUẤT KHẨU NHUYỄN THỂ HAI MẢNH VỎ SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)								
Thị trường	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	% tăng/ giảm	T1-T6 2015	So với 2014 %
EU	11,640	5,946	4,921	4,699	15,566	-5,0	27,206	+1,1
Bồ Đào Nha	3,996	1,570	1,093	1,045	3,707	-43,1	7,703	-15,4
Italy	2,455	1,842	1,488	1,556	4,886	+37,9	7,341	+33,9
Tây Ban Nha	2,743	1,354	1,274	0,848	3,476	+2,1	6,220	-1,0
Nhật Bản	2,126	0,856	0,766	1,071	2,693	+20,0	4,819	+17,4
Mỹ	1,299	0,392	0,379	0,553	1,324	-17,4	2,623	-13,9
ASEAN	0,854	0,501	0,564	0,408	1,473	+53,3	2,327	+61,9
Malaysia	0,580	0,353	0,254	0,282	0,890	+35,9	1,470	+62,8
Trung Quốc	0,190	0,090	0,118	0,362	0,570	+739,6	0,760	+236,1
Hàn Quốc	0,275	0,030	0,137	0,143	0,310	-35,1	0,585	-40,5
Canada	0,134	0,086	0,070	0,081	0,237	+3,2	0,372	+29,3
Australia	0,081	0,075	0,054	0,072	0,201	-42,6	0,283	-55,9
Đài Loan	0,139	0,023	0,048	0,046	0,117	+116,0	0,256	+60,5
Các nước khác	0,272	0,319	0,220	0,170	0,710	+62,9	0,982	+51,6
Tổng	17,010	8,320	7,278	7,605	23,203	+1,7	40,213	+4,6

- Thị trường Mỹ

- Mỹ hiện là thị trường NK NT2MV lớn thứ 3 của Việt Nam. Trong quý II/2015, tổng giá trị XK NT2MV của Việt Nam sang Mỹ đạt 1,32 triệu USD, giảm 17,4% so với cùng kỳ năm 2014. 6 tháng tổng giá trị đạt **2,62 triệu USD, giảm 13,9%** so với cùng kỳ năm 2014.

- Theo số liệu của Cục Nghề cá Biển Hoa Kỳ (NMFS), 5 tháng đầu năm nay Mỹ NK 8.728 tấn nghêu, trị giá 23,98 triệu USD, tăng 4,4% về khối lượng nhưng lại giảm 2,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

- Trung Quốc là nước XK nghêu hàng đầu vào Mỹ trong 5 tháng đầu năm nay với khối lượng 5.939 tấn, trị giá 11,96 triệu USD, tăng 17% về khối lượng và tăng 12% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

- Việt Nam là nước XK nghêu nhiều thứ 3 vào thị trường Mỹ, sau Canada và Trung Quốc. Theo NMFS, trong 5 tháng đầu năm nay Mỹ NK 700 tấn nghêu từ Việt Nam đạt giá trị 1,81 triệu USD, giảm 15% về khối lượng và giảm 17% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

- Mỹ NK nghêu từ 18 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Panama là nước có giá trị XK nghêu thấp nhất vào thị trường Mỹ. Trong 5 tháng đầu năm nay, Panama XK 5,1 tấn nghêu sang Mỹ trị giá 6,3 triệu USD, trong khi cùng kỳ năm ngoái nước này không XK nghêu sang Mỹ.

- Giá NK nghêu của Mỹ cũng sụt giảm. Theo đó, giá trung bình NK nghêu của Mỹ trong 5 tháng đầu năm nay đạt 2,75 USD/kg, giảm so với mức giá 2,94 USD/kg của cùng kỳ năm ngoái.

- Mặc dù XK nghêu của Việt Nam sang Mỹ giảm cả về khối lượng lẫn giá trị nhưng giá trung bình XK nghêu của Việt Nam sang thị trường Mỹ lại có xu hướng tăng. Theo đó, giá

trung bình XK ngẫu nhiên của Việt Nam sang Mỹ trong 5 tháng đầu năm nay đạt 2,59 USD/kg, tăng so với mức giá 2,63 USD/kg của cùng kỳ năm 2014.

NGHÊU VÀO MỸ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2014 - 2015						
Nước	2014 KL (kg)	2014 GT (USD)	2015 KL (kg)	2015 GT (USD)	So sánh % (KL)	So sánh % (GT)
Canada	837.205	5.963.931	656.520	5.208.290	-21,58	-12,67
Chile	290.299	1.217.426	347.048	1.350.913	19,55	10,96
Trung Quốc	5.076.007	10.635.978	5.939.359	11.964.105	17,01	12,49
Hong kong	0	0	375	8.063		
Đài Loan	91.504	256.182	54.296	152.022	-40,66	-40,66
Indonesia	319.372	1.036.235	317.026	1.072.373	-0,73	3,49
Italy	1.693	13.742	988	7.830	-41,64	-43,02
Nhật Bản	4.761	48.661	6.184	62.531	29,89	28,50
Mexico	168.634	717.538	105.095	329.833	-37,68	-54,03
Hà Lan	85.953	228.556	124.477	307.417	44,82	34,50
New zealand	162.163	736.860	146.955	470.649	-9,38	-36,13
Panama	0	0	5.156	6.355		
Peru	32.541	99.466	4.837	32.509	-85,14	-67,32
Philippines	16.733	84.429	0	0	-100,00	-100,00
Hàn Quốc	1.100	6.098	1.114	15.329	1,27	151,38
Tây Ban Nha	1.864	21.480	1.063	12.309	-42,97	-42,70
Thái Lan	434.173	1.301.113	317.495	1.166.860	-26,87	-10,32
Việt Nam	829.588	2.184.917	700.864	1.813.094	-15,52	-17,02
Tổng cộng	8.359.807	24.572.689	8.728.852	23.980.482	4,41	-2,41

3. Thuận lợi, khó khăn và dự báo:

- Đầu năm nay, nguồn nguyên liệu NT2MV, đặc biệt là ngẫu nhiên/ngao ổn định do các địa phương khống chế được dịch bệnh. Sản lượng khai thác ngẫu nhiên đạt khá. Đây là một nguyên nhân chứng tỏ sức tiêu thụ trong nước và thế giới đang đà hồi phục. Tuy nhiên, trong quý II vừa qua, một số địa phương có một vài diện tích nuôi ngẫu nhiên bị thiệt hại sẽ làm ảnh hưởng tới sản lượng ngẫu nhiên thu hoạch trong thời gian tới.

- Nhu cầu các thị trường NK sẽ tiếp tục lớn như: Canada, Hàn Quốc, EU dự báo sẽ tăng NK từ 1,5-5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là cơ hội tốt cho các DN muốn phát triển lại thị trường. Với mặt hàng ngẫu nhiên đông lạnh, trong quý tới các DN cần đẩy mạnh sang thị trường Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Nhật Bản. Ngoài ra, một số thị trường lớn tại EU như: Italy, Tây Ban Nha cũng đang tăng dần sản phẩm NT2MV chế biến.

- Nhu cầu có tăng nhưng giá XK dự báo sẽ không tăng nhiều hoặc chững. Đây là một khó khăn cho các DN XK NT2MV Việt Nam. Do đó, các DN cần tăng tỷ trọng sản phẩm GTGT, chế biến để tăng giá XK.

- Với đà tăng trưởng khiêm tốn nửa đầu năm 2015, dự báo, quý III/2015, XK NT2MV đạt 24 triệu USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái.

III. CUA GHỆ

1. Tình hình XK

Quý II/2015, XK cua ghẹ của Việt Nam đạt trên 25,9 triệu USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2014. 6 tháng đầu năm, XK cua ghẹ đạt **47,9 triệu USD, tăng 9%** so với cùng kỳ.

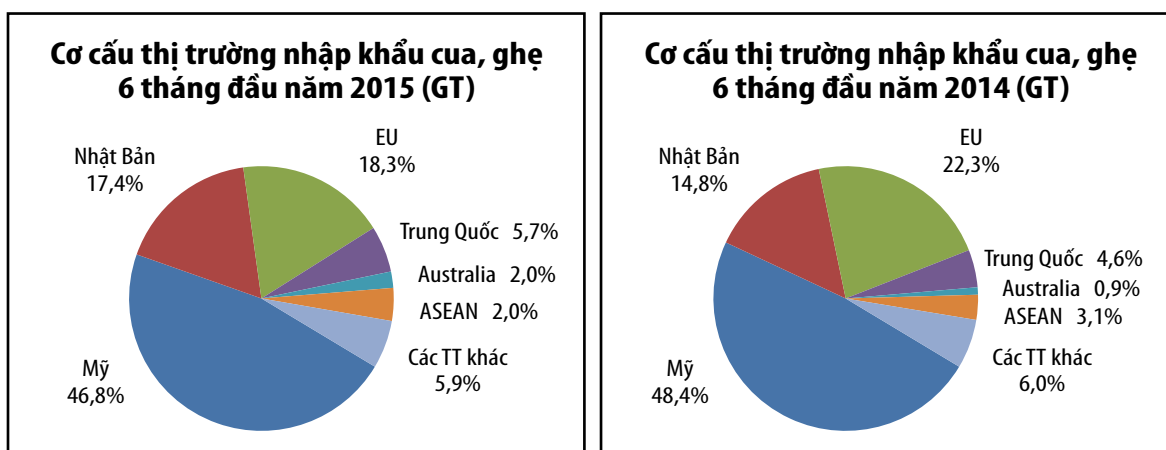
2. Thị trường

- Nửa đầu 2015, Việt Nam XK sang 34 thị trường, tăng thêm 6 thị trường so với cùng kỳ năm 2014. XK sang Australia, Đài Loan, Trung Quốc, Nhật Bản tăng mạnh. XK sang Austrlia tăng đến 141%.

- Top 10 thị trường chính chiếm 96% tỷ trọng. Top 10 thị trường chính gồm: Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc và Hồng Kông, ASEAN, Singapore, Malaysia, Australia, Đài Loan và Canada.

- Ngoại trừ EU và Canada, XK sang các thị trường khác đều tăng.

XUẤT KHẨU CUA, GHỆ SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)								
Thị trường	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	% tăng/ giảm	T1-T6 2015	So với 2014 %
Mỹ	9,849	2,737	3,124	6,703	12,564	+1,6	22,413	+5,6
EU	5,051	0,856	1,660	1,178	3,694	-23,5	8,745	-10,7
Pháp	2,223	0,054	0,686	0,449	1,190	-49,1	3,412	-20,6
Anh	1,322	0,313	0,381	0,112	0,807	-42,8	2,129	-25,3
Hà Lan	0,433	0,327	0,543	0,598	1,468	+102,3	1,901	+11,6
Bỉ	0,637	0,016	0,017	0,019	0,052	-83,2	0,689	+23,5
Nhật Bản	3,392	1,606	1,782	1,549	4,937	+26,5	8,329	+28,7
Trung Quốc	0,859	0,489	0,727	0,642	1,858	+107,9	2,718	+34,9
Hồng Kông	0,540	0,238	0,495	0,438	1,172	+519,5	1,712	+269,7
ASEAN	0,890	0,247	0,537	0,252	1,036	+37,1	1,925	+43,8
Singapore	0,427	0,186	0,180	0,130	0,496	+86,3	0,922	+80,0
Malaysia	0,221	0,047	0,000	0,011	0,058	-50,1	0,279	+21,2
Australia	0,572	0,086	0,231	0,061	0,378	+73,4	0,949	+140,9
Đài Loan	0,284	0,215	0,053	0,190	0,458	+480,5	0,742	+34,4
Canada	0,004	0,056	0,020	0,021	0,096	-60,6	0,100	-90,4
Các nước khác	1,070	0,194	0,056	0,653	0,903	+76,8	1,973	+88,1
Tổng	21,972	6,485	8,191	11,247	25,924	+9,0	47,896	+9,2



2.1. Mỹ

-Mỹ là thị trường NK lớn nhất của ghẹ của Việt Nam, chiếm gần 47% tổng giá trị XK. Trong 6 tháng đầu năm nay, XK của ghẹ của Việt Nam sang Mỹ đạt **22,413 triệu USD, tăng 5,6%** so với cùng kỳ năm ngoái.

-Theo thống kê của ITC, trong 5 tháng đầu năm nay, Mỹ NK của ghẹ từ 33 nước trên thế giới, đạt 34.303 tấn với giá trị gần 556 triệu USD, giảm 7% về khối lượng và 2% về giá trị. NK của ghẹ từ các nước ASEAN đạt 209,8 triệu USD, chiếm 37,7% tổng giá trị NK mặt hàng này của Mỹ. NK của ghẹ của Mỹ từ các nước ASEAN đã tăng đến 31,4% so với cùng kỳ năm 2014.

-XK các sản phẩm cua ghẹ của các nước ASEAN (trừ Myanmar) sang đây đều tăng trưởng ở mức 2 con số. Hiện nay, XK của ghẹ của Thái Lan sang Mỹ tăng 60%, do có giá rẻ 17.800 USD/tấn. Trong khi đó, giá trung bình của Việt Nam Indonesia và Philippines đều trên 20.000 USD/tấn. Tuy nhiên, Thái Lan đang gặp vấn đề về IUU và lao động cưỡng bức, thậm chí đối mặt với lệnh cấm NK của Mỹ. Đây là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh XK sang Mỹ.

-Việt Nam hiện đứng thứ 6 về cung cấp cua ghẹ cho Mỹ. Xét trong khối ASEAN, trong 5 tháng đầu năm, Việt Nam là nước XK của ghẹ nhiều thứ 3 sang thị trường này, sau Indonesia và Philippines.

-Cua ghẹ Việt Nam chiếm khoảng 4,3% trong tổng NK của ghẹ của Mỹ và chiếm khoảng 11,5% tổng XK của ghẹ từ ASEAN sang Mỹ.

-Cua thường đứng thứ 7 trong top 10 mặt hàng thủy sản được tiêu thụ tại Mỹ. Nền kinh tế Mỹ đang hồi phục, số việc làm tăng lên, do đó, nhu cầu tiêu thụ thủy sản sẽ tăng.

2.2. EU

-EU là thị trường NK của ghẹ lớn thứ 2 của Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm nay, XK sang thị trường này đạt **8,745 triệu USD, giảm 10,7%** so với cùng kỳ.

-Theo thống kê của ITC, trong quý 1/2015, EU NK của ghẹ từ 63 nước, với giá trị đạt 63,663 triệu USD, giảm 16,7% so với cùng kỳ. Việt Nam tiếp tục là nguồn cung lớn thứ 2, sau Anh.

-Hiện nay, đồng EUR mất giá so với USD là một yếu tố cản trở NK. Trong khi đó, do Hy Lạp trở thành quốc gia đầu tiên tuyên bố vỡ nợ với IMF, sức mua và nhu cầu hàng hóa từ thị trường này sẽ giảm.

2.3. Nhật Bản

- Nhật Bản, thị trường NK của ghẹ lớn thứ 3 của Việt Nam. Trong 6 tháng đầu năm, XK của ghẹ của Việt Nam sang thị trường này đạt 8,329 triệu USD, tăng 28,7%.

- Theo thống kê của ITC, trong 5 tháng đầu năm, Nhật Bản NK của ghẹ từ 23 nước, đạt 12.912 tấn với giá trị hơn 172 triệu USD, giảm 23% về khối lượng và giảm 29% về giá trị.

- Xét theo các nước thuộc khối ASEAN, Việt Nam và Indonesia đều nằm trong top 7 nguồn cung cấp của ghẹ lớn nhất của Nhật Bản. Giá trị NK từ Indonesia gấp đôi của Việt Nam, một phần là do giá của Indonesia cao hơn của Việt Nam.

- Tiêu thụ thủy sản tại Nhật Bản đang chậm lại, trong khi đó, đồng yên mất giá so với đồng USD. Đây là lý do chính dẫn đến NK thủy sản của thị trường này giảm.

2.4. Australia

- Đầu năm 2015 ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ của XK của ghẹ sang Australia. Theo thống kê của Hải quan, trong 6 tháng đầu năm, XK của ghẹ từ Việt Nam sang Australia đạt 949 nghìn USD, tăng gần 141% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Trong 5 tháng đầu năm, Australia NK 852 tấn của ghẹ từ 16 nước, đạt giá trị 10,283 triệu USD. Trong đó, NK của các nước ASEAN chiếm 76,8% tổng giá trị và 78,8% tổng khối lượng của ghẹ NK của Australia. Australia chủ yếu NK của ghẹ đông lạnh và chế biến.

- Việt Nam là nước XK của ghẹ sang Australia nhiều thứ 4, sau Myanmar, Thái Lan và Indonesia. Giá của ghẹ trung bình Việt Nam XK sang Australia thấp hơn hẳn so với các nước đối thủ. Giá trung bình trong 4 tháng đầu năm của Myanmar, Thái Lan, Indonesia đều trên 11.000 USD/tấn trong khi của ghẹ Việt Nam chỉ có giá 8.500 USD/tấn.

- Sau một thời gian giảm, hiện nay, thị phần của Việt Nam tại thị trường này đã tăng trở lại.

3. Thuận lợi – khó khăn

Khai thác của ghẹ tại các nước vẫn đạt mức cao, tuy nhiên, chủ yếu là của ghẹ loại nhỏ. Tiêu thụ thủy sản tại các thị trường đang diễn biến tốt, thuận lợi cho XK của ghẹ.

Khó khăn chủ yếu đến từ thị trường EU và Nhật Bản, do ảnh hưởng từ việc mất giá của đồng EUR và JPY so với đồng USD. Ngoài ra, khủng hoảng nợ công của Hy Lạp cũng mang lại rủi ro thanh toán.

4. Dự báo

Xuất khẩu cua ghe thường tăng rất mạnh trong nửa cuối năm. Dự báo quý III, XK cua ghe sẽ đạt khoảng 44 triệu USD và cả năm sẽ đạt **137,4 triệu USD, tăng 4%** so với cùng kỳ năm 2014.

IV. CHẢ CÁ VÀ SURIMI

1 Tình hình XK

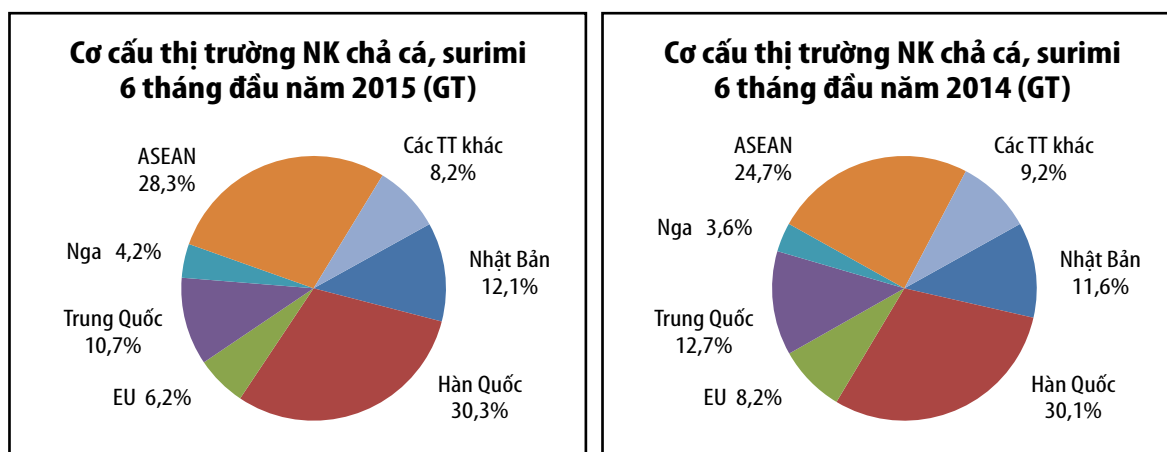
Quý II/2015, XK chả cá- surimi của Việt Nam đạt 80,643 triệu USD, tăng 33,4% so với cùng kỳ năm 2014. 6 tháng đầu năm, XK chả cá- surimi đạt **139 triệu USD, tăng 12%** so với cùng kỳ.

2. Thị trường

- Nửa đầu 2015, Việt Nam XK surimi sang 33 thị trường, giảm 2 thị trường so với cùng kỳ năm 2014.

- Top 8 thị trường chính chiếm đến 99% tỷ trọng. Top các thị trường chính bao gồm: Hàn Quốc, ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc - Hồng Kông, EU, Nga, Đài Loan và Mỹ.

XUẤT KHẨU SURIMI SANG CÁC THỊ TRƯỜNG (triệu USD)								
Thị trường	QI/2015	T4/2015	T5/2015	T6/2015	QII/2015	% tăng/ giảm	T1-T6 2015	So với 2014 %
Hàn Quốc	18,107	9,041	9,406	6,826	25,273	+40,7	43,380	13,2
ASEAN	16,676	7,735	8,961	7,077	23,772	+42,3	40,448	28,6
Thái Lan	11,982	6,351	7,117	5,237	18,705	+69,3	30,687	46,4
Singapore	2,903	0,954	1,264	1,339	3,557	+1,4	6,460	-2,2
Malaysia	1,700	0,401	0,537	0,480	1,418	-33,9	3,118	-18,7
Nhật Bản	6,586	3,655	3,696	3,359	10,709	+57,4	17,295	16,8
Trung Quốc	5,291	4,035	3,601	2,413	10,050	+63,1	15,341	-5,1
Hồng Kông	0,243	0,141	0,108	0,047	0,295	-22,2	0,538	-24,3
EU	3,306	1,897	1,982	1,665	5,544	-0,5	8,850	-15,6
Pháp	1,485	1,619	1,507	1,466	4,592	+72,7	6,077	21,9
Lithuania	0,917	0,000	0,174	0,058	0,232	-79,2	1,149	-46,6
Italy	0,374	0,063	0,000	0,086	0,149	-54,4	0,523	-4,9
Nga	4,462	0,189	0,969	0,326	1,484	-41,5	5,946	30,9
Đài Loan	2,639	0,755	0,988	0,982	2,725	-3,7	5,365	7,7
Mỹ	0,349	0,139	0,043	0,102	0,284	-35,5	0,633	15,9
Các nước khác	0,930	0,157	0,256	0,388	0,802	-44,5	1,731	-27,5
Tổng	58,347	27,602	29,902	23,139	80,643	+33,4	138,989	12,4

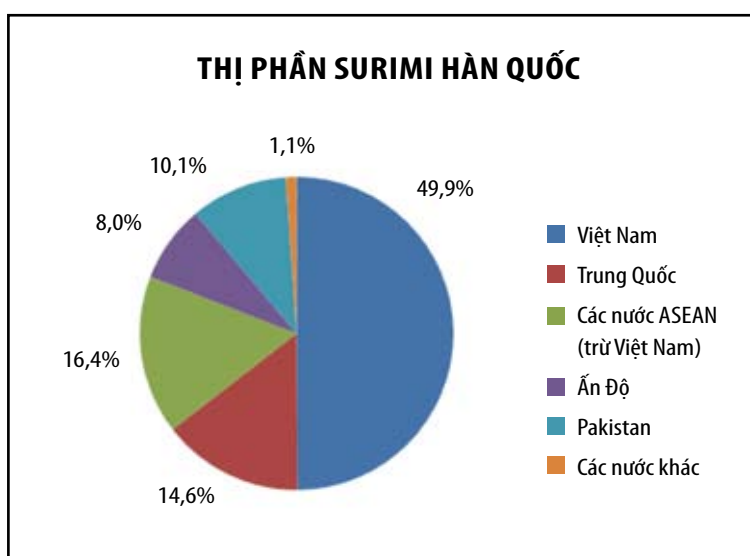


2.1. Hàn Quốc

- Luôn chiếm tỷ trọng trên 30% tổng kim ngạch XK surimi Việt Nam, Hàn Quốc là thị trường lớn nhất và vẫn đầy tiềm năng cho mặt hàng này.

- XK surimi Việt Nam sang Hàn Quốc trong 6 tháng đầu năm đạt **43,380 triệu USD, tăng 13,2%** so với cùng kỳ năm 2014. Hàn Quốc chiếm 30,3% trong tổng XK surimi của Việt Nam.

- Theo số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 5 tháng đầu năm, Hàn Quốc NK chả cá và surimi từ 11 nước (trong đó có 5 nước thuộc ASEAN) với giá trị đạt 63,1 triệu USD, tăng 10,2%. Hiện tại các sản phẩm chả cá và surimi của Việt Nam đang cạnh tranh tốt tại thị trường này. Sản phẩm surimi của Việt Nam XK sang Hàn Quốc là surimi nhiệt đới ("Itoyori") cạnh tranh hơn do được làm từ cá nguyên liệu có giá thấp hơn.



- Tiêu thụ thủy sản nói chung của Hàn Quốc ở mức cao. Theo số liệu của USDA, mỗi người dân Hàn Quốc trung bình tiêu thụ 54,9 kg thủy sản/năm vào năm 2012, tăng 1,4 kg so với chỉ 1 năm trước đó. Do vậy, thị trường này mang lại nhiều cơ hội đẩy mạnh XK thủy sản nói chung và surimi nói riêng.

- Việc Việt Nam và Hàn Quốc chính thức ký Hiệp định thương mại tự do FTA cũng sẽ là một yếu tố đẩy mạnh XK surimi của Việt Nam sang thị trường này trong thời gian tới.

2.2. ASEAN

- ASEAN là thị trường lớn thứ 2, chiếm 28,3% trong tổng XK chả cá- surimi của Việt Nam. XK từ Việt Nam sang các nước khối ASEAN đạt **40,448 triệu USD, tăng 28,6%** so với cùng kỳ.

- Theo thống kê của ITC, trong 5 tháng đầu năm, ASEAN NK chả cá- surimi từ 25 nước, đạt giá trị 54,2 triệu USD. Trong đó, NK từ các nước nội khối chiếm 77,6%. Việt Nam là nguồn cung cấp chả cá- surimi hàng đầu sang thị trường này.

- Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) sẽ được thành lập vào cuối năm nay sẽ mở ra nhiều cơ hội XK. Với vị trí địa lý thuận lợi, Việt Nam hoàn toàn có thể đẩy mạnh hơn nữa XK surimi sang thị trường này.

2.3. Nhật Bản

- Chiếm 12,4% tổng kim ngạch XK surimi của Việt Nam, Nhật Bản là thị trường XK surimi lớn thứ 3, sau Hàn Quốc và ASEAN. Kim ngạch XK surimi sang Nhật Bản đạt 17,295 triệu USD trong 6 tháng đầu năm, tăng 16,8% so với cùng kỳ.

- Theo số liệu của ITC, trong 5 tháng đầu năm nay, Nhật Bản NK surimi từ 43 nước, với giá trị đạt 230 triệu USD, giảm nhẹ 4% so với cùng kỳ. Thị phần surimi của Việt Nam mới chỉ chiếm 7% nhưng Việt Nam là nước XK nhiều thứ 5, sau Ấn Độ, Thái Lan, Na Uy và Trung Quốc.

- Nhật Bản vẫn là thị trường tiêu thụ surimi lớn nhất. Surimi NK của Nhật Bản gồm 2 loại. Surimi từ cá minh thái pollock có giá cao hơn hẳn so với surimi nhiệt đới. Các DN sản xuất surimi cá minh thái Alaska đòi tăng giá cho sản phẩm vụ B. Đây là vụ thứ 3 liên tiếp giá surimi tăng tại thị trường Nhật Bản. Tỷ giá đồng yên so với USD đang biến động, do đó, giá surimi cá pollock sẽ còn tăng cao. Trong khi đó, tồn kho surimi tại Nhật đang ở mức thấp kỷ lục là 54.717 tấn- thấp nhất trong hơn 20 năm qua. Người Nhật vẫn có thể chuyển sang sử dụng thực phẩm rẻ hơn nên nhu cầu surimi nhiệt đới có thể sẽ tăng lên.

- Thói quen ăn uống của người Nhật đang thay đổi: cụ thể là giới trẻ đang xa dần với các món truyền thống từ cá nên việc tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng, nhấn mạnh đến yếu tố ngon- dễ chế biến là điều cần thiết. Vì vậy, cạnh tranh về giá sẽ không lâu dài và bền vững bằng việc đưa ra các sản phẩm giá trị gia tăng mới và tăng cường quảng bá, tiếp thị.

- Ngoài ra, Thái Lan vẫn đang gặp vấn đề về IUU nên đây cũng là cơ hội để Việt Nam thúc đẩy XK sang thị trường khó tính này.

3 Thuận lợi – Khó khăn

- Nhờ thời tiết thuận lợi, khai thác thủy sản tại Việt Nam tăng. Năm nay, khai thác cá minh thái có nhiều cá cỡ nhỏ, Phía Nhật Bản dự báo tổng sản lượng surimi cá minh thái Alaska trong vụ này đạt trên 110.000 tấn. Tiêu thụ tại Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN đang diễn biến tốt, thuận lợi cho XK của Việt Nam.

- Thiếu nguyên liệu đầu vào sẽ là vấn đề khó khăn cho XK surimi Việt Nam.

4. Dự báo

Xuất khẩu chả cá surimi dự báo sẽ tiếp tục tăng, tuy tốc độ tăng không bằng các quý trước. Quý III, XK surimi sẽ đạt khoảng 92,72 triệu USD và cả năm sẽ đạt **352,2 triệu USD, tăng 20%** so với cùng kỳ năm 2014.



BÁO CÁO XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM QUÝ II/2015

www.vasep.com.vn

PHỤ TRÁCH PHÁT HÀNH:

Nguyễn Thu Trang - Mobile: 0906 151556

Tel: +84-4 38354496 Ext 212 - Email: nguyentrang@vasep.com.vn



www.vietfish.com.vn
www.vasep.com.vn

VIETFISH

LỊCH TRÌNH HỘI THẢO TRONG KHUÔN KHỔ HỘI CHỢ VIETFISH 2015

Thời gian: 24,25,26/8/2015

Địa điểm: Trung tâm Hội chợ & Triển lãm Sài Gòn (SECC), 799 Nguyễn Văn Linh, Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Đơn vị đồng tổ chức: VASEP - BỘ NN & PTNT - BỘ CÔNG THƯƠNG

Tổ chức và phối hợp thực hiện: Vụ Hợp tác Quốc tế, Tổng Cục Thủy sản (D-FISH), Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (NAFIQAD), Cục Chế biến Nông Lâm Thủy sản & Nghề muối, Cục Thú y - Bộ NN&PTNT; Sở NN&PTNT; Vụ Thị trường trong nước, Vụ Chính sách Thương mại Đa biên, Vụ Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương, Cục Xuất Nhập khẩu - Bộ Công Thương; Dự án SUPA; Tổ chức CBI (Hà Lan); Kushiro - Nhật Bản

Cùng sự tham gia của: Havuco; Vinh Hoan Corp.; Hung Vuong Corp.; Hai Nam; Agifish; SG Food; HDE; TG Corp.; Marubeni; Uhrenholt Seafoods; Amanda Seafood; STI Portal; Hiệp hội các Nhà bán lẻ; Coopmart; Hiệp hội Thiết kế VN; AIT VN; Dupont; Deloitte; TUV; Uni-President; Siam Canadian VietNam, Sotico

Chủ trì/ Tổ chức	Thời gian Địa điểm Ngôn ngữ	Nội dung	Trình bày/ Diễn giả	Thành phần tham dự
---------------------	-----------------------------------	----------	------------------------	-----------------------

Hội thảo 1: TÔM OUTLOOK

VASEP D-FISH	13h30-17h00 24/8/2015 Hội trường A Tiếng Việt Tiếng Anh (Tài liệu bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh)	1. Thương mại Tôm toàn cầu – thị phần nghiêng về chất lượng & giá thành tốt 2. Nhu cầu tôm thế giới & khả năng cạnh tranh của tôm VN 3. Xu hướng tiêu thụ và khả năng cung cấp, cạnh tranh của tôm VN tại các thị trường: Nhật bản - EU - Mỹ 4. Tiềm năng phát triển và cung ứng nguyên liệu tôm chất lượng cao: Các giải pháp thúc đẩy SX tôm có giá thành cạnh tranh 5. Kiểm soát kháng sinh trong chế biến, XK tôm đáp ứng yêu cầu thị trường 6. Quản lý chất lượng thuốc thú y thủy sản và phòng chống dịch bệnh trên tôm nuôi 7. Thảo luận	1. VASEP 2. Mr.Willem van der Pijl - STI Portal 3. Đại diện: Marubeni; Uhrenholt Seafoods; Amanda Seafood 4. D-FISH 5. Cục NAFIQAD 6. Cục Thú y	- Các CQTQ TW; Các Sở NNPTNT có quản lý Tôm. - DN CB -XK Tôm; Đơn vị trong chuỗi cung ứng Tôm (trại giống, trại nuôi, nhà máy thức ăn) - Đại diện TM các nước - Nhà NK/Bán lẻ - Đơn vị/khách hàng tham dự hội chợ - NGOs, Các cơ quan truyền thông
-----------------------------------	--	---	---	--

Chủ trì/ Tổ chức	Thời gian Địa điểm Ngôn ngữ	Nội dung	Trình bày/ Diễn giả	Thành phần tham dự
---------------------	-----------------------------------	----------	------------------------	-----------------------

Hội thảo 2:
CHẤT LƯỢNG & THỊ PHẦN CÁ TRA TẠI EU

VASEP SUPA CBI	13h30-17h00 24/8/2015 Hội trường B Tiếng Việt Tiếng Anh (Tài liệu bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh)	1. Thị phần xuất khẩu cá Tra 2014-2015 dưới tác động của nhiều yếu tố 2. Hướng tới sản phẩm cá tra chất lượng cao hơn: Sự thực thi của Nghị định 36 3. Hướng tới chuỗi cung cấp cá tra bền vững: Cơ hội, thách thức và giải pháp 4. Xu hướng tiêu thụ cá tra ở Châu Âu: cơ hội – thách thức & giải pháp 5. Các cơ hội & thách thức đối với cá tra khi VN gia nhập các FTA thế hệ mới (EFTA; EVFTA) 6. Tham luận: Các khó khăn & thách thức trong SX-XK cá Tra vào EU – Đề xuất/kiến nghị các giải pháp 7. Thảo luận	1. VASEP 2. D-FISH 3. SUPA 4. CBI/ SeaConnections 5. Cục XNK 6. Đại diện Công ty CP Hùng Vương	- CQTQ TW & địa phương - DN CB - XK cá tra; Đơn vị trong chuỗi cung ứng cá tra (trại giống, trại nuôi, nhà máy thức ăn) - Đại Diện TM các nước - Nhà NK/Bán lẻ - Đơn vị/khách hàng tham dự hội chợ - NGOs, các cơ quan truyền thông
------------------------------	---	---	---	--

Hội thảo 3:
KÊNH BÁN LẺ NỘI ĐỊA VÀ NHU CẦU HÀNG THỦY SẢN VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

VASEP Cục CB NLTS & NM Vụ Thị trường trong nước	13h00-17h00 24/8/2015 Phòng họp 3 Tiếng Việt (Tài liệu bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh)	1. Sản xuất & cung cấp thủy sản cho TT nội địa: thuận lợi, khó khăn & kiến nghị 2. Chương trình hỗ trợ của Chính phủ để đẩy mạnh KD nội địa 3. Giải pháp thúc đẩy chế biến và tiêu thụ thủy sản tại thị trường nội địa 4. Nhu cầu & xu hướng tiêu thụ thủy sản qua kênh bán lẻ: cơ hội & thách thức 5. Chương trình hợp tác giữa DN với siêu thị 6. Quản lý rủi ro cho các DN trong ngành thủy sản 7. Thảo luận	1. CLB DN Hàng Nội địa VASEP 2. Vụ TT Trong nước 3. Cục CB NLTS & NM 4. Hiệp hội các nhà bán lẻ VN 5. Coopmart 6. Deloitte	- CQTQ TW & địa phương; Sở Công Thương các tỉnh - CLB Hàng Nội địa và Doanh nghiệp thủy sản - Siêu thị, dịch vụ logistic (vận chuyển, thiết bị), Nhà bán lẻ - NGOs, các cơ quan truyền thông
---	---	---	---	---

HỘI THẢO 4:
KỸ THUẬT BẢO QUẢN DUY TRÌ ĐỘ TƯƠI
NHẪM NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG HÀNG THỦY SẢN

KUSHIRO Sở NN & PTNT Đà Nẵng VASEP	13h30-17h00 24/8/2015 Phòng họp 2 Tiếng Việt - Tiếng Nhật	1. Kỹ thuật nâng cao giá trị sản phẩm bằng cách cải tiến kỹ thuật quản lý vệ sinh và chất lượng sản phẩm 2. Áp dụng kỹ thuật quản lý vệ sinh và chất lượng của Nhật bản vào khai thác, đánh bắt và phân xưởng CB 3. Nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua Thiết bị diệt khuẩn bằng phương pháp điện giải nước biển 4. Thiết bị sản xuất đá Nitơ 5. Bảo quản thủy sản hiệu quả-Hệ thống sản xuất đá lựa liên hoàn 6. Kỹ thuật nâng cao giá trị sản phẩm cá ngừ đại dương	Các chuyên gia đến từ TP. Kushiro, Nhật Bản ST Technos Co., Ltd; Showa Reitou Plant Co., Ltd; Nikko Co., Ltd	- CQTQ TW & địa phương - DN CB XK Thủy Hải sản - Đơn vị/khách hàng tham dự hội chợ - NGOs, các cơ quan truyền thông
---	---	---	---	--

Chủ trì/ Tổ chức	Thời gian Địa điểm Ngôn ngữ	Nội dung	Trình bày/ Diễn giả	Thành phần tham dự
---------------------	-----------------------------------	----------	------------------------	-----------------------

Hội thảo 5: ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT – XUẤT KHẨU SẢN PHẨM NHUYỄN THỂ HAI MẢNH VỎ

D - FISH VASEP	9h30-12h00 25/8/2015 Hội trường B Tiếng Việt <i>(Tài liệu bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	1. Nhu cầu thị trường mặt hàng NT2MV và triển vọng cho Việt Nam 2. Tiềm năng sản xuất, cung ứng nhuyễn thể hai mảnh vỏ của Việt Nam 3. Tham luận từ địa phương: “sản xuất NT2MV: thuận lợi-khó khăn & kiến nghị 4. Kiểm soát sản xuất, xuất khẩu sản phẩm NT2MV đáp ứng qui định thị trường 5. Tham luận của DN: “Phát triển sản phẩm sò điệp: Các hướng đi và kiến nghị giải pháp” 6. Tham luận từ DN: SX - XK Nghêu, cơ hội và thách thức	1. VASEP 2. D-FISH 3. Sở NNPTNT Bến Tre 4. NAFIQAD 5. Bà Nguyễn Thị Thu Sắc - TGD Cty Hải Nam 6. Bà Nguyễn Thị Ánh GD Cty Sotico	- CQTQ TW & địa phương; Đơn vị nuôi/CB/XK nhuyễn thể hai mảnh vỏ - Nhà NK/Bán lẻ; Đơn vị/khách hàng tham dự hội chợ - NGOs, các cơ quan truyền thông
-------------------------------------	---	--	---	---

Hội thảo 6: CẢI THIỆN BAO BÌ VÀ ĐÓNG GÓI SẢN PHẨM THỦY SẢN THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

VASEP NAFIQAD	9h30-12h00 25/8/2015 Phòng họp 2 Tiếng Việt <i>(Tài liệu bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	1. Xu hướng đóng gói/sản xuất bao bì bền vững/ thân thiện môi trường 2. Các quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu chính về ghi nhãn thủy sản xuất khẩu 3. Thiết kế và cải tiến bao gói sản phẩm thủy sản tại Việt Nam 4. Nguyên vật liệu SX bao bì & công nghệ bao gói 5. Thảo luận	1. AIT VN 2. NAFIQAD 3. HH thiết kế VN 4. Đại diện Dupont	- CQTQ TW & địa phương - DN CB, XK thủy sản - Đơn vị/khách hàng tham dự hội chợ - NGOs, các cơ quan truyền thông
------------------------------------	--	---	--	---

Hội thảo 7: CÁ NGỪ VIỆT NAM - CHẤT LƯỢNG VÀ CAM KẾT

D-FISH VASEP	9h30-12h00 25/8/2015 Phòng họp 3 Tiếng Việt / Tiếng Nhật phiên dịch sang tiếng Việt <i>(Tài liệu bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	1. Thúc đẩy thương mại XK cá ngừ VN: cơ hội, thách thức và kiến nghị 2. Nhu cầu thị trường cá Ngừ và triển vọng phát triển cá ngừ Việt Nam 3. Các chính sách và chương trình thúc đẩy khai thác & tiêu thụ cá ngừ 4. Công tác quản lý IUU: Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị 5. Giải pháp công nghệ bảo quản để nâng cao chất lượng cá ngừ khai thác. 6. Đề xuất các dự án đầu tư hướng đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành cá ngừ Việt Nam	1. Đại diện CLB DN cá ngừ VASEP 2. Chuyên gia TM Cá Ngừ 3. D-FISH 4. Sở NN&PTNT Khánh Hòa 5. Đại diện Tp.Kushiro -Nhật Bản 6. Cục CB NLTS & NM	- CQTQ TW & địa phương; HH cá Ngừ VN - Các DNXNK Cá ngừ - Đơn vị/khách hàng tham dự hội chợ - Nhà NK/Bán lẻ - NGOs, các cơ quan truyền thông
-----------------------------------	---	---	---	--

Hội thảo 8: NHU CẦU THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CÁ RÔ PHI VIỆT NAM

D-FISH VASEP	13h30-17h00 25/8/2015 Hội trường B Tiếng Việt <i>(Tài liệu bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	1. Thị trường cá rô phi thế giới và khả năng cạnh tranh của Việt Nam 2. Tham luận: “Cá rô-phi: sản phẩm thủy sản XK chủ lực của VN từ 2017?” 3. Quy hoạch và các chính sách, chương trình cho phát triển cá rô-phi chất lượng cao 4. Quảng bá và XTTM sản phẩm cá rô-phi chất lượng cao của Việt Nam 5. Khả năng phát triển giống cá rô phi chất lượng cao. Thuận lợi - khó khăn - kiến nghị 6. Thức ăn cho cá rô phi: Khả năng cạnh tranh và phát triển	1. VASEP 2. Siam Canadian VN 3. D-FISH 4. Cục CB NLTS&NM 5. CSSX giống cá rô phi đơn tính 6. Uni-President	- CQTQ TW & ĐP; Sở NNPTNT các tỉnh - Đơn vị nuôi/CB/XK cá rô phi; - Đơn vị/khách hàng tham dự hội chợ, Nhà NK/Bán lẻ - NGOs, các cơ quan truyền thông
-----------------------------------	--	---	---	--

Chủ trì/ Tổ chức	Thời gian Địa điểm Ngôn ngữ	Nội dung	Trình bày/ Diễn giả	Thành phần tham dự
---------------------	-----------------------------------	----------	------------------------	-----------------------

Hội thảo 9: CƠ HỘI CHO NGÀNH THỦY SẢN KHI GIA NHẬP FTAs

VASEP Cục XNK (Bộ Công Thương) Vụ hợp tác Quốc tế (Bộ NN & PTNN)	13h00-17h00 25/8/2015 Phòng họp 3 Tiếng Việt	- Hệ thống kiểm soát ATTP thủy sản VN, quá trình hội nhập quốc tế - Thủy sản VN tại các FTA đã & sắp ký - Các cơ hội & thách thức cho các DN thủy sản khi gia nhập các FTAs - Các chuẩn bị cần thiết để các DN thủy sản hội nhập các FTA thế hệ mới - Ngành SX-XNK cá Ngừ VN với các FTA – cơ hội, khó khăn & kiến nghị - Thảo luận	- NAFIQAD - Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ NN & PTNT - Vụ Chính sách TM đa biên, Bộ Công Thương - Cục XNK - Ông Nguyễn Xuân Nam - GĐ HAVUCO	- CQTQ TW & địa phương, Hiệp hội ngành hàng - DN XNK Thủy sản - Đơn vị/khách hàng tham dự hội chợ -NGOs, các cơ quan truyền thông
---	--	--	---	--

Hội thảo 10: THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN TRUNG QUỐC - XU HƯỚNG VÀ TRIỂN VỌNG

VASEP D- FISH	9h30-12h20 26/8/2015 Hội trường B Tiếng Việt (Tiếng Anh phiên dịch sang tiếng Việt) (Tài liệu bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh)	- XK thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc - Tiềm năng và xu hướng - Hiện trạng và xu hướng tiêu thụ cá tra tại thị trường Trung Quốc - Những cơ hội, khó khăn, thách thức khi XK cá tra sang Trung Quốc - Xu hướng thị trường thủy sản Trung Quốc - Cơ hội và thách thức cho XK của Việt Nam - Kiểm soát XK thủy sản phù hợp qui định thị trường Trung Quốc - Yêu cầu của thị trường Trung Quốc về giám sát dịch bệnh trên tôm - Cơ hội và thách thức cho XK tôm của Việt Nam - Tham luận của Vụ Thị trường Châu Á – TBD	- VASEP - Ông Ong Hoàng Văn - Cty Trường Giang - Bà Trương Thị Lệ Khanh - TGD .Vinh Hoan Corp - Chuyên gia Thị trường Trung Quốc - Cục NAFIQAD - Cục Thú y - Vụ Thị trường Châu Á – TBD	- CQTQ TW & địa phương; các HH ngành hàng - DN CB, XK Thủy sản; Nhà NK/Bán lẻ - Đại diện TM các nước -NGOs, các cơ quan truyền thông
------------------------------------	--	--	---	---

Hội thảo 11: VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VASEP 2015

VASEP	9h30-12h00 26/8/2015 Phòng họp 2 Tiếng Việt	- Kết quả công tác Góp ý –xây dựng-phản biện chính sách năm 2014-2015 - Công tác Chất lượng-ATTP: các khó khăn và kiến nghị - Công tác Thuế-phí-Hải quan: các khó khăn và kiến nghị - Ý kiến của các Đại biểu đại diện cho các CQNN và đơn vị tham dự	- VASEP - Đại diện nhóm Chất lượng - ATTP - Đại diện nhóm Hải quan - Thuế - Các khách mời: D-FISH; NAFIQAD; TCHQ; TC Thuế; Vụ Pháp chế (Bộ NN & PTNT); Tổng cục Môi trường; Cục KSTTHC; Dự án GIG	Đại biểu/khách mời từ: Tổng Cục Thủy sản; Tổng Cục Hải Quan; Tổng cục Thuế; TCTM; NAFIQAD; Cục Thú y; Vụ Pháp Chế; Cục Kiểm soát TTHC; Dự án GIG; Nhóm VĐCS, các DN, HH ngành hàng và địa phương
--------------	---	--	--	--

THÔNG TIN CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ:

Chị Đỗ Thu Hương - Thư ký VASEP - Tel: 043 8354496 Ext 0 - Email: huongdo@vasep.com.vn - Mobile: 0983.221.783

Chị Nguyễn Thu Hiền - Điều phối viên đào tạo - Tel: 043 8354496 Ext 210 - Email: thuhien@vasep.com.vn - Mobile: 0906.076.587

Hoặc xem tại: www.vietfish.com.vn — www.vasep.com.vn — www.fistenet.gov.vn